

Nhiều tác giả

Stephen R. Covey tuyển chọn và giới thiệu

THE  
ALL-TIME  
BEST-SELLING  
BOOK



# hạt giống tâm hồn

Vượt qua  
thử thách

First Novel



nhà xuất bản trẻ hq tp. hồ chí minh



# HẠT GIỐNG TÂM HỒN 11

Những trải nghiệm cuộc sống

# Lời giới thiệu

*Tôi là một người may mắn!*

*Sống trong một thế giới đầy biến động, với những cuộc khủng hoảng, chết chóc và thờ than, tôi thấy mình thật may mắn khi hàng ngày được gặp gỡ với rất nhiều cá nhân trên khắp thế giới. Họ là những người đã dùng cuộc sống của mình để chứng minh rằng thế giới quanh ta vẫn thật đáng quý, đáng yêu.*

*Giữa lúc chúng ta phải nghe quá nhiều những vụ bê bối của các doanh nghiệp và tình trạng suy đồi đạo đức trong kinh doanh, tôi thấy mình thật may mắn khi quen biết nhiều nhà lãnh đạo cấp quốc gia, chủ tịch các tập đoàn và các tư vấn viên đạo đức, liêm chính.*

*Sống trong thế kỷ khi mà tội ác, chiến tranh, thiên tai và dịch bệnh luôn rình rập, đe dọa, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi được làm việc cùng các nhà hành pháp, các chuyên gia trong lĩnh vực quân sự, các nhà lãnh đạo, các giáo sư bác sĩ tận tâm cống hiến cho mọi người.*

*Sống trong thời đại khi mà tình phụ tử và mối ràng buộc gia đình đang bị đe dọa nghiêm trọng, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi biết những người cha tận tụy, những người mẹ bao dung đang từng ngày từng đêm nỗ lực hết sức mình cho sự lớn khôn cả về thể chất lẫn tâm hồn của con cái.*

*Và trong một kỷ nguyên nơi trường học và giới trẻ tồn tại đây những tệ nạn xã hội, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi được gần gũi những giáo viên nhiệt tâm, những thanh niên tài năng, tất cả đều giàu có cả về tri thức và tấm lòng, hàng ngày họ vẫn đang miệt mài tạo nên sự thay đổi - theo một cách riêng.*

*Quả thực, tôi cảm thấy mình may mắn khi có cơ hội gặp gỡ những con người như thế trên mọi nẻo đời. Chính họ đã mang đến cho tôi niềm tin rằng ở bất cứ nơi đâu trên trái đất này vẫn luôn hiện diện những con người giàu lòng nhân hậu, không ngừng dấn thân, cống hiến cho đời. Họ chính là nguồn cảm hứng bất tận của tôi. Và tôi đang muốn truyền nguồn cảm hứng đó đến bạn qua tập sách này.*

*Mà rất có thể, bạn cũng là một người trong số họ.*

STEPHEN R. COVEY

# Bài học trong giấy lát

*Không có gì đáng quý hơn một đôi tai lắng nghe đồng cảm.*

Frank Tyger

Là một bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình, tôi không thuộc mẫu người biết nói năng ngọt ngào, bay bướm. Tôi có thể hàn gán mọi thứ bằng đôi tay nhưng để nói ra bằng lời, với tôi chẳng dễ chút nào.

Có lẽ một phần đó cũng là do tính chất nghề nghiệp của tôi. Trong bốn năm làm việc tại bệnh viện Mayo ở Rochester, Minnesota, những thứ chiếm trọn tâm trí tôi đó là con dao mổ, phòng mổ, những ca cấp cứu, ánh đèn đỏ hú giục liên hồi. Chúng tôi phục hồi lại đầu gối, nối lại các đoạn xương giúp người bệnh lành lặn trở lại.

Vợ tôi - Patti, hiểu rằng tôi lựa chọn nghề y là vì muốn giúp người khác. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, chính những bệnh nhân lại mang đến cho tôi nhiều bài học bất ngờ.

Tôi vẫn còn nhớ một ca cấp cứu trong phiên trực đêm vào năm đào tạo thứ ba của tôi. Một thằng bé năm tuổi bị gãy cổ tay do ngã từ giường ngủ xuống. Tôi lầm bầm: “Sao không phải là một tai nạn khác!”. Dường như năm nay Rochester toàn những trường hợp trẻ em bị gãy tay thì phải. Từ phòng trực, tôi chậm chạp lê bước xuống phòng cấp cứu, cầm tấm bảng ghi tên bệnh nhân lên rồi đi thẳng tới nơi bệnh nhân đang chờ.

Thằng bé nằm trong lòng cha và rấm rứt khóc. Nó mặc bộ đồ ngủ in hình Vịt Donald, trong lòng ôm khư khư một con thú bông đã sờn rách trông giống như chú chó Goofy. Cổ tay bên trái của nó bị bẻ ngoặt về sau thành một góc bốn mươi lăm độ. Tôi tự giới thiệu mình với cha thằng bé rồi quay sang hỏi nó về chuyện đã xảy ra, nhưng thằng bé không trả lời và thậm chí cũng chẳng thèm nhìn tôi. Nó chỉ rúc sâu hơn vào cánh tay cha.

Tôi là người không mấy kiên nhẫn. Tôi biết việc sắp tới mình phải làm là gì và sẽ tốn bao nhiêu thời gian. Còn rất nhiều việc khác đang chờ đợi tôi. Vì thế, tôi chẳng buồn để tâm đến việc nói chuyện tiếp với thằng bé mà ngay lập tức đưa nó đi chụp X quang.

Năm phút sau, chuyên viên chụp X quang đã có mặt. Cô ấy ngồi xuống trước mặt thằng bé và nhẹ nhàng hỏi nó: “Oi Danny, cháu bị đau hà cháu ngoan?”.

Khi thằng bé ngược mắt nhìn cô ấy, đôi mắt nó rung rung: “Cháu bị ngã khỏi giường”.

Cô ấy đưa tay nựng nhẹ vào má thằng bé rồi nói: “Ôi, vậy thì thật là tệ. Được rồi, bây giờ cố sẽ chụp tay cho cháu rồi vị bác sĩ tốt bụng này sẽ giúp cháu làm nó lành lại. Cháu có muốn cô chụp cho cháu một bức hình của Goofy không?”. Danny liền gật đầu.

Tôi đứng ở góc phòng, lòng băn khoăn tại sao đứa trẻ này lại nói chuyện với chuyên viên chụp X quang mà không phải là tôi - bác sĩ chính của nó. Trong khi cô nhân viên tiếp tục ngọt ngào với thằng bé, tôi thầm nghĩ “Thật là lãng phí thời gian!”. Một lúc sau, cô ấy mới đi chuẩn bị máy móc và bắt đầu chụp. Rồi cô ấy đặt Goofy lên một chiếc hộp đựng phim và chụp luôn cho con thú bông đó.

Trong lúc chờ đợi kết quả chụp X quang, tôi đưa thằng bé tới phòng mổ rồi gọi cho Bonnie - bác sĩ gây mê và John “Ski” Kowalski - bác sĩ bó bột, và bảo anh ấy gặp tôi trong phòng bó bột.

Kết quả chụp X quang cho thấy tay thằng bé bị gãy và trật khớp xương nghiêm trọng. Nhưng thằng bé có vẻ không mấy quan tâm đến điều đó. Nó đang chăm chú nhìn ngó tấm hình chiếu chỉ một màu xám nhạt của con Goofy được đặt đối diện với tấm phim màu đen. Tôi bảo cha mẹ cậu bé rằng chỗ gãy của nó phải nán lại mới được. Và cách ít đau đớn nhất để làm việc đó là phải gây mê hoàn toàn. Tôi cũng nói rằng, theo tôi thì không cần thiết phải mổ. Tôi có thể đưa những khớp xương ấy trở lại như cũ, sau đó bó bột cho thằng bé.

Chúng tôi đưa Danny lên phòng bó bột và chờ mười lăm phút để chuyên viên gây mê tới. Ski vẫn lặng lẽ và thành thạo như mọi khi, anh ấy dỡ vật dụng ra rồi bắt đầu lựa cuộn thạch cao mà chúng tôi cần. Cô Bonnie cũng tới để giúp thằng bé ngủ thiếp đi, rồi cô ấy gật đầu ra hiệu cho tôi bắt đầu.

Tôi ngả cổ tay thằng bé xuống chín mươi độ, rồi áp dụng phương pháp điều trị bằng cách kéo gián tay liên tục để duỗi phần bị gãy ra, trong khi Ski cầm cánh tay thằng bé. Sau đó, tôi tăng lực để nâng phần xương đang bị trật đủ độ để tôi có thể luồn ngón tay cái bên trái của mình xuống bên dưới các khớp xương, sau đó đẩy phần xương bị gãy phía trên, rồi đẩy tất cả lên cùng lúc. Tôi nghe thấy tiếng kêu răng rắc khi các khớp xương trở lại vị trí ban đầu.



Ca nắn xương của tôi diễn ra thật hoàn hảo. Tôi đã quá thành thạo trong những trường hợp thế này. Có như thế tôi mới có mặt ở đây chứ. Bây giờ tôi chỉ cần bó bột cho thằng bé nữa là xong.

Ski nâng cánh tay thằng bé để tôi bắt đầu bó bột xung quanh chỗ gãy. Bỗng nhiên tôi bắt gặp một vết xăm màu xanh bên dưới chiếc áo của Ski. “Này Ski, số 28 có nghĩa là gì vậy?” - Tôi hỏi và chỉ vào vết xăm.

“Đó là tên trung đoàn của tôi. Bộ binh 28. Tôi đã từng là y tá quân y ở Việt Nam.” - Ski lặng lẽ trả lời. Trước nay anh chưa bao giờ nói về điều này.

Trong khi tôi tiếp tục ốp thạch cao hết lớp này tới lớp khác vào cánh tay cho thằng bé, Ski đã kể cho tôi nghe về thời gian anh ấy ở Việt Nam. -Nơi đó chẳng khác nào địa ngục, bác sĩ ạ. Tôi đã chứng kiến rất nhiều người bị thiêu sống, bị đánh đập dã man hoặc bị bán tan xác. Ngày này qua ngày khác, tôi thường xuyên phải băng bó và nẹp xương. Sau một thời gian, tôi có thể làm những việc này rất chuyên nghiệp. Tôi không muốn nghĩ về nó một chút nào nữa. Tôi chỉ muốn làm cho xong và về nhà thôi.

ừ, tôi hiểu ý anh muốn nói. - Tôi thì thầm.

Nhưng tôi đã sai bác sĩ ạ. Tôi đã quên rằng những bệnh nhân này không chỉ cần sự cứu giúp của tôi mà còn muốn tôi quan tâm tới họ. Công việc không chỉ gói gọn trong việc băng bó vết thương hay những việc chúng ta đang làm ở đây ngày hôm nay - phục hồi những khớp xương.

“Dĩ nhiên, công việc của chúng tôi là phục hồi những khớp xương rồi. Không phải đó là lý do người cha này đã đưa cậu con trai tới phòng cấp cứu sao? Đó không phải là công việc chính của tôi sao Rồi tôi chợt hiểu ra. Khi tay tôi lướt trên bề mặt lớp thạch cao phủ trên tay thằng bé để vuốt phẳng lớp cuối cùng, tôi đã xúc động tự nhủ: “Mày quả là ngốc. Mày đã quên mất điều quan trọng nhất!”.

Chắc hẳn Ski đã rất băn khoăn rằng chuyện gì đang xảy ra với chuyên gia lạnh lùng là tôi khi tôi vẫn đứng đó để bọc cao su lên lớp bột khô thay vì chạy tới phòng kỹ thuật để hoàn tất các phim chụp. Tôi đã im lặng khi Ski đề xuất chụp X quang cho thằng bé thêm lần nữa để chắc chắn là chỗ gãy đã được nắn lại hoàn hảo.

Không biết tự lúc nào, tôi đã tự biến bản thân thành cái máy vô cảm chỉ biết làm việc theo nguyên tắc mà quên lương tâm của người thầy thuốc. Tôi đã để sự thực dụng lấn át cảm xúc của mình. Thậm chí, một chuyên viên chụp

X quang cũng biết cách làm cho một đứa bé bị thương hiểu rằng nó được quan tâm. Trong khi đó, tất cả những việc tôi làm chỉ là giục giá thẳng bé mau lên để đưa nó đi thực hiện công đoạn kế tiếp.

Chúng tôi nhận được phim chụp sau năm phút và cùng kiểm tra lại vết thương trên tấm hình chiếu.

- Vị trí khớp rất hoàn hảo bác sĩ ạ - vẫn như mọi khi.

Câu nói của Ski khiến tôi không khỏi chạnh lòng. Tại sao trước kia tôi lại không nhận ra sự châm chọc trong giọng nói của anh ấy nhỉ?

Cô không cần đánh thức thằng bé dậy đâu, Bonnie ạ. - Tôi nói nhỏ với bác sĩ gây mê.

Khi Danny bắt đầu thức giấc, chúng tôi giúp thằng bé cảm thấy dễ chịu hơn. Tôi đã lấy con Goofy và bọc một miếng thạch cao nhỏ quanh tay của chú chó bông. Tôi tạo hình một cái dây nhỏ từ một vài mẩu giấy rồi quàng lên cổ con chó.

Đừng sợ, Danny ạ. Chúng ta đã xong hết rồi. Cánh tay của cháu cũng khỏi rồi. Và nhìn này, chúng ta đang chữa trị cho Goofy nữa đây!

Tôi nói khi mi mắt thằng bé dần mở ra và chậm chậm nhìn quanh.

Thằng bé nâng cánh tay lành lặn lên. Nó lấy con Goofy lại từ tay tôi.

Cháu muốn gặp mẹ. - Thằng bé nói mà đôi môi run run.

Cháu ổn rồi mà, cháu ngoan. Chỉ một lúc nữa thôi là ta có thể cho cháu và Goofy về nhà.

Tôi lặp lại.

Tôi lấy bảng ghi tên bệnh nhân và lần tìm tên thằng bé. Daniel Oestmann, ở Byton, Minnesota. Trước đó, tôi đã không biết họ tên đầy đủ của nó. Tôi lau khô vết thạch cao còn dính trên tay mình, cầm lên kết quả chụp X quang rồi đi gặp cha mẹ thằng bé.

Chào ông bà Oestmann, Danny ổn rồi. Mọi thứ đều tốt. Chỗ xương gãy đã được nắn lại đúng vị trí. Thằng bé có thể về nhà vào tối nay. - Tôi nói.



Bác sĩ có cần phải mổ không?

Không ông ạ. Tôi đã nắn lại xương mà không cần mổ.

Gương mặt cha mẹ thằng bé giãn hẳn ra. Từ khi nào tôi không nhận ra những niềm hạnh phúc ngọt ngào mà bình dị như thế? Từ khi nào tôi trở nên thiếu nhân nại khi thông báo tin tức cho thân nhân người bệnh và chỉ muốn mau chóng quay lưng bước đi?

- Mời ông bà ngồi. - Tôi nói rồi chỉ vào bảng ghế đằng sau họ.

Tôi ngồi cùng gia đình Oestmann khoảng mười lăm phút. Họ kể với tôi rằng họ có hai đứa con nữa, một đứa 10 tuổi còn một đứa 12 tuổi.

Vậy Danny là con út ở nhà à? - Tôi hỏi bà Oestmann.

Vâng thưa bác sĩ. Nancy nghĩ là trái đất thay đổi từng ngày cùng sự lớn lên của thằng bé. - Ông Oestmann nói trước khi vợ kịp trả lời. Bà chỉ mỉm cười xấu hổ.

Tôi nhắc họ những điều nên tránh, chỉ dẫn họ phải chụp X quang lần nữa, đồng thời căn dặn họ cứ gọi điện tới nếu có điều gì thắc mắc. Rồi tôi bảo là tôi sẽ hỏi các y tá xem có thể cho họ gặp Danny một lát không. Họ đứng dậy và nắm lấy tay tôi. Bà Oestmann nói: “Cảm ơn bác sĩ. Cảm ơn anh nhiều lắm!”.

Đến lúc đó, tôi mới thanh thản nói lời chào tạm biệt cha mẹ thằng bé.

Ca trực đêm này đã cho tôi một bài học giá trị. Sau khi nói chuyện với các y tá, tôi đi tới phòng bó bột. Ở đó, tôi còn nợ lời cảm ơn với một người.

- Michael J. Collins, M. D.

# Thông điệp từ vườn cây thích

*Nghịch cảnh là cơ hội kiểm nghiệm bản thân. Không có nghịch cảnh, người ta khó có thể biết mình là người như thế nào.*

Henry Fielding

Tôi biết ông là một người thông thái, nên việc ông sẵn sàng chào đón nếu tôi tới New England như ông nói thì quả thực là điều tôi không ngờ tới.

Nhiều năm trước, tôi từng tham dự các buổi thuyết giảng của ông và gần đây tôi cũng đọc một số sách của ông. Mục đích lớn nhất trong chuyến viếng thăm lần này là tôi hy vọng rằng sự thông thái của ông sẽ giúp tôi dịu bớt nỗi sầu muộn đang giày vò khiến cuộc sống của tôi chìm trong tăm tối. Những mất mát về tài chính cùng sự bất lực của tuổi già đã mang đi hết thảy những hương vị tuyệt vời trong cuộc sống của tôi.

Vào một ngày cuối đông, tiết trời trong lành, tôi gặp ông ở trang trại gần Corinth, Vermont. Người đàn ông ấy sống chan hòa giữa những cánh đồng và vùng rừng núi phủ đầy tuyết trắng. Sau nhiều năm miệt mài viết sách, thuyết giảng và giúp đỡ mọi người với cương vị một “bác sĩ tâm hồn”, giờ đây, Edgar N. Jackson đang vận dụng nghị lực và sự hiểu biết vào cuộc sống của chính mình. Sau một tai nạn khủng khiếp, ông bị liệt nửa người bên phải và không thể nói.

Các kết quả chẩn đoán ban đầu của ông đều rất xấu. Người ta báo cho Estelle người vợ 53 tuổi của ông rằng ông sẽ không bao giờ nói được nữa. Nhưng chỉ trong vài tuần ngắn ngủi, bằng nghị lực phi thường, khả năng nói của ông đã được cải thiện đáng kể. Không dừng lại ở đó, ông quyết tâm phải vượt qua những hạn chế của chính mình.

Khi trông thấy tôi, ông vui vẻ tiếp đón. Ông

CÓ chiều cao trung bình nhưng người đối diện có thể cảm nhận từ ông một điều gì đó rất khác biệt. Ông đi lại chậm chạp với sự trợ giúp của chiếc gậy cầm tay, tuy nhiên mắt ông vẫn rất tinh tường. Ông dẫn tôi tới phòng làm việc. Trong phòng xếp đầy những sách, mới có cũ có, tất cả đều xếp xung quanh một chiếc bàn, trên đó còn có một chiếc máy vi tính, những tập giấy và tạp chí.

Ông nói rất vui khi biết những cuốn sách của ông có thể giúp ích cho tôi. Tôi

cũng thừa nhận chúng đã cho tôi những bài học quý giá, giúp tôi vượt lên những khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, nỗi đau cũ chưa qua, những phiền muộn mới lại đến. Chúng khiến tôi rơi vào bế tắc và mệt mỏi, không sao thoát ra được.

Xét ở một góc độ nào đó, cậu là mẫu người tự đẩy bản thân vào cái bóng của những chuyện buồn. - Ông nói. - Tâm trạng bi quan chính là mẫu chốt trong vấn đề của cậu. Đối diện với những điều không theo ý muốn, cậu có thể than khóc hay tiếc nuối nhưng sau đó, cần phải biết chấp nhận. Chỉ có như vậy, cậu mới thanh thản vượt qua.

Ông cũng nói thêm rằng nếu quá cố chấp, người ta sẽ càng bị vùi lấp trong nỗi buồn, và rồi cuộc sống sẽ chỉ còn là một chuỗi những tháng ngày chán nản, tâm trí bất an. Ngược lại, những người biết biến mất mát thành hành động sẽ tìm thấy cho mình sự nhạy bén và niềm tin mãnh liệt.

Đó là lý do tại sao người ta vẫn khuyên rằng bạn nên chia sẻ cảm xúc và bày tỏ suy nghĩ của mình. Có như thế, bạn mới sớm dịu bớt buồn đau để tâm hồn được khuây khỏa. Tôi cho cậu xem thứ này.

Ông nói rồi chỉ về hướng những cây thích tro trụ ngoài cửa sổ. Những đợt gió thổi mạnh như muốn bẻ gãy những cành cây cần cỗi. Đám tuyết dày bao phủ từ hôm qua rơi xuống lá tả. Người chủ cũ đã trồng những cây thích này để rào quanh đồng cỏ rộng ba mẫu.

Chúng tôi bước từng bước chậm chạp ra ngoài đồng cỏ, tuyết lạo xạo dưới chân. Vào mùa hè, dải đất này trải rộng nhấp nhô sỏi đá và ngập tràn hoa cỏ dại; nhưng giờ đây, hết thảy cỏ cây đều khoác màu áo úa vàng và khô héo do sự tàn hại của sương giá. Và rồi tôi bỗng nhận ra trên mỗi thân cây thích to lớn là những sợi dây thép gai cũ chĩa vào sâu đến giữa thân.

Sáu mươi năm trước, người chủ trồng loại cây này cốt để làm hàng rào cho đồng cỏ và cũng là để tiết kiệm công sức đào hố chôn cột hàng rào. Với những cây non, dây thép gai bám chặt rồi chọc vào lớp vỏ mềm yếu quả là nỗi đau không gì sánh được. Một số cây học cách thích nghi trong khi một số cây khác lại tìm cách chống chọi. Cậu thấy đây, dây thép gai đã được chấp nhận và trở thành một phần cuộc sống của chúng - nhưng với cây đằng kia thì lại khác.

Ông chỉ tay về phía một cây thích già bị biến dạng trầm trọng vì dây thép gai.

Tại sao cây này chống lại hàng rào thép gai để rồi tự chuốc lấy đôn đau vào mình, trong khi nó có thể làm chủ thay vì là nạn nhân của mớ dây thép ấy?

Trong lúc chúng tôi quay vào nhà, ông điềm điềm nói:

Tôi đã nghĩ rất nhiều về vườn cây này. Sức mạnh nào giúp chúng vượt qua nỗi đau bị dây thép gai đâm xuyên chứ không để bản thân bị biến dạng? Tương tự, làm thế nào người ta có thể biến nỗi buồn đau thành sức mạnh thay vì để nó hủy hoại cả cuộc sống của mình?

Edgar thừa nhận rằng ông không thể giải thích nổi những chuyện đã xảy đến với vườn cây thích. Ông nói tiếp:

Nhưng với con người, mọi chuyện có thể giải thích dễ dàng hơn nhiều. Có rất nhiều cách giúp người ta vượt qua nghịch cảnh và giải tỏa nỗi buồn. Trước hết, hãy cố gắng giữ cho mình một thái độ lạc quan. Sau đó, hãy rũ bỏ những thù oán hiềm khích chứa trong lòng. Và có lẽ điều quan trọng nhất là phải cố gắng yêu thương chính mình. Điều đó không đơn giản. Người ta có rất nhiều thời gian cho bản thân, cũng bởi vậy mà họ thường có xu hướng soi xét mình thái quá. Đôi khi, chúng ta cần phải biết tự hài lòng và biết tha thứ cho những lầm lỗi của bản thân.

Nếu chúng ta biết cách kiểm soát nỗi đau của mình, nếu chúng ta giúp bản thân giải tỏa hoàn toàn những phiền muộn thì những dây thép gai kia sẽ không thể chiến thắng. Chúng ta có thể vượt qua bất cứ nỗi đau nào và lạc quan tận hưởng cuộc sống này.

Estelle xuất hiện với một miếng bánh táo và một tách cà phê trên tay. Edgar nhìn vợ mỉm cười và nói:

Tôi sẽ cố gắng tận hưởng hết niềm vui của cuộc đời, tìm kiếm tri thức mới, bạn bè mới, trải nghiệm mới.

Nói rồi, ông liếc nhìn chiếc máy tính mới và một chồng sách mới đặt trên bàn. Ông đang thực hiện điều đó trong chính cuộc sống của mình. Dù vẫn buồn vì bị liệt một nửa người nhưng ông không muốn mình là người thua cuộc.

Chúng ta có thể viện cớ những điều không may mình gặp phải để bỏ cuộc, hoặc chúng ta có thể chấp nhận nó để tìm cho mình một cơ hội mới - một sự hồi sinh.

Ông lại liếc nhìn đồng cỏ phủ đầy tuyết trắng bên kia con đường, trầm giọng:

Cậu có vấn đề của cậu. Tôi có nỗi buồn của tôi. Tôi sẽ tiếp tục công việc của tôi nếu cậu tiếp tục công việc của cậu.

Cảm ơn ông, tôi sẽ làm như thế! - Tôi hứa rồi chúng tôi bắt tay nhau. Đó là thỏa thuận giữa chúng tôi. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy như mình vừa được đón nhận thêm một điều gì đó thật mới mẻ. Và giờ đây tôi đã có định hướng để vượt qua tất cả.

Khi lái xe xuống thung lũng, tôi nhìn lướt qua trang trại của Edgar giữa đồng cỏ phủ đầy tuyết trắng. Gió đang đùa nghịch trên những ngọn cây thích. Và chính ở những rặng cây bí ẩn ấy, tôi đã tìm được bài học giá trị cho mình.

- Edward Ziegler

# Đôi thủ đáng gờm

*Thế giới đầy những khó khăn nhưng cũng có biết bao con người nghị lực, sẵn sàng vượt qua những khó khăn ấy.*

Helen Keller

Kyle Maynard đang ra sức cố gắng để không thua nhân viên của Six Flags. Trong nhiều năm qua, cậu đã phát triển được một số kỹ năng rất đáng nể, từ biểu diễn nghệ thuật tới việc thể hiện kỳ tích về sức mạnh như hít đất thật nhiều lần. Nhưng nhân viên điều hành trượt vẫn không thay đổi ý kiến. Bằng mọi cách, anh ta không thể để Kyle lên đường trượt bởi vì khi nhìn kỹ le, anh ta chẳng thấy ở cậu tố chất nào của một vận động viên ngôi sao hay một vận động viên có kỹ năng. Anh ta chỉ thấy một vụ kiện tụng đang hiện lên trước mắt và trong danh sách các bị đơn, ngay dưới tên của công viên giải trí, anh ta thấy tên của chính mình. Vì thế, Kyle đừng hy vọng là có cơ hội.

Trước mặt hơn 200 khán giả tại công viên lúc bấy giờ, Kyle đã thách thức: “Quý vị hãy tìm giúp tôi nam nhân viên vạm vỡ nhất ở đây và nếu anh ta có thể ngăn tôi không lên đường trượt này thì tôi mới không lên”.

Nếu là những người hoàn toàn xa lạ, có thể lời thách thức ấy thật lộ bịch, thậm chí người ta còn hoàn toàn đồng tình với quyết định của nhân viên Six Flags.

Dù thế nào chăng nữa, Kyle Maynard cũng chỉ cao chưa đầy 90 centimet. Cậu đang đứng kế chiếc xe lăn. Cánh tay cậu bị cụt từ khuỷu trở xuống, còn đôi chân thì teo tóp. Một người có hình dạng như thế làm sao có thể ngồi an toàn trong dây bảo hiểm?

Nhưng, nếu bạn là Kyle Maynard hoặc một trong những người bạn của cậu ấy thì chẳng có gì buồn cười hơn khi bạn cho rằng Kyle không thể đi tàu trượt. Và bạn sẽ hy vọng rằng thử thách này sẽ không được thực hiện vì thương cho chính nhân viên phải ra thi đấu với Kyle kia. Bởi một khi bạn đã bước vào thế giới của Kyle Maynard, bạn sẽ nhận ra rằng khuyết tật không đồng nghĩa với bất lực.

Khi Anita Maynard mang thai đứa con đầu tiên, bác sĩ đã cảnh báo với vợ chồng cô rằng họ không thấy chân đứa trẻ trong hình siêu âm. Tuy nhiên, trong lần khám thai thứ hai, họ khẳng định lại với nhà Maynard rằng đứa trẻ



vẫn có đầy đủ tứ chi, nhưng các chi của nó đều ngắn hơn người bình thường. Rồi Kyle chào đời.

Điều bác sĩ cảnh báo hóa ra là một đôi chân dị hình chỉ dài một mẩu dưới hông của đứa trẻ. Thằng bé cũng không có bàn tay. Cánh tay của nó chỉ bằng một nửa bình thường. Tuy nhiên, Anita vẫn nhớ: “Thằng bé rất xinh. Gương mặt nó thật đẹp và khá khinh. Mái tóc vàng, đôi mắt xanh còn làn da mơn mớn như đào tơ”.

Cặp vợ chồng trẻ đó không biết mình nên mong chờ gì ở đứa con này. Họ chưa từng thấy ai có thân hình như Kyle, vì thế họ luôn cố gắng chấp nhận nó từng chút một. Và rất nhanh chóng, họ đã quên mất Kyle là một đứa trẻ tật nguyền. Scott - cha của Kyle nói rằng: “Thằng bé có thể làm mọi thứ như những đứa trẻ bình thường khác. Bò trườn. Chơi đồ chơi. Khóc méo. Cười vui”.

Khi đã khẳng định chính xác là thể trạng của Kyle không phải do di truyền, và những đứa con tiếp theo chắc chắn không mang những dị tật tương tự, Scott và Anita tiếp tục sinh thêm ba đứa con, tất cả đều là con gái. Và vì Kyle chẳng khác nào đứa trẻ bình thường trong mắt cha mẹ nên những khác thường của cậu bé cũng chẳng khiến các em gái sợ hãi hay xa lạ. Cậu chơi đùa với em như những người anh trai khác, cả bốn đứa trẻ đã rất vui vẻ chơi trò bịt mắt trốn tìm hay bán súng nước với trẻ con hàng xóm.

Trước khi đi học, cha mẹ đã trang bị cho Kyle tứ chi giả. Đang nhanh nhẹn như người bình thường, lúc này, các chi giả gây nhiều phiền toái cho Kyle. Đôi chân giả khiến cậu không thể đứng lên từ vị trí được đặt ngồi trên sàn nhà. Cánh tay gồm những lỗ latex tới nách và phần đệm chéo ở lưng khiến cậu chẳng lúc nào được thoải mái. Vào giờ kể chuyện ở nhà trẻ, Kyle cùng các bạn ngồi trên thảm, và đến lúc phải trở lại chỗ ngồi, cậu chẳng thể làm gì ngoài việc ngồi lại đằng sau chờ người lớn đưa cậu ngồi lên.

Mẹ ơi, con không muốn mang những thứ này nữa. Con muốn ngồi xuống và chơi với các bạn. - Kyle nhớ nói với mẹ.

Đó là lần cuối cùng cậu phải than phiền về các chi giả. Anita bảo:

Chúng ta sẽ tháo bỏ những thứ này. Rồi thằng bé lại có thể nhảy xuống, nhào lộn, búng tay và ngồi xuống trong giờ kể chuyện rồi sau đó quay trở lại chỗ ngồi như các bạn.

Kyle đã cố gắng làm mọi điều mà không cần đến chi giả. Khi các bạn cùng

lớp học cách tô màu theo hàng, cậu cũng tập luyện, hai mẩu tay cậu siết chặt lấy bút màu.

Đến lúc tập viết chữ, cậu cũng luyện tập viết chữ đẹp chẳng kém gì các bạn. Để đi lại các khoảng cách xa và để không bị bần, Kyle được bố mẹ trang bị cho một chiếc xe lăn điện nhưng cậu thường bỏ nó sang một bên khi ở nhà hoặc bất cứ nơi nào cậu có điều kiện sử dụng cơ thể được tự nhiên ban tặng.

Kyle cũng học cách tự ăn cơm bằng muỗng giữa hai đầu cánh tay (đầu tay này chông lên đầu tay khác), xúc ngũ cốc hay những món mà cậu muốn ăn rồi quay ngược muỗng lại và cho thức ăn vào miệng. Những việc đó chẳng có gì đáng kể, tất cả đều đòi hỏi sự tập trung như khi bạn thực hiện các thao tác tương tự. Chỉ có điều, đã có lần Kyle thực hiện những hành động ấy để quay lên tivi. Hãy thử tưởng tượng bạn sẽ cảm thấy thế nào nếu những người lạ mặt tới nhà bạn rồi quay phim bạn đang ăn cùng chiếc muỗng, có lẽ bạn sẽ hiểu cảm giác của Kyle Maynard trong cuộc sống này.

Để thích nghi, gia đình Maynard đã sớm học cách dùng sự hài hước đối diện với những người xa lạ và các phản ứng của họ. Rất nhiều lần, Scott và Anita căn dặn các con nên bỏ qua cho mọi người vì trí tò mò là phản ứng rất dễ hiểu ở con người, nhưng điều gì cũng phải có giới hạn của nó. “Chúng tôi cho người lạ nhìn chằm chằm trong vòng năm phút. Sau đó họ sẽ có một câu chuyện hấp dẫn.” - Anita cười.

Một lần, tại bãi biển, Kyle và một số bạn thân đùa nghịch quá trớn. Chúng rưới một số lượng lớn nước xốt cà chua lên các chi của Kyle rồi đẩy cậu xuống nước kêu gào cá mập. Điều đó chẳng khiến ai cười nổi.

Kyle bắt đầu chơi bóng đá vào năm 11 tuổi. Scott cho rằng đó là một ý tưởng tuyệt vời nhưng Anita thì phải thuyết phục một chút. Sau đó, tất cả thành viên trong gia đình đều đồng lòng ủng hộ nên không lâu sau, đội bóng trường trung học đã có thêm một cầu thủ mới rất nhỏ bé.

Nhìn video quay lại những trận bóng của Kyle, bạn có thể băn khoăn làm sao Anita có thể chịu đựng được khi nhìn con trai ngã dúi dụi trong bùn khi tranh bóng với những đôi chân mạnh mẽ và nhanh nhẹn như vậy. Và bạn cũng sẽ không khỏi cảm động trước sự dũng cảm cũng như ý chí quyết tâm của đứa trẻ đó. Cậu không bao giờ được sở hữu một đôi giày trong cuộc đời bởi hình dáng dị biệt của đôi chân nên trên sân bóng đá, cậu phải đi đôi tất với đệm khuỷu chân. Tuy nhiên, sự bảo vệ đó quá kém và chẳng thấm thía vào đâu so với những cú nện gót rầm rập của bọn trẻ.

Lần đầu tiên Kyle biết mọi người chú ý đến mình là khi họ gọi cậu là người truyền cảm hứng và một cầu thủ dũng cảm. Điều đó thật bất bình thường với kỳ le và gia đình cậu. Trước nay, cậu chưa bao giờ cố gắng truyền cảm hứng cho ai hoặc đánh bóng tên tuổi mình; cậu chỉ muốn chơi bóng. Tuy nhiên, cậu đón nhận tất cả bằng thái độ trân trọng và hạnh phúc. Đẹp trai và có tiềm năng, cậu nhanh chóng trở thành mối quan tâm của giới truyền thông. Trước mặt họ, đã có lần cậu biểu diễn trò tăng bóng.

Kyle bắt đầu tập thể hình, nâng cao sức mạnh cho đôi tay và thân mình một cách đáng nể phục. Cậu quyết định rằng môn thể thao phù hợp cho mục đích đó là đấu vật. Bây giờ đến lượt Scott - một cựu đấu vật ở trường phổ thông, phải ra mặt thuyết phục. Môn thể thao này rất khác biệt so với bóng đá. Trong bóng đá, nếu có thất bại thì cũng không riêng cá nhân nào bị chỉ trích, nhưng trong đấu vật, nếu Kyle thua, ngay lập tức người ta sẽ hiểu rằng đối thủ của cậu đã làm tốt hơn. Liệu Kyle có thể chịu đựng được sức ép này không?

Câu trả lời là có.

Ban đầu, Kyle đã thua tất cả các trận đấu vì hai lý do. Trước hết là vòng thi đấu thường kéo

dài và diễn ra nguyên ngày. Những lần như vậy, Kyle phải thức dậy vào lúc 5 giờ sáng để chuẩn bị cho trận đấu, kết quả là cậu đã thua và phải ngồi bên ngoài chờ đợi để được thi đấu lại vào buổi chiều muộn đề rồi đón nhận thất bại thêm lần nữa. Điều đó thật dễ khiến người ta ngá lòng. Nhưng cậu chưa bao giờ từ bỏ.

Thật may, huấn luyện viên của Kyle, Cliff Ramos, là người có cách tiếp cận rất phóng khoáng và sáng tạo khi làm việc với Kyle. “Ban đầu, tôi không biết mình phải làm gì với Kyle. Cơ thể thằng bé quá khác biệt. Nhưng sau đó, chúng tôi bắt đầu khai thác lợi thế từ thân hình của thằng bé. Chúng tôi đã sáng tạo ra các đòn khóa và ghìm nhờ cằm và cánh tay”.

Sau đó, kỳ le bắt đầu chiến thắng. Với thân mình khỏe mạnh vạm vỡ và những chiến lược thông minh, cậu dần trở thành một đối thủ đáng gờm ở hạng cân 46 kg.

Những đối thủ trước kia coi thường hoặc thương hại cậu dần thấy mình thất bại thảm hại. Một số bậc phụ huynh và huấn luyện viên thậm chí còn than phiền rằng vì các đô vật ở hạng cân 46 đều là những đứa trẻ nên chân tay

to khỏe rần chắc của Kyle luôn giành được lợi thế không công bằng so với chúng.

Điều đó có vẻ rất lố bịch nhưng nếu bạn biết rằng Kyle đã một lần giành được danh hiệu Thanh Thiếu Niên Khỏe Mạnh Nhất khi biểu diễn nâng 23 lần quả tạ nặng 108 kg được buộc chặt vào cánh tay thì bạn sẽ hiểu. Không những thế, một ngày nọ cậu còn nâng được quả tạ nặng 190 kg, rồi dần dần là 227 kg. Và quả là kỳ tích khi cậu nói rằng “Tôi càn quả nặng hơn”.

Một buổi chiều mùa hè, ky le lái chiếc xe tải mini được mẹ trang bị thêm các thiết bị giúp cậu điều khiển pedal bằng tay tới phòng tập đấu vật. Đến trường, Kyle mới phát hiện ra rằng mình quên chìa khóa thang máy dành cho xe lăn dẫn lên phòng đấu vật ở tầng hai. “Ôi” - cậu vừa thốt lên vừa hướng mắt về phía cầu thang, rồi cậu nhảy ra khỏi chiếc xe lăn và đặt nó ở phía hành lang. Cậu bò lên những bậc cầu thang bần thủ trông như mới được một đội tuyển chạy việt dã ghé thăm sau buổi thực hành.

Khi về nhà, Kyle kể điều đó cho Anita. Cô rất ghét sự bần thủ nên đã tỏ ra lo lắng:

Tại sao con không xin bảo vệ tòa nhà cho con chìa khóa thang máy?

Con không muốn đợi. Với lại, đôi khi việc cần làm thì vẫn phải làm mà mẹ.  
Kyle đáp lại.

Dường như, đó là câu nói cửa miệng của Kyle. Nếu bạn gặp cậu ấy, chắc hẳn bạn cũng sẽ nghe được câu: “Tôi biết tôi có thể làm được gì và tôi sẽ làm điều đó”.

Tác phong nghiêm túc của Kyle luôn truyền cảm hứng cho mọi người bởi nó xuất phát từ một con người cứng cỏi, lạc quan và không bao giờ chùn bước.

Những ngày tháng cuối cùng ở trường phổ thông, Kyle lại lần nữa trở thành tâm điểm của sự chú ý khi cậu trở thành ứng cử viên sáng giá cho đội đấu vật đại diện trường. Trong bóng đá, việc cậu được chơi cùng những đứa trẻ lành lặn là một nghĩa cử cao đẹp. Nhưng trong đấu vật, cơ hội do chính cậu tạo ra.

Trong một trận đấu nọ, một người đàn ông trung niên đã tìm cách tiếp cận Scott. Ông từng thấy Kyle trên ti vi và muốn gặp cậu vì theo như ông nói, Kyle đã cứu vớt cuộc đời ông. Bị béo phì, lại mắc bệnh đái tháo đường, ốm đau và trầm cảm, ông luôn tự cho mình là người bất hạnh nhất. Nhưng chính

những suy nghĩ lạc quan của Kyle đã kéo cuộc đời ông dậy, giúp ông vui vẻ tận hưởng cuộc sống. “Con trai của anh là một người thật nghị lực và lạc quan.” - ông nói với Scott.

Vào cuối mùa giải, Kyle là một trong những vận động viên cử tạ hàng đầu ở khu vực Đông Nam nước Mỹ. Cậu đã giành vị trí thứ hai trong toàn khu vực. Một tháng trước vòng thi đấu cấp bang, cậu thường dành hơn hai giờ sau mỗi buổi tập luyện vào các buổi tối để tự rèn luyện dù đồng đội của cậu đã về nhà trước đó rất lâu. Cậu nói rằng mục đích của cậu mỗi tối là “không dùng chiếc xe lăn làm lá chắn cho sự thất bại của mình Tại vòng thi này, cậu bị thất bại hai trận đầu đón. Nhưng vì thành tích của cậu rất cao nên cậu được chấp nhận thi đấu ở giải vô địch cấp quốc gia, và ở đây, cậu đã lọt vào danh sách 12 người dẫn đầu.

Kyle thực sự bối rối trước sự quan tâm mọi người dành cho mình, nhất là khi được xem là “một vận động viên bình thường ở trường phổ thông” theo cách nói của cậu. Theo lời giải thích của Kyle hai tháng sau khi tốt nghiệp với tư cách người phát ngôn chính của một diễn đàn dành cho người tàn tật, thì đó là điều bình thường. Cậu nói với mọi người rằng: “Bất cứ ai cũng có thể vượt qua giới hạn của bản thân và đạt được ước mơ”.

Tháng 8 năm 2004, Kyle bắt đầu vào học trường Đại học Georgia (Cậu tốt nghiệp trung học với điểm số khá cao và có thể đánh máy được 50 từ một phút bằng cách sử dụng sự lanh lẹ của hai đầu cánh tay). Do trường đại học không có đội thể thao nên cậu đã tham gia câu lạc bộ đấu vật. Cậu vẫn muốn tiếp tục công việc phát ngôn viên, nghiên cứu tâm lý thể thao và có thể, cậu sẽ trở thành một huấn luyện viên hoặc là người điều hành một trung tâm thể hình.

Một lần, tòa án đã ra quyết định gửi một đứa trẻ rắc rối tới gặp Kyle trong một ngày để giúp nó hiểu thế nào là nghịch cảnh. Cha mẹ đứa trẻ đó đã ly hôn. Nó bị đuổi học vì tội gây gổ đánh nhau và có nhiều hành động sai trái. Kyle đã làm thay đổi thẳng bé.

Mọi người nghĩ rằng cuộc sống của tôi rất tồi tệ. Nhưng không! Hãy nhìn vào cuộc đời của tôi so với nhiều đứa trẻ khác. Tôi có một gia đình tuyệt vời luôn yêu thương tôi. Con người ai cũng có những nỗi đau riêng. Chỉ có điều nỗi đau của tôi dễ thấy hơn mọi người.

Một khi hiểu được điều này, bạn có thể trở thành thành viên trong thế giới của Kyle Maynard. Kyle Maynard tuyệt vời ở chỗ cậu ấy có thể khiến bạn

tin tưởng rằng nếu bạn ở tình huống tương tự, chắc chắn bạn sẽ làm những gì cậu ấy từng làm.

Bạn sẽ thấy rằng nét đặc biệt của Kyle không hề lu mờ vì cậu đã trở thành một người bình thường mà cậu ấy đặc biệt chính vì sự bình thường đó. Và một khi bạn đã bị thuyết phục trước những lý lẽ của Kyle, bạn sẽ dần nhận ra tiềm năng trong chính bạn và những người xung quanh, không gì có thể cản trở hoặc khiến bạn phải lùi bước. Chỉ có điều đôi khi bạn quên mất những thế mạnh của mình và cần một ai đó giúp bạn khơi lại mà thôi.

- Derek Burnett



# Liệu pháp tiếng cười

*Nghịch cảnh là lý do khiến một số người gục ngã nhưng cũng là cơ hội để số khác bứt phá.*

William Arthur Ward

Tôi vẫn còn nhớ lần đầu tiên đến bệnh viện Mayo ở Scottsdale, Arizona, sau khi được chẩn đoán mắc căn bệnh ung thư. Chuyến đi đó khiến tôi nhớ lại tấm áp phích quảng cáo “Sự tiến hóa của con người”. Chỉ có điều thứ đang đập vào mắt tôi là một hàng dài những bệnh nhân đầu đã rụng hết tóc, thân hình gầy gò xương, da dẻ xanh xao bợt bạt sau những đợt hóa trị. “Quá nhiều cho tiến hóa đấy.” - Tôi tự đùa với chính mình. Đó là điểm khởi đầu trong hành trình chữa trị của tôi.

Giờ thì tôi đã hiểu ý nghĩa của câu “Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ” vốn được nghe từ khi còn bé. Cha mẹ tôi là một trong số những người may mắn thoát chết khỏi nạn tàn sát người Do Thái của Hitler và họ là những người vô cùng hài hước. Cũng nhờ họ mà tôi được biết đến những nghệ sĩ hài vĩ đại nhất thời đại. Tôi lớn lên cùng những thước phim hài của Jackie Gleason, Ernie Kovacs, Sid Caesar, Jonathan Winters, nhóm Ba Anh Hề và Anh em Marx. Khi còn là một đứa trẻ, tôi đã nhận ra rằng nếu tôi có thể khiến mọi người cười, chắc chắn mọi người sẽ yêu quý tôi hơn. Và không biết tự lúc nào, tôi nghiện cảm giác đưa lại tiếng cười sáng khoái cho người khác. Tôi không hề biết rằng, sau này, chính nụ cười đã mang lại sức mạnh cứu vớt cuộc đời tôi.

Tháng 3 năm 1999, tôi tham gia biểu diễn tại Liên hoan Hài kịch Mỹ ở Aspen, Colorado - nơi hội tụ của rất nhiều danh hài hàng đầu và những vị giám đốc đã lừng lẫy ở Hollywood. Xét ở một khía cạnh nào đó thì tôi đã rất may mắn. Trong liên hoan này, tôi là nhân vật chính của các cuộc chuyện trò. Một vài ngày sau, tôi nhận được lời đề nghị làm việc cho HBO. Tiếp đó là hợp đồng cho đĩa hài thứ ba của tôi. Không lâu sau, một số đài lại mời tôi diễn trong các chương trình hài, và Fox còn lựa chọn buổi biểu diễn Schimmel của tôi cho loạt chương trình vào mùa thu năm 2000.

Vào ngày 2 tháng 6 năm 2000, tôi tới Las Vegas để chuẩn bị cho lần xuất hiện đầu tiên ở Monte Carlo Resort & Casino. Tại sân bay, tôi gần như choáng ngợp trước hàng loạt bảng hiệu chào đón có hình tôi trên đó. Bên ngoài khách sạn còn có một tấm băng rôn khác ghi “Robert Schimmel: Ngày

2 và 3 tháng 6”. Tôi quả là một ngôi sao đang nằm trên bệ phóng.

Hai ngày sau, tôi cảm thấy mình kiệt sức và hơi sốt, thế là tôi đi khám bác sĩ. Tôi tưởng mình chỉ bị cảm thông thường, nhưng bác sĩ đã phát hiện ra một cái bướu nhỏ dưới cánh tay trái của tôi, ông ấy hỏi tôi có cái bướu đó bao lâu rồi nhưng tôi không biết. Tôi không để ý. Rồi ông yêu cầu tôi chụp cắt lớp điện toán và làm sinh thiết.

Khi tỉnh dậy ở phòng hồi sức, tôi thấy nách mình được quấn rất nhiều băng. Bác sĩ tới và bảo ông mới tìm thấy một cái bướu to hơn, khoảng bằng quả mơ, ở ngay dưới cánh tay phải của tôi. Điều tiếp theo mà tôi có thể nhớ là tôi trong văn phòng của bác sĩ cùng cha mẹ và vợ tôi. Bác sĩ bước vào cùng các mẫu phim chụp. Ông bảo rằng cái bướu đó là ác tính. Ung thư. Bệnh ung thư máu Non-Hoigkin(3). Đúng là số phận, tôi nhủ thầm. Tôi lại mắc căn bệnh không được đặt theo tên của người đàn ông ghi trên tên bệnh. (Non-Hoigkin nghĩa là “khôngphải Hoigkin”).

Đối với tôi, điều khó khăn nhất là làm sao thông báo tin xấu này cho bọn trẻ. Đây không phải là lần đầu tiên chúng tôi phải đối mặt với căn bệnh ung thư nguy hiểm. Năm 1992, tôi đã mất đi con trai Derek vì căn bệnh ung thư não. Lúc đó thằng bé mới 11 tuổi. Bây giờ, các con tôi sẽ lại phải chứng kiến tôi trải qua quy trình chữa trị tương tự như Derek trước đây. Tôi biết mình phải cố gắng lạc quan, điều đó sẽ giúp loại bỏ nỗi sợ hãi mất tôi trong lòng bọn trẻ.

Do căn bệnh ung thư của tôi đã di căn nên trị liệu bức xạ không phải là một lựa chọn hay. Vì thế, tôi đã quyết định trị liệu hóa học. Tôi sẽ chỉ có thể sống thêm sáu tháng nữa nếu đợt trị liệu này vô tác dụng. Còn nếu tiến triển tốt, tôi có 49% cơ hội sống thêm hai năm nữa mà không tái phát bệnh. Thêm một điều nữa: Tôi có nguy cơ bị vô sinh và không thể có con được nữa.

Tôi nói với vợ rằng: “Nếu anh chết, anh xin lỗi em vì những cư xử không tốt của anh với em từ trước tới nay”.

Vợ tôi đáp: “Thế nếu anh không chết thì sao? Anh có xin lỗi nữa không?”.

Ngày đầu tiên ở bệnh viện Mayo, tôi tìm đến một chỗ ngồi kế bên Bill - một bệnh nhân cũng lựa chọn hóa học trị liệu như tôi. Ông ấy xấp xỉ 50, người gầy gò, mái tóc đã rụng gần hết. Tôi hỏi ông ấy đang làm gì. Ông ấy đáp:

- Anh thấy là tôi đang làm gì. Tôi bị ung thư.

Tôi chỉ đang cố gắng khơi mào câu chuyện.

Tên tôi là Robert. Tôi cũng bị ung thư.

Vậy chắc hẳn anh mới chữa trị lần đầu đúng không Robert. Chúng ta sẽ nói chuyện tiếp khi anh đã điều trị hai hay ba lần nữa. Bây giờ chúng ta hãy quan sát những việc sắp xảy đến với anh nhé.

Y tá gợi ý tôi nên đổi chỗ ngồi. Cô ấy nói Bill là người khó gần và khá tiêu cực. Những người như ông ấy thường chỉ khiến người khác thêm lo lắng mà thôi.

Một trong các bác sĩ sau này đã cho tôi biết rằng có hai loại người bị bệnh ung thư: người truyền hoặc người biến đổi. Người truyền thường có những suy nghĩ tiêu cực và sau đó họ truyền những tiêu cực này sang những người xung quanh. Người biến đổi là người biến những điều tiêu cực thành những điều tích cực. Mặc dù tôi không biết những thuật ngữ này khi tôi gặp Bill nhưng tôi đã quyết định ngay là mình phải là người biến đổi.

Tôi hỏi Bill xem ông đã tìm đến tổ chức hỗ trợ nào chưa. Ông bảo chưa; ông không muốn nghe những câu chuyện mũi lòng. Tôi nói là tôi đã tới một tổ chức vào buổi tối hôm trước để chuẩn bị cho những điều tôi sắp phải đối diện. Ở đó tôi gặp một người phụ nữ trông rất buồn bã. Bà ấy lo lắng rằng chồng bà sẽ không còn thấy vẻ gợi cảm của bà khi bà bị rụng hết tóc.

Tôi bảo Bill rằng tôi nhìn vào bà ta và nghĩ:

“Gợi cảm gì chứ? Thưa quý bà, nếu bà nghĩ bây giờ bà gợi cảm thì có lẽ bà phải đi khám lại mắt thôi

Ông ta bắt đầu cười. Các y tá đều hỏi tôi đã nói với ông ta điều gì vì chưa bao giờ họ trông thấy ông ta mỉm cười. Khi tôi đến để hóa trị lần nữa, Bill đã có mặt ở đó và giữ chỗ cho tôi. Chúng tôi lại kể cho nhau nghe những câu chuyện cười trong khi trị liệu.

Tôi bắt đầu mang theo những đĩa hài của mình mỗi lần tới bệnh viện và lắng nghe chúng trong lúc trị liệu. Trước khi tôi kịp nhận ra thì buổi trị liệu đã kết thúc tự lúc nào. Tôi cũng cho những bệnh nhân khác mượn các đĩa hài này. Sau đó không lâu thì họ cũng cười rôm rả.

Khi ở bệnh viện, tôi luôn tự hứa với mình rằng nếu tôi có thể ra khỏi đây, tôi sẽ không bao giờ quên những người vẫn đang từng giờ đấu tranh với bệnh

tật. Tôi cũng hứa với bác sĩ rằng tôi sẽ dùng hài kịch để giúp mọi người hiểu biết hơn về căn bệnh ung thư, và tôi sẽ không ngừng làm mọi người cười cho đến khi ông ấy thất nghiệp.

Khi bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư, bạn thường bắt đầu cầu xin Thượng đế rằng: “Hãy cho con tai qua nạn khỏi, sau này con sẽ chăm chút bản thân cẩn thận hơn. Con sẽ lần lượt thực hiện những ưu tiên mình đề ra. Con sẽ học cách tận hưởng cuộc sống một cách trọn vẹn nhất mỗi ngày”. Một lần nọ khi đang trị liệu, tôi trầm nghĩ: Không phải rất buồn sao khi mãi tới lúc bị bệnh, người ta mới cho phép bản thân sống vui vẻ thoải mái một cách trọn vẹn ?

Vào ngày 5 tháng 6 năm 2000, tôi không nghĩ là mình có thể “nhìn thấy ánh sáng ở cuối đường hầm”. Nhưng theo thời gian, một điều gì đó rất kỳ lạ khiến tôi cảm thấy căn bệnh ung thư này chính là ánh sáng đầu tiên. Với tôi, căn bệnh ấy là một món quà. Trước khi bị bệnh, tôi chẳng khác nào một con ngựa bị bịt mắt lầm lũi đi trong bóng tối. Còn giờ đây, khi đã được chẩn đoán bệnh, tấm vải che chẩn được cởi bỏ, tôi lại được tận hưởng nguồn ánh sáng tràn trề.

Thêm một điều nữa: Vào ngày 5 tháng 6 năm 2003, Sam - con trai tôi chào đời, ba năm kể từ ngày bác sĩ chẩn đoán tôi mắc bệnh ung thư.

- Robert Schimmel

# Lời khuyên của Gandhi

*Người lãnh đạo bình thường sẽ dẫn dắt người ta tới cái đích mà họ muốn đến, còn người lãnh đạo kiệt xuất sẽ dẫn dắt người ta tới cái đích mà có thể họ không thực sự mong muốn nhưng cần phải đến.*

Rosalynn Carter

Lời khuyên hữu ích nhất mà tôi nhận được trong cuộc đời này chính là lời khuyên của một trong những tâm hồn vĩ đại nhất thế giới - Mahatma Gandhi, vào một buổi chiều đầy nắng.

Khi mất niềm tin nơi đồng loại, người ta thường rơi vào tâm trạng phiền não và phản uất. Tôi cũng từng lâm vào tình trạng này. Chồng tôi qua đời. Nỗi đau trước sự mất mát to lớn ấy chưa kịp nguôi ngoai thì tôi lại phải đối mặt với một thực tế phũ phàng là theo luật pháp An Độ, quyền cá nhân của tôi không được tôn trọng. Cũng như bao phụ nữ An Độ khác, đã bao năm trời tôi sát cánh cùng nam giới để đấu tranh giành tự do cho dân tộc. Tôi làm việc, tôi nỗ lực cùng họ cho đến ngày gặt hái được những thành quả tốt đẹp. Nhưng, luật pháp vẫn duy trì cái nhìn bảo thủ cứng nhắc với người phụ nữ. Chưa bao giờ nỗ lực của chúng tôi được công nhận bình đẳng như nam giới. Là một góa phụ không có con trai, tôi mất đi tất cả quyền lợi từ tài sản gia đình, cả hai con gái tôi cũng thế. Tôi phản uất trước sự bất công này. Tôi càng căm giận hơn khi những người họ hàng cũng lên tiếng ủng hộ thứ luật pháp vô lý ấy.

Trong thời gian đó, tôi có đến chào Gandhi và tạm biệt ông trước khi lên đường sang Mỹ để tham dự Hội nghị Pacific Relations Conference. Sau cuộc nói chuyện, ông hỏi tôi:

- Thế cháu đã làm lành với họ hàng chưa?

Tôi rất bất ngờ khi ông tỏ ra không đồng tình với tôi. Tôi đã đáp rằng:

Cháu chẳng to tiếng với ai cả, nhưng cháu sẽ không thềm quan tâm tới những người đã lợi dụng sự cứng nhắc và cổ hủ của pháp luật để gây khó dễ và xúc phạm cháu.

Gandhi lặng nhìn ra ngoài cửa sổ một lúc rồi ông quay lại nhìn tôi mỉm cười:

- Cháu nên tới chào từ biệt họ vì đó là phép lịch sự và lễ nghi cần có. Người

An Độ chúng ta rất đề cao những điều này.

Không, cháu sẽ không đến gặp những người muốn làm hại cháu đâu, ngay cả khi điều đó là để làm hài lòng chú. - Tôi thẳng thừng tuyên bố.

Không ai có thể làm hại cháu trừ chính bản thân cháu. Ta có thể thấy sự thù hận chất chứa trong tim cháu đang từng ngày khiến cháu đau khổ. - Ông nói vẫn với nụ cười nhân hậu trên gương mặt.

Tôi im lặng còn ông tiếp tục:

Cháu sẽ tới một đất nước mới bởi cháu đang đau khổ và muốn chạy trốn, nhưng cháu có thể chạy trốn chính mình hay sao? Liệu cháu có thể tìm thấy hạnh phúc ở bên ngoài không khi trái tim cháu vẫn đầy rẫy những hiềm khích? Cháu hãy nghĩ đi. Hãy nhún nhường một chút. Cháu đã mất đi một người thân - nỗi đau vậy là quá đủ rồi. Chẳng lẽ cháu phải bắt mình chịu đựng thêm nhiều đau đớn chỉ bởi vì cháu thiếu can đảm để giải thoát cho chính trái tim mình?

Những lời nói của ông cứ day dứt trong tôi, buộc tôi phải suy nghĩ. Sau mấy ngày đấu tranh quyết liệt với bản thân, cuối cùng, tôi cũng gọi điện cho anh rể. Tôi nói tôi muốn gặp anh ấy cùng cả nhà trước khi chuyển đi.

Ban đầu tôi đã nghĩ rằng mình chẳng thể ngồi với họ quá năm phút nhưng khi đối diện với họ, tôi bỗng cảm thấy cuộc ghé thăm này khiến mọi người đều nhẹ nhõm. Trong buổi gặp, tôi đã kể về những dự định của mình rồi chúc mọi người ở lại hạnh phúc. Quả thực, lần gặp gỡ này đã đem đến trong tôi một hiệu quả đáng kinh ngạc. Tôi cảm giác như một gánh nặng lớn trên vai mình được rũ bỏ và bản thân tôi hoàn toàn thanh thản.

Hành động nhỏ đó còn là khởi đầu cho một

Sự thay đổi đầy ý nghĩa trong tôi. Sau một năm rưỡi ở New York, tôi đã trở thành trưởng đoàn đại diện cho An Độ tại Liên Hiệp Quốc. Chúng tôi tập trung giải quyết những bất mãn của người An Độ trước cách đối xử bất bình đẳng dành cho người gốc An Độ ở Liên Minh Nam Phi. Cả hai phía đều dành cho nhau những lời lẽ hết sức gay gắt. Phẫn nộ trước cách chỉ trích mang nặng tính cá nhân của những người ở phía đối lập với uy tín của người An Độ và của tôi, tôi bắt đầu phản biện lại bằng những lý lẽ sắc sảo.

Sau một hồi công kích, tôi chợt nghĩ tới những lời nhắc nhở của Gandhi. Liệu ông ấy có đồng tình với cách hành xử lúc này của tôi hay không? Với



ông ấy, cách thức cũng quan trọng như kết quả, không những thế, về lâu dài, cách thức còn quan trọng hơn kết quả. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu vì mục đích trước mắt mà chúng tôi vận dụng những xảo thuật đáng nghi vấn, gây tổn thương cho lòng tự tôn của chính mình?

Tối hôm ấy, trước khi đi ngủ, tôi tự hứa với mình rằng dù có xảy ra chuyện gì thì tôi cũng sẽ kiềm chế những lời nói của mình trước Liên Hiệp Quốc. Từ lúc đó, tôi đã đưa cuộc tranh luận trở về điểm cốt yếu của nó và từ bỏ trò ăn miếng trả miếng hoặc áp dụng những chiêu thức không chính đáng nhằm ghi điểm trước đối phương. Phía đối lập đã nhìn chúng tôi bằng một con mắt khác, và chúng tôi đã cùng tranh luận các vấn đề theo đúng bản chất của nó.

Vào cuối ngày, trước khi rời phòng hội nghị, tôi bước lên và nói với trưởng đoàn của đoàn đại diện phe đối lập rằng:

Tôi tái đề xin anh bỏ qua nếu tôi có nói hay làm điều gì khiếm nhã với anh trong cuộc tranh luận vừa rồi.

Anh ấy bắt tay tôi một cách thân thiện và

nói:

- Tôi chẳng có gì để phàn nàn cả.

Tôi rất vui khi mình đã cư xử đúng mực với anh ấy và càng vui hơn khi tôi đã biết kiềm chế để tôn trọng chính mình. Thêm một lần nữa, lời khuyên của Gandhi lại giúp tôi bước qua khỏi mặt tối của bản thân.

Không chỉ có thế, lời khuyên của ông còn giúp tôi giữ được sự sáng suốt ngay cả trong những sự cố nhỏ nhất.

Đó là một tình huống dở khóc dở cười. Hôm ấy, tôi có mời một số nhân vật quan trọng tới nhà dự tiệc. Khách mời danh dự gồm thủ tướng Anh và phu nhân Eden, họ là người vô cùng quan trọng với tôi - vì lúc đó tôi là người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao An Độ đặt tại Anh. Tôi đã lên kế hoạch mọi thứ hết sức kỹ càng, từ thực đơn đến màu sắc phối hợp của hoa và nến. Khi tất cả khách mời đã đến đông đủ và nhâm nhi vài cốc rượu hay đồ uống khác, tôi ra dấu cho quản gia mang bữa tối lên. Nhưng chúng tôi vẫn phải chờ đợi. Khi đã uống đến ly thứ ba, tôi đành cáo lỗi với mọi người rồi chạy đến nhà bếp.

Và rồi đập vào mắt tôi là một khung cảnh thật không hiểu nổi. Ở góc nhà,

gương mặt cô bé phụ bếp đầy vẻ sợ hãi, còn ở một góc khác là người quản gia. Bên chiếc bàn, người đầu bếp vừa khuấy cái vá vừa hát, chân liên tục đánh nhịp. Đôi mắt anh ta dõi về một nơi xa xôi nào đó. Trên bàn là những miếng thịt gà ngôn ngang.

Đầu gối tôi run lên vì giận dữ, nhưng tôi vẫn cố gắng hỏi bằng giọng bình thường:

- Tại sao bữa tối lại chưa xong?

Nhưng người đầu bếp vẫn tiếp tục ngân nga:

Bữa tối xong rồi mà thưa bà. Tất cả đều đã sẵn sàng. Mọi người ngồi xuống, ngồi xuống nào....

Tôi tức điên lên. Nhưng trước khi hét lên: “Cút ra khỏi đây. Cậu đã bị đuổi việc!” thì tôi chợt nhớ đến hình ảnh người đàn ông đáng kính bao lần giúp tôi dịu vơi cơn phẫn nộ. Nếu mất bình tĩnh lúc này, tôi sẽ tự làm hại chính mình.

Tôi tĩnh trí trở lại và kiềm chế nói:

- Hãy chuẩn bị tất cả đồ ăn lên bàn đi.

Mọi người đều ăn rất ngon miệng, dù thức ăn được bung ra không giống như miêu tả trong thực đơn. Và khi tôi kể cho họ về tình trạng say xỉn của người đầu bếp thì tất cả mọi người đều tỏ vẻ ngạc nhiên. Một người còn nói: “Nếu đầu bếp của cô đang say mà có thể nấu những món ăn như thế này thì lúc không say chắc hẳn anh ấy phải nấu rất tuyệt!”.

Tôi cười nhẹ nhõm. Tôi đã có thể thoải mái trở lại, và quan trọng hơn, tôi bỗng nhận ra rằng bữa tiệc này không còn là buổi chiêu đãi theo kiểu xá giao ban đâu.

Quả thực, duy trì trạng thái cân bằng cũng quan trọng như việc rũ bỏ thù hận khỏi trái tim mình. Bất kể chúng ta làm việc gì thì lời khuyên của Gandhi cũng thật ý nghĩa: “Không ai có thể làm hại bạn ngoại trừ chính bạn

- Vijaya Lakshmi Pandit(5)

Vijaya Lakshmi Pandit (1900-1990) là em gái của thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru, rất nổi bật trên chính trường trong vai trò của một nhà

ngoại giao, là đại sứ tại Liên Xô, Cao ủy tại Vương quốc Anh, và năm 1953, bà trở thành người phụ nữ đầu tiên nắm giữ chức Chủ tịch Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc.

# Niềm hạnh phúc nhỏ nhoi

*Chia sẻ những gì mình có sẽ giúp con người trở nên giàu có.*

*Sarah Bernhardt*

Tôi chưa từng ghét bất cứ ai. ” – Will Rogers(6) khẳng định. Và có lẽ lý do để doanh nhân hài hước vĩ đại của nước Mỹ nói ra câu này là vì Will Rogers luôn nhận được sự yêu mến của mọi người, hoặc giả nếu có người không thích ông thì số đó cũng rất ít ỏi. Một câu chuyện xảy ra khi Rogers còn là một chàng cao bồi trẻ tuổi ở Oklahoma sẽ giúp lý giải điều này.

Vào mùa đông năm 1898, Rogers được thừa kế một nông trang gần Claremore. Một ngày,

William Penn Adair “Will” Rogers (1879 - 1935): Doanh nhân, nghệ sĩ hài, một nhà bình luận xã hội kiêm diễn viên, ông là cha đẻ của nghị sĩ quốc hội Hoa Kỳ Will Rogers, Jr.

một người nông dân sống gần đó đã giết chết con bò đực non của Will vì tội nó làm đổ hàng rào và ăn ngũ cốc của ông ấy. Theo tục lệ trong vùng, người nông dân đó cần thông báo cho Will biết những việc ông đã làm và lý do tại sao. Nhưng ông ta lại không làm thế và khi Rogers phát hiện ra chuyện này, anh vô cùng giận dữ. Trong tâm trạng phẫn nộ, anh đã gọi một tá điền cùng mình tới nhà người nông dân kia để làm cho ra lẽ.

Đọc đường, những đợt gió bắc lạnh buốt bất ngờ tràn về khiến cả người và ngựa đều lạnh cóng. Khi họ tới nơi thì người nông dân kia lại không có ở nhà. Nhưng vợ ông ấy đã nhiệt tình mời hai người đàn ông đang run rẩy vào nhà sưởi ấm, chờ chồng bà về. Trong lúc ngồi sưởi, Rogers chợt nhận ra dáng vẻ gầy gò và tiêu tụy do làm việc quá sức của người phụ nữ, anh cũng nhận thấy ánh mắt tò mò của năm đứa trẻ nheo nhóc đang thập thò, len lén nhìn anh từ phía sau đống đồ đạc cũ kỹ.

Khi người nông dân kia về, bà vợ liền kể lại cho ông ta nghe chuyện Rogers và người bạn đi cùng may mắn thoát khỏi cơn bão. Nhìn người đàn ông đó, anh bỗng thấy mình không thể mở miệng nổi, thay vào đó, anh đứng dậy bắt tay thân thiện. Người nông dân không hiểu Will tới nhà mình có việc gì nhưng cũng đưa tay nắm lấy tay anh và mời cả hai người ở lại dùng bữa tối. “Các anh sẽ phải ăn đậu thối vì cơn bão đã giết chết con bò đực non của tôi

rồi. ” - ông chia sẻ. Cả hai người khách đều nhận lời mời.

Trong bữa ăn, anh chàng tá điền đi cùng liên tục nhìn Will để nhắc nhở anh về con bò đực non mới bị giết hại, nhưng Rogers chỉ mãi mê cười nói, và rôm rả khôi hài với gia đình. Để ý, Rogers thấy ánh mắt bọn trẻ luôn sáng rỡ mỗi khi họ nhắc tới bữa ăn có thịt bò vào ngày hôm sau và trong cả tuần sau đó.

Những đợt gió bắc vẫn gào rú bên ngoài. Bữa tối đã kết thúc. Vợ chồng người nông dân đều cương quyết giữ hai vị khách nghỉ qua đêm tại nhà. Và họ đã đồng ý.

Sáng hôm sau, họ được gia đình người nông dân gửi tặng một bao lớn đựng đầy cà phê, hạt đậu và bánh quy để mang về nhà. Cho đến lúc ấy, Rogers vẫn không hề đả động gì đến lý do mình tới nhà người nông dân. Trên đường về, anh chàng tá điền đi cùng Will cất tiếng trách cứ:

Thế mà tôi cứ tưởng ngài sẽ cho tay nông dân đó đo ván vì con bò rồi đây!

Im lặng thêm một lúc, rồi Will đáp:

Tôi cũng định làm thế nhưng sau đó tôi nghĩ lại. Anh cũng thấy rồi đây, thực sự thì tôi có mất con bò đó đâu. Tôi chỉ đánh đổi nó lấy một chút hạnh phúc nhỏ nhoi mà thôi. Có hàng triệu con bò trên thế giới này nhưng hạnh phúc là điều đáng quý và thiêng liêng nhất.

Albert p. Hout

# Từ bóng tối ra ánh sáng

*Sau bao nhiêu năm với những nỗi đau chồng chất, làm thế nào người ta có thể tìm thấy sức mạnh để tha thứ?*

Ngày David McAllister qua đời, trong tôi đan xen nhiều trạng thái cảm xúc khác nhau, vừa xót thương, vừa thanh thản. Đó là vào buổi sáng tháng 9 năm 1996, tại Miami, trời mưa như trút nước. Người đàn ông già nua đó ra đi trong quạnh hiu, đơn độc - không tang lễ, không vòng hoa, không nước mắt, không bài ca tiễn đưa. Những cái “không” ấy không phải do người ta vô tình với ông, mà do chính những gì ông làm khi còn sống đã tạo nên. Ông ta là một tên trộm, một tay lừa đảo và tội tệ hơn, ông còn là một con người hiểm ác luôn để sự thù hận làm mờ con mắt. Nhưng, trước cái chết của người đàn ông này, tôi phải thừa nhận rằng rất ít điều khiến tôi xúc động mạnh mẽ đến vậy.

Câu chuyện bắt đầu 22 năm về trước, vào một buổi chiều đầy nắng tháng 12 năm 1974.

Một thằng bé 10 tuổi vừa bước lên chiếc xe buýt tại đại lộ Aledo trong khu ngoại ô Miami cây cối rậm rạp. Hugh chính là tên đệm của thằng bé gầy và cao lêu nghêu đó. Cha nó - luật sư của một công ty, thường gọi nó bằng cái tên đó. Thằng bé có mái tóc màu nâu, đôi mắt sáng và nụ cười luôn nở trên môi.

Buổi chiều ấy, Hugh đang ván vợ nghĩ về Giáng sinh chỉ còn cách đó năm ngày nữa, vì thế nó không hề nhận ra có một người đàn ông đang tiến về phía nó cho đến khi ông ta cất lời.

- Chào cháu, chú là bạn của bố cháu. - Người lạ mặt nói rồi mỉm cười.

Vào thời gian này, người dân ở Coral Gables không mấy bận tâm tới những người lạ mặt, đặc biệt là một người ăn mặc sáng sủa và lịch sự như người đàn ông trung niên có mái tóc hoa râm đang đứng trước mặt thằng bé. Hugh cũng mỉm cười với ông ta.

Bọn ta định tổ chức một bữa tiệc cho bố cháu. Nhưng ta muốn hỏi một số điều về món quà sẽ dành cho ông ấy. Cháu có thể giúp ta lựa chọn không? Chúng ta sẽ trở lại nhanh thôi.

Hugh đồng ý và rất phấn khởi vì sắp làm được một điều gì đó cho cha mình.



Họ cùng đi tới một chiếc xe - một ngôi nhà di động - đậu cách đó hai con phố và bước vào trong. Người đàn ông lái xe theo hướng bắc và nói rất ít khi những con đường trong thành phố dần lùi lại đằng sau để mở ra những cánh đồng mênh mông bất tận. Tới một nơi hẻo lánh, người lạ mặt tấp xe vào lề đường.

Ta nghĩ là ta đi nhầm đường rồi. - Ông ta nói rồi đưa cho Hugh một tấm bản đồ. - Cháu xem có thấy đường cao tốc chính ở đâu không.

Và trong khi Hugh đang dò dẫm trên tấm bản đồ, ông ta đứng lên rồi bước lùi về sau ngôi nhà di động.

Một lúc sau, Hugh bỗng cảm thấy đau nhức như bị ong chích phía sau gáy. Rồi thằng bé lại cảm thấy một vết chích nữa. Nó quay lại và hốt hoảng sợ hãi. Người đàn ông đó đang nhìn nó trân trối bằng một đôi mắt lạnh lùng và đáng sợ. Ông ta đang tiến lại gần, trên tay cầm một cái rìu phá băng.

Hugh cố gắng tự vệ nhưng người đàn ông đã thô bạo hất thằng bé xuống. Chiếc rìu liên tục giáng xuống. Tuy sợ hãi nhưng Hugh vẫn nhận ra vết đâm không sâu. Người đàn ông giơ chiếc rìu lên trước ngực Hugh, bàn tay ông ta run run, và rồi ông ta hạ thứ vũ khí khủng khiếp đó xuống. Không nói một lời, ông ta đẩy thằng bé đang kinh hãi quay trở lại chỗ ngồi rồi lái tiếp, chiếc xe ngày càng xa thành phố.

Cha người đã chiếm đoạt của ta rất nhiều tiền và luôn gây khó khăn cho ta. Giọng ông ta dừng dừng lạnh lùng.

Hugh có người sợ hãi trên ghế ngồi. Thằng bé kinh hãi đến mức không thể thốt ra lời nào. Vết thương của nó không quá nghiêm trọng nhưng những cơn đau đang giày vò nó. Người đàn ông hướng xe vào Interstate 75(7) - ở Alligator Alley(8) - đoạn giao với Everglades.

*Interstate 75 (I-75): Một con đường cao tốc giữa các tiểu bang liên Bắc Nam ở phía trung nam Hoa Kỳ, kéo dài từ Hialeah, Florida tới Sault Ste. Marie, Michigan ở Ontario, biên giới Canada.*

Alligator Alley (hay còn được gọi là đại lộ Everglades) là chỗ giao nhau giữa Interstate 75 và đường quốc lộ 84, mở rộng từ Naples ở mũi tây của Florida sang Weston ở phía đông.

Đây là nơi cư trú của hàng ngàn con cá sấu Mỹ và hàng trăm con cá sấu châu Phi.

Một lúc sau, người đàn ông nói:

Chạy vài dặm nữa tao sẽ thả cho mày xuống. Tao sẽ gọi cha mày tới đón mày về.

Chiếc xe tiếp tục đi thêm một hồi rồi rẽ vào một con đường bản thủ và đi vào một khoảng rừng hoang vắng.

- Xuống đi. - Người đàn ông đáng sợ ấy bảo Hugh.

Bước ra khỏi xe, Hugh đi thêm một đoạn ngắn rồi ngồi đối diện với một bụi cây. Vì thế, nó không nhìn thấy người đàn ông vừa tấn công nó đang tiến lại gần với một khẩu súng ngắn nòng nhỏ. Và thằng bé cũng không kịp nhận ra một viên đạn nóng giãy đang găm thẳng vào thái dương bên trái của nó.

Suốt sáu ngày liền, cha mẹ Hugh như ngồi trên đồng lửa, họ không biết con trai mình còn sống hay đã chết. Ngày qua ngày, những tia hy vọng mỏng manh đang chết dần trong họ. Chẳng ai chứng kiến vụ bắt cóc, cảnh sát cũng không tìm ra bất kỳ manh mối nào. Tất cả diễn ra cứ như thể đứa con trai út của họ đã bốc hơi khỏi trái đất vậy.

Sau Giáng sinh một ngày, họ nhận được một cú điện thoại từ phòng cảnh sát Coral Gables báo tin rằng đã tìm thấy Hugh nằm trên một tảng đá đối diện với một con đường ở Everglades.

Câu chuyện Hugh bị bắt cóc và được cứu sống nhanh chóng trở thành tin tức nóng bỏng ở Miami. Sau gần một tuần mê man bất tỉnh ở Everglades, thằng bé bỗng tỉnh dậy. Nó cố gắng lết tấm thân ra đường cái, và ở đó một người đi xe mô tô ngang qua đã cứu nó. Viên đạn lòi ra ở thái dương bên phải của Hugh đã hủy hoại dây thần kinh thị giác của thằng bé và khiến nó mãi mãi bị mù con mắt bên trái. Nhưng hết thảy mọi người đều công nhận rằng việc thằng bé sống sót quả là một phép lạ.

Trong nhiều ngày, rồi nhiều tuần sau đó, các thám tử luôn theo sát Hugh để cố gắng xác định người đã tấn công thằng bé. Hugh miêu tả lại sự giận dữ của người lạ mặt khi nhắc tới cha nó và còn mô tả chi tiết hình dạng người đàn

Ông đó cho cảnh sát, trong đó có nhắc tới vết xăm đã mờ trên cánh tay của hắn. Từ những chi tiết đó, các thám tử đã đưa ra một loạt nghi vấn có nhiều khả năng. Trong số đó có một nam y tá do cha của Hugh thuê để chăm sóc người chú đã già nhưng mới bị cha Hugh sa thải gần đây do ông ta uống

rượu trong lúc làm việc. Theo nhận định của các thám tử, động cơ gây án của hắn chính là xuất phát từ đây - trả thù.

Nghi phạm này cũng có một ngôi nhà di động đúng như Hugh mô tả và hắn ta đã từng có tiền án trộm, cướp có vũ khí, giả mạo chữ ký và trốn tù. Tên của hắn ta là David McAllister.

Trong mấy tuần, Hugh đã xem qua hàng trăm tấm ảnh nhưng có lẽ thằng bé vẫn còn bị ảnh hưởng do chấn động mạnh từ vụ bắt cóc nên không thể xác định chính xác McAllister có phải là thủ phạm hay không. Không có tín hiệu nhận dạng rõ ràng, các thám tử không thể có đủ bằng chứng để xin lệnh bắt giữ.

Và hàng tháng rồi hàng năm cứ lần lượt trôi qua, trong khi đó McAllister vẫn nhớn nhọc bước đi trên hè phố như một công dân tự do.

Chuck Scherer - một cảnh sát ở Coral Gables đặc biệt quan tâm đến vụ án này. Scherer là một trung sĩ cảnh sát đã trực tiếp tham gia điều tra. Ông có hai đứa con cũng trạc tuổi Hugh. Ông rất đổi kinh hoàng trước tội ác của tên McAllister và cũng giống như các điều tra viên khác, ông cũng cảm thấy mình có trách nhiệm phải đưa McAllister ra trước vành móng ngựa.

Khi cảnh sát tới để chất vấn, hắn ta mở cửa với một nụ cười hết sức tự mãn. Hắn còn nói: “A, các ông làm gì mà lại lâu như vậy? Tôi đã chờ đợi các ông hai tuần nay rồi Rồi hắn lại ra sức phủ nhận việc mình có liên can trong vụ án.

Tính tự phụ của McAllister nhanh chóng khiến Scherer điên tiết. Mấy năm sau đó, Scherer vẫn theo sát hắn ta và hy vọng hắn ta sẽ sập bẫy. Nhờ nói chuyện với những người quen của gã mà Scherer dần nhận rõ chân tướng của gã là một con người độc ác, hèn học và nghiện rượu. McAllister không có bạn bè, gia đình cũng đã ruồng bỏ hắn.

Scherer cảm thấy tạm an ủi rằng cuộc đời đã giáng cho kẻ đã bắt cóc Hugh một bản án thích đáng: một cuộc sống cô độc và bất hạnh.

Tuy nhiên, ông vẫn quyết tâm bắt McAllister phải đền tội cho những tội ác mà hắn đã gây ra.

Nói về Hugh, cuộc sống của thằng bé ngày càng tồi tệ. Cảm giác sợ hãi thường xuyên ám ảnh khiến nó không còn dám ra ngoài một mình. Gần như mọi buổi tối trong suốt ba năm tiếp theo, thằng bé ngủ trên sàn ở dưới chân

giường của cha mẹ và có thể run bán trước mọi tiếng động.

Khi lớn hơn, Hugh luôn tự ti trước con mắt trái bị mù đã che mắt của nó một nửa thế giới và nó chẳng thể tìm được nhiều lý do để cười vui hạnh phúc. Thằng bé luôn cảm thấy người ta đang nhìn nó và chắc chắn rằng nó không bao giờ có thể có một cuộc sống bình thường. Cuối cùng, nỗi sợ hãi dần chuyển sang sự phẫn uất và cướp luôn sự ngây thơ của Hugh. Mặc cho cha mẹ và bạn bè ra sức động viên khích lệ, Hugh vẫn sống trong trạng thái sợ hãi và bất an.

Năm 13 tuổi, Hugh đã tìm ra một nơi khác cũng an toàn ngoài ngôi nhà của mình: ngôi nhà thờ gần đó. Tại đây, những thông điệp về hy vọng và tha thứ trong Kinh Thánh đã tác động sâu sắc đến thằng bé. Nó cảm thấy những lời nói ấy dường như dành riêng cho mình. Kể từ lúc bị bắt cóc, thằng bé luôn cố gắng tìm cách giúp bản thân đối diện với nỗi sợ hãi và tức giận. Cuối cùng thì câu hỏi của nó cũng được giải đáp.

Một buổi tối, trước sự thuyết phục của mấy người bạn mà Hugh gặp ở nhà thờ, thằng bé đã kể lại cho chúng nghe câu chuyện của mình. Thằng bé nói ngập ngừng vì không biết bạn bè sẽ phản ứng thế nào.

Khi câu chuyện kết thúc, Hugh rất ngạc nhiên vì bạn bè đều tán thưởng và động viên nó. Nước mắt lăn dài trên gương mặt, lần đầu tiên Hugh nhận ra rằng sự sống sót kỳ diệu của mình không phải là nỗi sợ hãi hay căm ghét mà là nguồn cổ vũ cho mọi người.

Niềm tin của Hugh ngày càng sâu sắc hơn, nỗi sợ hãi dần biến mất và thằng bé bắt đầu cười trở lại. Nó đã nhận ra rằng chia sẻ niềm tin chính là điều nó muốn làm trong cả cuộc đời mình.

Hugh tốt nghiệp phổ thông và theo học trường Đại học Mercer ở Macon, Georgia, theo đuổi việc nghiên cứu giáo lý Cơ Đốc và tâm lý học. Sau đó, Hugh tiếp tục học trường Southwestern Baptist Theological Seminary ở Fort Worth, Texas, và đã nhận được bằng thạc sĩ thần học.

Năm 1991, Hugh gặp Leslie Ritchie - một cô gái cuốn hút có mái tóc đỏ. Họ tìm thấy ở nhau sự đồng điệu trong niềm tin tưởng và khao khát được làm việc với những người trẻ tuổi. Một năm sau đó, đám cưới đã chính thức gắn kết họ với nhau và vào năm 1994, Leslie sinh Amanda -đứa con đầu trong ba đứa con của họ -Anh biết Chúa chắc chắn phải có lý do khi giữ cho anh mạng sống ở Everglades. Và bây giờ anh đã biết chính xác nó là gì. - Hugh

nói với Leslie khi ôm cô bé Amanda bé bỏng vào lòng.

Sau khi trở lại Miami vào năm 1995, Hugh làm trưởng đoàn mục sư trẻ ở nhà thờ địa phương của Coral Gables. Các học sinh thường thắc mắc về con mắt bên trái của Hugh. Sau khi nghe câu chuyện, hết thầy đều nói đó là một kỳ tích. Và khi đã hiểu rõ về quá khứ của Hugh, bọn trẻ dần trở nên cởi mở hơn khi chia sẻ với anh về những rắc rối của mình.

Năm 1996, Hugh 32 tuổi và có cuộc sống vô cùng hạnh phúc. Anh đã vượt qua nỗi đau kinh hoàng trong quá khứ, nhưng một câu hỏi vẫn đeo bám anh: Anh sẽ làm gì nếu một lần đối diện với người đàn ông từng cố gắng giết anh? Câu hỏi thường trực xuất hiện trong đầu mỗi khi Hugh kể chuyện về cuộc đời mình, và khi đó, anh luôn đáp lại rằng: “Tôi hy vọng mình có đủ sức mạnh để tha thứ cho ông ta. Vì như thế, tôi sẽ hoàn toàn được giải thoát khỏi thế giới của sự giận dữ và thù hận như thế giới của ông ấy”.

Mặc dù vậy, trong thâm tâm, chính Hugh cũng không dám chắc mình có thực sự làm được điều đó hay không.

Đầu năm 1996, Hugh rất bất ngờ khi nhận được cú điện thoại của Chuck Scherer. Scherer giải thích rằng một đồng nghiệp khi biết ông rất quan tâm tới vụ án của Hugh đã thông báo cho ông sau khi ghé thăm một bệnh xá ở phía bắc Miami. McAllister hiện là một bệnh nhân đang nằm ở đó. Scherer đã lái xe tới bệnh xá và nói chuyện với McAllister.

Ban đầu hẳn ta vẫn rất ngoan cố, nhưng sau đó hẳn đã thú nhận tội bắt cóc cậu vào ngày hôm đó. - Scherer nói với Hugh.

Hugh im lặng. Scherer nói thêm:

- Cậu có muốn đối mặt với người đàn ông đã từng cố gắng giết cậu không?

Những suy nghĩ và cảm xúc bối rối xuất hiện trong đầu Hugh. Nhưng một tiếng nói trong thâm tâm đã cất tiếng trả lời rằng: “Có... Mình muốn gặp ông ta”.

Ngày hôm sau, Hugh tới bệnh xá. Anh cảm thấy tim mình như thắt lại khi bước xuống hành lang dẫn tới phòng của McAllister.

Chưa bao giờ anh hồi hộp và lo lắng đến thế. Anh có thể bắt tay người đàn ông hiểm ác đã bắt cóc rồi bỏ mặc mình chờ chết hay không? Nếu anh không thể làm điều đó thì chẳng lẽ mọi bài học anh từng dạy học trò của mình về sự



tha thứ hóa ra chỉ là một sự giả dối?

Khi đến nơi, Hugh bỗng cảm thấy lo sợ rằng việc gặp gỡ McAllister sẽ đánh thức một mảng tối bấy lâu nay ngủ lịm trong anh. Anh đứng bên ngoài cánh cửa và hít một hơi thật sâu rồi lấy hết sức mạnh và sự can đảm để bước vào.

Những hình dung trước đây của Hugh hoàn toàn khác xa những điều đang diễn ra trước mắt. Nằm trên chiếc giường không phải là con quỷ hung ác trong những cơn ác mộng của anh mà chỉ là một người đàn ông yếu đuối 77 tuổi đang không thở ra hơi. Ông ta nặng chưa tới 30 ký. Gương mặt ông toàn da bọc xương. Đôi mắt đã mờ do căn bệnh tăng nhãn áp đang nhìn trân trân vào khoảng không vô định trên trần nhà.

Hugh tự giới thiệu về mình và khi anh nói, người đàn ông già nua đó vẫn có vẻ bộc lộ tính tự phụ cố hữu.

Tôi không hiểu cậu đang nói gì! - Ông ta nói khi được nhắc lại lời thú tội của ông với Scherer.

Nhưng vài phút sau, điều đó dường như lại khuấy động nội tâm người đàn ông già nua này. Ông ta trầm lặng một lúc lâu rồi bắt đầu run rẩy và bật khóc. Ông ta nâng cánh tay yếu ớt gầy guộc lên và Hugh đã đỡ lấy bàn tay đó bằng chính đôi tay mình.

- Tôi xin lỗi. Tôi thành thật xin lỗi!

Cuối cùng McAllister đã nói những lời này. Hugh lặng nhìn ông ta và một cảm giác xen lẫn giữa xúc động và tiếc nuối bỗng trào dâng trong lòng anh.

Tôi chỉ muốn ông biết rằng tôi đã được Chúa ban ơn. Những điều ông làm đã không kết thúc cuộc đời tôi mà chỉ là điểm khởi đầu cho một trang mới. - Hugh nói.

McAllister cầm chặt lấy bàn tay của Hugh. Ông ta thều thào: “Tôi rất mừng”.

Ba tuần sau đó, gần như ngày nào Hugh cũng ghé thăm McAllister. Gương mặt nhăn nheo của ông ta sáng rỡ mỗi lần nghe thấy giọng nói của anh.

Mặc dù quá yếu không thể nói chuyện nhiều nhưng McAllister đã kể cho Hugh một vài điều về cuộc đời mình. Sống không cha, tuổi thơ của ông lang thang ở những vệ đường và đến tuổi thanh thiếu niên, ông đã là một con sâu



rượu. Gia đình ruồng bỏ ông còn xung quanh ông không có một người bạn nào cả. Hugh có thể thấy rõ ràng rằng ông ta đang hối tiếc vì đã sống một cuộc đời đầy thù hận và tội lỗi.

McAllister luôn cho rằng chỉ “những thằng điên” mới tin vào Chúa. Nhưng nhờ sự giúp đỡ của Hugh, ông bắt đầu cầu nguyện.

Một buổi chiều mùa thu ở bệnh xá, Hugh đã chân thành chia sẻ niềm tin và hy vọng của mình với McAllister và chính điều đó càng thắp sáng niềm tin đang nhen nhóm trong ông.

Tôi muốn sau này được lên thiên đàng và tôi muốn gặp ông ở đó. Tôi muốn chúng ta tiếp tục là bạn. - Hugh nói với ông ta.

Đêm ấy, McAllister đã ra đi thanh thản.

Thậm chí ngay cả bây giờ, tôi vẫn cảm thấy thật khó khăn khi bước ra đại lộ Aledo mà không nghĩ về buổi chiều khi McAllister bước ra từ bóng tối.

Một phần trong tôi cảm thấy thực sự khuây khỏa khi ông ta đã vĩnh viễn ra đi còn một phần nhận thấy rằng sau cái chết của ông, con quỷ đó sẽ không bao giờ trở lại. Dường như trong những ngày cuối đời, McAllister đã hoàn toàn lột xác thành một con người khác, bước ra khỏi bóng tối. Người đàn ông đó phải trải qua những nỗi đau đớn kinh khủng hơn bất cứ ai trong chúng ta có thể tưởng tượng ra. Và có lẽ, xét theo nghĩa nào đó, ông ta đã phải trả giá cho những điều mình đã gây ra.

Thật lạ, người đàn ông đó đã làm cho tôi nhiều điều hơn ông ấy tưởng. Từ bóng tối của ông ấy, tôi tìm ra được ánh sáng cho mình.

Hành động tha thứ cho David McAllister đã mang lại cho tôi một sức mạnh diệu kỳ.

Bạn có nhận ra không, Hugh là tên đệm của tôi. Tôi chính là cậu bé đó.

- Christopher Carrier

# Tác giả của trường ca Messiah

*Nhiều lúc, ta không thể kiểm soát những việc xảy đến với mình nhưng ta có thể kiểm soát phản ứng của mình trước những điều xảy ra: Hoặc là ngồi không chờ thất bại hoặc là đứng lên để tự vượt qua.*

Ann Landers

Tại Chester - một bến cảng nằm ở phía Tây nước Anh, trong màn sương lạnh giăng mắc, chiếc cột buồm toí tá đang bay phấp phất trong gió. Bên một khung cửa đầy hơi nước của quán cà phê, một người đàn ông cao lớn

Messiah (HVW 56): Tên một trường ca của George Frederick Handel, lời của Charles Jennes. Soạn xong vào mùa hè năm 1741, ra mắt công chúng ở Dublin ngày 13 tháng 4 năm 1742, Messiah là sáng tác nổi tiếng của Handel, và là một trong số các kiệt tác của nhạc hợp xướng phương Tây. Bản hợp xướng “Hallelujah” rất nổi tiếng là một phần trong trường ca này.

với thân hình chắc nịch đang lo lắng dõi mắt quan sát các thủy thủ nhàn rỗi dậm chân theo điệu nhạc trong giá rét. Hướng gió vẫn không thuận và thêm một ngày nữa, không con tàu nào được phép ra khơi. Tuy nhiên, ông vẫn phải tới Ireland và hơn nữa phải đi thật sớm.

Ông từng là người được cả châu Âu ngưỡng mộ, một nhà soạn nhạc nổi tiếng. Nhưng vào một ngày u ám như hôm nay, tháng 11 năm 1741, George Frederick Handel chỉ còn là một con người đáng thương đang đứng trên bờ vực thất bại cả về tài chính và nghệ thuật. Ông không còn đủ khả năng thuyết phục những người cho vay, còn công chúng thì lạnh nhạt quay lưng lại với ông.

Rời khỏi khung cửa sổ, ông khó nhọc ngồi xuống chiếc ghế bằng gỗ sồi cứng ngắc và rít một điếu thuốc. Một ngày thật buồn!

Âm nhạc là tấm vé thông hành của Handel trong thế giới kể từ ngày ông còn là một đứa trẻ, khi cha ông - một bác sĩ phẫu thuật ở thành phố Halle của Đức đưa ông tới lâu đài của công tước Johann Adolf ở Weissenfels. Lúc đó, cha ông mong muốn con trai mình sẽ trở thành một luật sư danh tiếng.

Trong lúc cha đang bận việc tại lâu đài thì George Frederick vì buồn chán đã lang thang vào nhà nguyện trong lâu đài. Khi bắt gặp cây đàn organ, cậu bé Frederick bỗng cảm thấy lòng mình rộng mở và những ngón tay như có hồn

thỏa sức lướt trên phím đàn. Cậu chỉ sợ tỉnh khi nghe tiếng bước chân lại gần. Người đứng đó và đang chăm chú quan sát chính là công tước Johann Adolf.

Công tước hỏi: “Cậu bé tài năng này là ai?”. Và sau đó, cha của Handel được gọi đến. Vị công tước đã bảo ông ấy rằng nếu ông ép uổng đứa con có năng khiếu tuyệt vời này trở thành luật sư thì đó thật là một điều có tội.

George Frederick là một đứa trẻ có khả năng học hỏi rất nhanh. Khi còn ở lứa tuổi thiếu niên, ông đã rời Halle tới Hamburg, sau đó tới Italy và ở đây ông đã rất nổi tiếng với những tác phẩm nhạc kịch của mình. Mới hơn hai mươi tuổi, ông đã quyết tâm chinh phục Luân Đôn vì thế giới nghệ thuật ở đó sống động với vô vàn cơ hội và những quý ông quý bà giàu có sẵn sàng chi nhiều tiền cho những buổi biểu diễn lớn.

Năm 1711, vở nhạc kịch đầu tiên được viết bằng tiếng Ý của Handel có tên Rinaldo đã được công diễn ở Anh trong suốt 15 đêm ở rạp hát mới Haymarket và đạt được số lượng khán giả đáng kinh ngạc. Thế giới nhạc kịch Luân Đôn chưa bao giờ chứng kiến một thành công lớn đến thế, và nó đã tạo đà cho những thành công tiếp theo của Handel trên đất nước này. Các công tước cùng phu nhân sẵn sàng rời quê nhà, lặn lội đến đây chỉ để tận tai tận mắt lắng nghe vở nhạc kịch này. Trên những dãy phố tấp nập, người ta rộn ràng huýt sáo theo điệu nhạc khi may mắn có được tấm vé vào cửa.

Sau khi vở nhạc kịch “Te Deum ” của Handel được biểu diễn ở nhà thờ Thánh Paul để ăn mừng hòa ước năm 1713, Nữ hoàng Anne đã chính thức tuyên bố dành cho Handel mức thu nhập cố định hàng năm là 200 bảng. Số tiền đó cộng thêm khoản tiền béo bở từ những buổi biểu diễn bên ngoài đã giúp Handel trở thành nhà soạn nhạc có mức thu nhập cao nhất trên thế giới thời bấy giờ.

May mắn kéo theo may mắn, người kế vị Nữ hoàng Anne là Vua George I đã quyết định thưởng thêm 200 bảng nữa vào khoản thu nhập chính thức của Handel. Hơn thế, nhà vua còn gia nhập vào hàng ngũ nhiều nhà quý tộc ở Luân Đôn đầu tư hàng ngàn bảng vào công ty nhạc kịch của Handel mang tên Học viện Am nhạc Hoàng gia.

Học viện này là tột đỉnh ước mơ của Handel. Hầu hết các nhà soạn nhạc thời bấy giờ đều phải phụ thuộc vào sự giúp đỡ của những người bảo trợ thuộc dòng dõi quý tộc. Nhưng Handel đã học để vừa là một nghệ sĩ vừa là một doanh nhân. Thậm chí, ngay cả khi đang soạn nhạc, ông vẫn tuyển dụng

những nhà đầu tư, ca sĩ giàu đam mê, đồng thời thực hiện nhiều trọng trách quản lý khác. Chừng nào các vở nhạc kịch của ông còn thu hút được công chúng và thôi thúc họ mua vé đến xem thì chừng đó, học viện này còn là nguồn sinh lợi tuyệt vời.

Lúc này, đầu tư vào Handel được đánh giá là an toàn nhất. Vào năm 1715, bất cứ buổi biểu diễn vở Amadigi nào, công chúng cũng tha thiết yêu cầu được nghe đi nghe lại các bài hát cho đến khi quản lý của rạp phải kiên quyết ngừng việc lặp lại này để buổi biểu diễn có thể kết thúc trước bình minh. Còn khi vở nhạc kịch Radamisto vừa bắt đầu công diễn vào năm 1720, để có được một chỗ ngồi trong buổi biểu diễn là một trận chiến đầy cam go của những người hâm mộ đang nóng lòng khao khát.

Đó là những ngày huy hoàng khi cả Luân Đôn xì xào những câu chuyện về việc Handel cự tuyệt thế nào khi bị các nhà quý tộc và các ca sĩ có tiếng hăm dọa. Một ca sĩ có chất giọng nam cao từng dọa sẽ đập đầu vào cây đàn Clavico tự tử nếu Handel không thay đổi một giai điệu trong bài hát. Và nhà soạn nhạc nổi tiếng này đã đáp lại một cách mỉa mai rằng: “Hành động đó còn thu hút hơn nhiều so với giọng hát của anh đấy”.

Đến giữa những năm hai mươi, vận may của Handel bắt đầu suy giảm. Khán giả của ông vơi dần và vào năm 1728, học viện phải tuyên bố đóng cửa. Cùng năm đó, nhà thơ John Gay đã cho ra đời Vở opera của người ăn mày, nhại lại vở opera của Ý và được hát bằng tiếng Anh. Tác phẩm đã gây được tiếng vang lớn và mở ra một trào lưu biểu diễn đặc trưng bằng âm nhạc dễ nhớ, lời hát bằng tiếng Anh. Dĩ nhiên, trào lưu này càng khiến môi quan tâm của công chúng với nhạc kịch Ý của Handel mờ nhạt hơn.

Nhưng Handel vẫn kiên trì soạn nhạc và bèn bỏ công diễn các vở nhạc kịch của mình. Năm 1737, căng thẳng và làm việc quá độ khiến ông mắc chứng tê liệt và không thể sử dụng bốn ngón tay ở bàn tay phải. Những lá thư bày tỏ than phiền của mọi người về sự xuống dốc của ông nhanh chóng lan từ nước Anh sang nước Mỹ. Frederick - vị vua tương lai của Prussia đã viết thư cho người họ hàng trong hoàng tộc ở Anh rằng: “Những ngày huy hoàng của Handel đã kết thúc rồi. Anh ta đã cạn kiệt ý tưởng còn gu thưởng thức thì dần trở nên lỗi thời

Tuyệt vọng, mùa hè năm đó, Handel đã quyết định rời Anh để đến Aachen, nước Đức, để chữa bệnh giữa tiết trời mùa xuân nóng ẩm rất đặc trưng của xứ sở này. Ở đó, mỗi ngày ông đều ngâm mình trong suối nước nóng bốc khói nghi ngút. Cạnh ông là chiếc khay đựng chút đồ ăn đơn giản và một ít

đồ ăn vật. Nơi này thật thoải mái, nó khiến ông lấy lại cảm giác cân bằng và khơi dậy niềm vui trong ông.

Vào một buổi chiều, Handel không ngâm mình trong suối nước nóng lâu như thường lệ. Ông rời con suối từ sớm và nhanh chóng ăn mặc chỉnh tề. Mấy giờ sau, người ta vẫn không thấy ông trở lại thực hiện các bước điều trị tiếp theo. Các xơ trông nom suối nước nóng đều rất lo lắng. Rồi từ nhà thờ của tu viện bỗng vang lên dòng âm thanh tuyệt vời. Ngay lập tức, các xơ chạy vào. Họ nhận ra Handel. Sức khỏe của ông đã phục hồi một cách đáng kinh ngạc. Ông đang dạo những ngón tay trên phím đàn organ một cách hứng khởi, điệu nghệ.

Tuy nhiên, sự hồi phục sức khỏe của Handel không đi đôi với sự phục hồi tình cảm yêu thích của công chúng đối với các vở nhạc kịch của ông. Ông vẫn sống trong nợ nần chồng chất và tài khoản tiết kiệm thì trống rỗng do những cuộc đầu tư vào các vở nhạc kịch trước đó.

Nhiều năm liền, ông cố gắng thoát khỏi nợ nần bằng cách tổ chức các buổi hòa nhạc. Mùa hè năm 1741, Handel đã luôn bị giày vò bởi ý nghĩ: chẳng lẽ ông phải từ bỏ sân khấu khi chỉ mới 56 tuổi?

Một buổi sáng, người đầy tớ bất ngờ mang tới cho ông một chồng báo dày được bọc trong giấy da. Đó là những tài liệu do một trong những người hết sức mến mộ Handel thu thập lại. Người đó là một nhà thơ có tên Charles Jennens.

Trong nhiều năm, Jennens đã cố gắng khích lệ Handel. Ông từng gửi cho Handel một vở kịch chuyển thể từ câu chuyện trong Kinh Thánh về Saul và David. Và trên nền đó, Handel đã viết một bản Ôratô, một loại nhạc kịch ngẫu hứng không có các hành động kịch, không dùng phục trang biểu diễn và trang trí sân khấu nhưng tác phẩm này cũng không thành công.

Handel tiến hành khảo sát kịch bản mới này. Tương tự tác phẩm của Jennens trước đây, câu chuyện này lấy cốt truyện từ Kinh Thánh. Nhưng giữa chúng có sự khác biệt lớn. Tác phẩm này thực sự là Kinh Thánh. Jennens đã dày công thu thập các câu trích dẫn ở cả kinh Cựu Ước và kinh Tân Ước thành một câu chuyện thực sự xúc động về sự ra đời, hiến thân và phục sinh của Chúa Jesus. Ông gọi tác phẩm này là Messiah.

Câu chuyện bắt đầu từ lời tiên tri của một giáo đồ Do Thái. Lời tiên tri đó hứa hẹn về một sự giải thoát: “Hãy yên lòng, những người con của ta”. Lời



lẽ trong tác phẩm giản dị và gần gũi đến nỗi dường như tự chúng đã tái hiện trước mắt Handel những giai điệu tự nhiên giống như hơi thở của ông vậy. Ông cảm thấy xúc động một cách sâu sắc.

Trong thời gian này, Phó Toàn quyền danh dự của Ireland đã mời Handel tới Dublin tham dự buổi gây quỹ từ thiện. Đây là dịp để chia sẻ với những người thiếu thốn. Và Handel đã nhận lời.

Handel rất tự tin. Ông bắt đầu soạn nhạc cho tác phẩm Messiah vào ngày 22 tháng 8; và 23 ngày sau, tác phẩm đã hoàn thành. Âm nhạc của nó đem lại trong ông điều gì đó còn đáng giá hơn sự hứa hẹn của một mùa bán vé bội thu. Đó chính là hy vọng.

Handel tự thức tỉnh chính mình, trả hết các khoản nợ nần và rời quán cà phê Chester. Ông lang thang trở lại nhà khách Golden Falcon. Nơi này quả là khác xa so với những cung điện và các khu suối nước nóng mà ông vốn quen đặt chân tới. Khi ông bước vào căn phòng nhỏ đơn sơ của nhà khách, một nỗi buồn vu vơ bỗng len lỏi vào tim ông. Sau vô vàn cố gắng, liệu âm nhạc của ông có thể có được một chỗ đứng xứng đáng trong thế giới nghệ thuật đang chịu sự chi phối mạnh mẽ của các trào lưu mới lên kia không? Ông trở lại giường, tâm trí ngổn ngang nhưng vẫn cố gắng nhen nhóm niềm hy vọng rằng mình đã cho ra đời một tác phẩm tuyệt vời.

Buổi sáng hôm sau, gió đã đổi chiều.

Những người hâm mộ âm nhạc ở Dublin đang mong chờ một điều gì đó thật khác lạ và phi thường. Handel đã cẩn thận chỉnh sửa lại tác phẩm mới của mình trong nhiều tháng và giờ đây, tờ báo hàng đầu ở Dublin đang ra sức chuyển “lời thỉnh cầu” tới quý khán giả rằng tại buổi biểu diễn mở màn, các quý bà không nên mặc váy vòng, còn các quý ông thì không nên mang theo gươm để tạo điều kiện cho hơn một trăm người nữa cùng có mặt trong nhà hát trên đường Fishamble này.

Vào ngày 13 tháng 4 năm 1742, trước mắt Handel lúc này là một đám đông cuồng nhiệt. Ông ngồi xuống bên chiếc đàn Clavico nhìn mấy nhạc công rồi gật đầu. Không thêm bất cứ một nghi thức nào khác, trên giai điệu trầm lặng của màn mở đầu, Messiah dần hòa vào thế giới.

Trước khi vở diễn kết thúc, âm nhạc đã khiến những người hâm mộ ở Dublin phải rơi nước mắt. Còn các nhà phê bình chỉ biết gật gù say đắm.

Buổi biểu diễn tiếp theo nhận được sự đón nhận nồng nhiệt của khán giả đến



nổi những tấm kính cửa sổ đã phải được tháo ra để giúp hội trường không bị ngột vì hơi người. Tuy nhiên, điều đáng quý nhất của vở diễn là nó đã đẩy lên phong trào làm từ thiện rộng khắp. Bốn trăm bảng Anh đã được quyên góp cho các bệnh viện và bệnh xá, 142 tù nhân đã được phóng thích sau khi Messiah giúp họ trả đủ nợ nần.

Nhưng buổi công diễn đầu tiên của vở Messiah ở Luân Đôn vào ngày 23 tháng 3 năm 1743 lại khác hẳn. Vở diễn gặp phải vô số lời thuyết giáo chỉ trích, như “Tại sao lại có thể đưa những đoạn Kinh Thánh ấy ra làm công cụ giải trí, mua vui cho mọi người?”. Còn những khán giả chỉ quan tâm đến mục đích thư giãn thì lại thất vọng vì vở diễn thiếu tính hành động mà chỉ đây những đoạn nhạc phô trương. Sau này, nhiều người quá khích còn thuê côn đồ gây sự và tấn công những người tới xem các vở diễn của Handel.

Nhưng Handel không quan tâm. Nguồn cảm hứng mới đã giúp ông sáng tạo ra nhiều tác phẩm khác. Samson, Judas Maccabaeus và Âm nhạc cho pháo hoa Hoàng gia đều là những vở diễn thành công rực rỡ. Tuy vậy, bên cạnh đó ông cũng gặp phải một số thất bại. Nhưng với niềm tin vững vàng, ông tiếp tục viết ra những tác phẩm tuyệt vời bằng tất cả khả năng của mình. Khi bạn bè tiếc rẻ cho những chỗ ngồi còn trống trong vở diễn Theodora, Handel đã nhún vai và đáp: “Như thế âm thanh sẽ hay hơn”.

Bất chấp mọi khó khăn, Handel vẫn kiên trì bám trụ với Messiah - đứa con tinh thần ông hết lòng chăm chút và tổ chức biểu diễn định kỳ hàng năm trong chương trình từ thiện kéo dài suốt thập niên cuối cùng của cuộc đời ông. Khán giả ở Luân Đôn cũng bắt đầu thay đổi cách nhìn với vở diễn. Trong lần đầu tiên thưởng thức buổi biểu diễn, đức vua George II đã không thể kìm nén sự xúc động. Và khi tiếng kèn trumpet vang lên trong giai điệu tuyệt vời của bài hát “Hallelujah”, nhà vua đã đứng hẳn dậy. Một sự khuấy động trào dâng trong lòng khán giả và trong âm thanh sột soạt của lư và tiếng lanh canh của kiếm, mọi người lần lượt đứng cả dậy. Ngày hôm ấy, toàn thể khán giả Anh đã đứng lên hòa cùng giai điệu hoan hỉ của dàn hợp xướng vang vọng khắp nơi.

Nguồn cảm hứng lớn lao kỳ bí của Messiah đã củng cố thêm niềm tin và kéo Handel ra khỏi sự tăm tối, tuyệt vọng. Mặc dù cuối đời bị mù nhưng ông vẫn tiếp tục sáng tác và chơi đàn organ. Sau này, trong một buổi biểu diễn vở Messiah, ông đã bị ngất và phải đưa về nhà. Ông kéo dài sự sống qua hết đêm hôm đó, thứ Sáu ngày 13 tháng 4 năm 1759 - 17 năm kể từ buổi công diễn đầu tiên của vở Messiah. Sáng hôm sau, George Frederick Handel đã vĩnh viễn rời bỏ thế giới.

Tuy nhiên, trong niềm say mê của người hâm mộ giàu lòng tin trên khắp thế giới, Messiah đã trở nên bất tử.

- David Berreby

# Hai từ nên tránh và hai từ nên nhớ

*Không có gì trong cuộc đời này thú vị và đáng giá hơn một tia sáng bất ngờ soi rọi tâm trí khiến bạn thay đổi thành một con người mới - con người với những nghĩ suy tích cực. Những khoảnh khắc như vậy rất hiếm hoi nhưng chắc chắn một lúc nào đó nó sẽ xảy đến với mỗi chúng ta. Đôi khi, nó được khơi nguồn từ một cuốn sách, một bài thuyết giáo hay một vài câu thơ. Hoặc cũng có khi nó xuất phát từ một người bạn...*

Một buổi chiều mùa đông lạnh lẽo tại Manhattan, trong lúc ngồi chờ đợi ở một nhà hàng nhỏ của Pháp, một nỗi thất vọng chán chường xâm lấn tâm hồn tôi. Chỉ vì một vài tính toán sai lầm đã khiến một dự án quan trọng trong cuộc đời tôi tan thành mây khói.

Thậm chí, kê hoạch gặp lại người bạn thân yêu (ôi người bạn già, tôi vừa nghĩ về ông ấy và còn cảm thấy rất vui xong) bỗng không còn khiến tôi hân hoan như trước. Tôi ngồi đó cau mày khó chịu nhìn chiếc khăn trải bàn sọc ca rô và gặm nhấm những khoảnh khắc đau buồn đã qua.

Cuối cùng tôi cũng thấy ông bạn già của mình băng qua đường, trên người khoác chiếc áo bành tô cũ kỹ, đầu đội chiếc mũ sùm sụp kỳ quái che đi cái đầu hói, trông ông ấy giống một tay tài phiệt ghê gớm hơn là một chuyên gia tâm thần học lỗi lạc. Ông làm việc ở gần đây và tôi biết ông vừa khám xong cho bệnh nhân cuối trong ngày. Ông đã gần 80 tuổi nhưng vẫn đủ khỏe để khám bệnh hằng ngày cho nhiều bệnh nhân và giữ tác phong như giám đốc của một tổ chức lớn, vẫn yêu thích việc “trốn” khỏi công việc hàng ngày để tới tham dự trận golf bất cứ khi nào có thể.

Khi ông đến ngồi bên cạnh tôi, người phục vụ đã mang tái chai bia như thường lệ. Đã mấy tháng không gặp nhưng trông ông vẫn thế - khỏe mạnh và minh mẫn.

Xin chào anh bạn trẻ, có chuyện gì với cậu à? - Ông thẳng thắn hỏi không cần rào đón.

Từ lâu tôi đã không còn ngạc nhiên trước sự nhạy bén của ông, vì thế tôi bắt đầu nói về những điều đang khiến mình phiền lòng. Với một niềm kiêu hãnh xen chút buồn rầu, tôi cố gắng thành thật, không đổ lỗi cho ai vì sự thất vọng của mình mà chỉ biết trách bản thân. Tôi phân tích tất cả mọi điều, tất cả những lời chỉ trích, những hành động sai lầm. Tôi vẫn tiếp tục nói khoảng 15

phút nữa trong khi người bạn già của tôi nhấp cốc bia trong im lặng.

Khi tôi nói xong, ông đặt cái ly xuống và bảo:

Nào anh bạn, đến văn phòng cùng tôi nào.

Văn phòng của ông ư? Ông để quên gì sao?

Không. Tôi chỉ muốn cậu thấy một vài điều. Chỉ vậy thôi. - Ông nhẹ nhàng nói.

Ngoài trời bắt đầu lất phất mưa nhưng văn phòng của ông vẫn ấm áp, tiện nghi và thân thuộc: những góc tường xếp đầy sách, băng ghế dài bằng da, bức ảnh có chữ ký của Sigmund

Freud và một cuộn băng ghi âm đặt trên cửa sổ. Thư ký của ông đã về nhà. Chỉ còn lại hai chúng tôi.

Người bạn già của tôi lấy ra một cuộn băng từ chiếc hộp đựng danh thiếp và đặt nó vào máy. Ông mỉm cười, nói:

Trong cuộn băng này có ba đoạn ghi âm ngắn về ba người khác nhau đến xin tôi giúp đỡ. Tôi muốn cậu lắng nghe những đoạn ghi âm này và xem cậu có thể lựa chọn ra hai từ chung cho cả ba trường hợp này hay không. Đừng có ngẩn mặt ra như thế. Tôi có lý do của mình mà.

Với tôi, điểm tương đồng của ba người trong ba mẩu ghi âm này có lẽ là sự bất hạnh. Người đầu tiên rõ ràng đã phải trải qua một thời kỳ khủng hoảng do việc kinh doanh thua lỗ. Anh ta nhieć mốć mình rằng đã không làm việc chăm chỉ và không vững tin vào con đường phía trước. Người phụ nữ cất tiếng sau đó chưa kết hôn vì cô cảm thấy mình phải có trách nhiệm với người mẹ già yếu. cô ấy nhớ lại trong tiếc nuối và đau khổ về những cơ hội xây dựng một cuộc sống gia đình hạnh phúc mà cô đã từ bỏ. Giọng nói thứ ba là của một người mẹ có thằng con trai vừa gặp rắc rối với cảnh sát; bà ấy trách mình đã không biết dạy dỗ nó.

Người bạn già của tôi tắt máy rồi trở lại ghế ngồi. - Trong những đoạn ghi âm này có một cụm từ được lặp lại đến những sáu lần, nó ẩn chứa ý nghĩa không mấy tích cực. Cậu có nhận ra không? Không ư? A, có lẽ cũng là do chính cậu đã dùng cụm từ này tới ba lần lúc ở nhà hàng khi nãy. - Ông lấy cái hộp và bỏ cuộn băng vào rồi trao nó cho tôi. - Chúng ở đây, ngay trên cái nhãn này. Hai từ đáng buồn nhất trong mọi ngôn ngữ.

Tôi nhìn xuống. Được in một cách ngay ngắn bằng mực đỏ trên chiếc nhãn là hai chữ: Giá mà.

Có lẽ cậu sẽ ngạc nhiên nếu biết rằng tôi đã ngồi trên chiếc ghế này và lắng nghe hàng ngàn lần những câu nói buồn đau khắc khoải bắt đầu bằng hai chữ trên. Họ đã nói với tôi rằng: Giá mà tôi hành động khác đi; Giá mà mọi chuyện không xảy ra như thế; Giá mà tôi không mất bình tĩnh để rồi thốt ra những lời lẽ chua chát đó, có những hành động thiếu thành thật đó, nói những lời dối trá đó; Giá mà tôi khôn ngoan hơn, hoặc bớt ích kỷ đi hoặc biết tự kiềm chế hơn... Họ cứ nói và nói cho đến khi tôi buộc phải ngắt lời hoặc yêu cầu họ dừng lại. Đôi khi, tôi cũng buộc họ phải nghe những đoạn ghi âm mà cậu vừa nghe. Và rồi tôi nói với họ: Giá mà anh (chị) ngừng nói giá mà thì chúng ta đã làm được một điều gì đó ý nghĩa hơn.

Ông duỗi đôi chân ra và tiếp:

Vấn đề nằm ở chỗ có tiếc nuối thế nào thì ta cũng không thể thay đổi được hiện thực. Nó chỉ khiến người ta hướng tới sự lựa chọn sai lầm - chùn bước thay vì tiến bước. Và nó khiến chúng ta lãng phí thời gian. Cuối cùng, nếu cậu để nó trở thành một thói quen thì chính nó sẽ là rào cản cho những cố gắng của cậu.

Bây giờ, nói đến trường hợp của cậu nhé. Kế hoạch của cậu đã thất bại. Tại sao? Bởi vì cậu đã phạm phải một số sai lầm nào đó. Mà con người thì ai chẳng có sai lầm. Sai lầm dạy cho ta nhiều bài học quý. Nhưng khi cậu kể cho tôi nghe về những sai lầm ấy trong sự than vãn, tiếc nuối thì tôi chắc rằng cậu chưa học được điều gì cả.

Làm sao ông biết? - Tôi hỏi, giọng hơi bất đồng.

Bởi vì cậu chưa bước ra khỏi quá khứ. Cũng chưa lần nào cậu đề cập tới tương lai. Và thành thật mà nói, bây giờ, cậu vẫn đang say sưa trong quá khứ. Ngoan cố là một đức tính không tốt mà tất cả chúng ta đều có, nó khiến chúng ta mãi day dứt vì những lỗi lầm cũ. Sau cùng, khi cậu nhắc đến nguyên nhân của những sai lầm thì chính cậu mới đang là vấn đề lớn nhất.

Tôi gật đầu buồn bã.

Vậy tôi phải làm gì để thay đổi đây?

Hãy thay đổi mối quan tâm của mình. Hãy dùng những từ và cụm từ khác thể hiện sự vươn lên chứ không phải sự chùn bước.

Ông có thể gợi ý cho tôi không?

Dĩ nhiên là có rồi. Hãy loại bỏ khỏi đầu hai từ “Giá mà” và thay vào đó cụm từ “Lần tới”.

Lần tới sao?

Đúng vậy. Tôi từng chứng kiến hiệu quả kỳ diệu của cụm từ ấy ở chính căn phòng này. Nếu một bệnh nhân chỉ luôn miệng nói “Giá mà...” với tôi thì đúng là anh ấy đang gặp rắc rối. Nhưng nếu anh ấy dám nhìn thẳng vào mắt tôi mà nói “Lần tới...” thì tôi hiểu rằng anh ấy đã tìm ra cách giải quyết vấn đề. Điều đó đồng nghĩa với việc anh ấy đã quyết định áp dụng bài học mà anh ấy tích lũy được từ những trải nghiệm trong quá khứ, bất kể nó đau đớn xót xa và khó khăn nhường nào. Và nó cũng đồng nghĩa với việc anh ta đã sẵn sàng bỏ qua những rào cản của tiếc nuối để tiến về phía trước, hành động và đấu tranh cho hạnh phúc. Hãy cô lên. Rồi chính cậu sẽ hiểu.

Ông dừng lời. Ngoài trời, những giọt mưa tí tách rơi. Tôi cố gắng loại bỏ cụm từ tiêu cực ra khỏi đầu mình và thay vào đó một cụm từ tích cực hơn. Điều đó dĩ nhiên rất khó khăn nhưng tôi có thể cảm nhận được cụm từ mới này đang dần khớp vào đúng vị trí trong lòng mình.

Thêm một điều nữa, anh bạn. Hãy áp dụng bí quyết nho nhỏ này vào những khó khăn vẫn còn có thể giải quyết. - Ông căn dặn.

Rồi ông lấy ra từ trong tủ sách phía sau lưng một cuốn nhật ký:

Đây là cuốn nhật ký của một người phụ nữ từng là giáo viên ở quê tôi, nó được lưu giữ suốt nhiều năm qua. Chồng bà ấy là một người chẳng chút tài cán nhưng lại rất tốt bụng, hào hoa và rộng lượng. Người phụ nữ này phải cáng đáng rất nhiều trọng trách, từ việc nuôi nấng con cái, chi trả các hóa đơn và gán kết cả gia đình. Nhật ký của bà ấy chất chứa rất nhiều phản uất trước những khiếm khuyết của chồng mình, Jonathan.

Một thời gian sau Jonathan mất. Tất cả các trang nhật ký đều bị xé đi, trừ một trang duy nhất. Trang đó ghi như thế này: “Hôm nay tôi được bổ nhiệm làm thanh tra cho các trường học. Tôi ngỡ rằng mình sẽ rất hãnh diện. Nhưng nếu tôi biết trước có ngày Jonathan rời xa tôi như thế và nếu biết rằng tôi sẽ rất đau khổ khi đối diện với thực tế này thì tôi đã tới ngay bên ông ấy”.

Nhẹ nhàng khép cuốn nhật ký ấy lại, người bạn già của tôi nói:



Cậu có thấy không? Bà ấy đang nói gì nhỉ, “giá như”. Giá như tôi biết chấp nhận ông ấy., chấp nhận những khuyết điểm, chấp nhận tất cả. Giá như tôi biết yêu thương ông ấy hết lòng... - Ông đặt cuốn nhật ký trở lại giá rồi tiếp lời. - Những cụm từ này đã trở thành niềm tiếc nuối lớn nhất trong lòng người phụ nữ ấy vì khi đó tất cả đã quá trễ để bà ấy làm lại.

Ông đứng dậy một cách dứt khoát.

Thôi giải tán thôi. Tôi rất vui vì gặp cậu, anh bạn trẻ ạ. Lúc nào tôi cũng rất vui. Và bây giờ, nếu cậu có thể gọi giúp tôi một chiếc xe taxi thì tôi có thể về nhà rồi.

Chúng tôi bước ra khỏi tòa nhà, hòa mình vào bóng tối với những hạt mưa lã lẽ rơi. Vừa thấy bóng dáng một chiếc xe đang đi tới, tôi vội vã chạy ra để gọi, nhưng một hành khách khác đã nhanh chân hơn.

Của tôi, của tôi! Ồ, giá mà chúng ta bước xuống sớm mười giây thì chúng ta đã ngoắc được chiếc xe đúng không? - Ông ấy hóm hỉnh trêu tôi.

Tôi cười, hiểu ra hàm ý của ông.

Lần tới tôi sẽ chạy ra nhanh hơn.

Đúng đấy. Chính là như vậy. - Người bạn già cười rồi kéo chiếc mũ xuống che lấy đôi tai.

Một chiếc xe taxi khác đang lướt chậm tới chỗ chúng tôi. Tôi mở cửa xe cho ông. Ông mỉm cười rồi vẫy tay chào. Chiếc xe bắt đầu lăn bánh. Đó cũng là lần cuối cùng tôi gặp ông. Một tháng sau, ông qua đời do bệnh tim tái phát đột ngột.

Đã rất lâu kể từ buổi chiều mưa ở Manhattan, mỗi lần nhận ra mình đang chuẩn bị nói “Giá như...”, tôi liền chuyển sang dùng cụm từ “Lần tới... Rồi tôi chờ đợi điều kỳ diệu sắp nảy sinh trong tâm trí mình. Mỗi lần như thế, tôi lại nhớ tới người bạn già năm xưa.

Ông ấy vẫn sống mãi trong lòng tôi, chắc chắn là như vậy.

-Arthur Gordon



# "Vâng, tôi có thể"

*Có một ranh giới giữa sự kiên trì và ngoan cố. Và tôi nhận ra điểm cốt lõi là ta phải tìm ra việc xứng đáng để ta quyết tâm theo đuổi.*

Judah Folkman

Trong số những tư liệu lưu trữ của mình, tiến sĩ Judah Folkman vẫn giữ bản sao chép của một bài báo trên tờ New York Times vào năm 1903. Trong bản sao chép đó, hai giáo sư vật lý đã lý giải tại sao máy bay không thể bay được. Bài báo này ra đời chỉ ba tháng trước khi anh em nhà Wright chinh phục bầu trời ở Kitty Hawk.

Vào đầu những năm 1970, Folkman phát hiện ra một điều mới lạ trong khi nghiên cứu bệnh ung thư, nó hoàn toàn đi ngược lại những lý lẽ của các nhà khoa học lúc đó rằng khối u không tập trung mạch máu mới để nuôi dưỡng chúng phát triển. Trong khi Folkman lại chắc chắn như thế. Và nhận định này của ông bị không ít đồng nghiệp mỉa mai rằng: “Nghiên cứu của anh thật nhảm nhí”.

Folkman không quan tâm tới những lời đàm tiếu thị phi của cộng đồng nghiên cứu khoa học. Suốt hai thập kỷ, ông phải đối mặt với rất nhiều người không quan tâm hoặc tỏ thái độ thù địch khi ông tiếp tục theo đuổi công việc nghiên cứu sự hình thành mạch và sự phát triển của mạch máu mới. Trong một buổi hội nghị nghiên cứu có ông tham dự, một nửa số khán giả đã đứng dậy bỏ ra ngoài. Thậm chí ông còn nghe thấy có người nói rằng: “Ông ta chỉ là một bác sĩ phẫu thuật mà thôi”.

Nhưng ông vẫn tin rằng công việc của ông có thể giúp ngăn chặn sự phát triển các khối u và có thể tìm ra cách phát triển các mạch máu ở những nơi cần thiết như xung quanh các động mạch bị nghẽn ở tim.

Folkman cùng một số đồng nghiệp đã khám phá ra sự hình thành mạch đầu tiên vào những năm 1980. Ngày nay, hơn một trăm ngàn bệnh nhân ung thư là người hưởng lợi từ nghiên cứu mà ông là người khởi xướng. Ông được nhìn nhận với vai trò là lá cờ tiên phong trong cuộc đấu tranh chống lại bệnh ung thư.

- Fran Lostys



# Người quản lý không có tài viết lách

*Có những trận chiến bạn phải đấu tranh hết sức vất vả chỉ để giành lấy một lần thắng lợi.*

Margaret Thatcher

Điều thúc đẩy sự nghiệp của Amy Tan không phải là một cú đột phá bất ngờ mà là một cú húc đầu vào cột.

Trước khi hàng triệu bản của *The Joy Luck Club*, *thế Kitchen Goi's Wife* và *thế Hundred Secret Senses'13'* được tung ra thị trường, Amy Tan chỉ là một cây bút không tên tuổi, dùng chữ nghĩa để kiếm tiền. Ban đầu, bà và chồng cùng điều hành một công ty nhỏ chuyên thực hiện các công việc viết lách theo đơn đặt hàng của các công ty lớn và kiếm tiền theo giờ như các luật sư.

Trách nhiệm của bà với các khách hàng chủ yếu là quản lý và kê khai. Nhưng trong thâm tâm, người phụ nữ nhập cư này luôn muốn làm một việc gì đó sáng tạo hơn với chữ nghĩa, cụ thể là với tiếng Anh.

Vì thế Amy Tan từng chia sẻ với chồng rằng: “Em muốn viết nhiều hơn nữa”. Đáp lại tâm sự này, chồng bà đã khẳng định rằng thế mạnh của bà chỉ là làm bảng kê giá cả, phụ giúp các nhà thầu khoán và thu thập hóa đơn. “Công việc ấy thật vụn vặt”. Amy rất ghét và bà hiểu mình sinh ra không phải để làm việc đó. Nhưng chồng bà vẫn khẳng định rằng viết văn không phải là sở trường của vợ.

Tôi nghĩ, tôi có thể tin tưởng anh ấy và làm theo những gì anh ấy nói, hoặc tôi sẽ đưa ra quyết định riêng của mình.

Bà tranh luận với chồng và thảng thán bảo vệ sở thích của mình. Nhưng chồng bà vẫn không chịu nhượng bộ. Quá xúc động, Amy Tan đã quyết định:

Em sẽ nghỉ việc.

Em không nghỉ việc, mà là em bị đuổi. Em sẽ chẳng bao giờ làm nên cơm cháo gì với việc viết lách đó đâu! - Chồng bà giận dữ.

Amy Tan đã dần chứng minh rằng chồng bà sai bằng cách say sưa viết thật nhiều. Có thời gian bà phải làm việc tới 90 giờ một tuần khi còn là nhà văn

tự do. Tự lập quả là một điều khó khăn. Nhưng bà không cho phép bất cứ ai gò ép hoặc cố gắng nhào nặn tài năng của mình. Và chính nhờ tính tự lập mà bà cảm thấy tự do để sáng tác và bay lượn trong thế giới văn chương. Sự ra đời của tác phẩm thể Joy Luck Club với việc tái hiện hình ảnh người con gái xinh đẹp nhưng cô đơn trong một gia đình Trung Quốc nhập cư đã giúp người quản lý “không có tài viết lách” trở thành một nhà văn nổi tiếng được nhiều người yêu mến, đồng thời là tác giả của những cuốn sách bán chạy nhất ở Mỹ.

- Gary Sledge



# Con đường đến thành công

*Nếu phải dùng ba từ để tóm tắt những điều tôi đã học được từ cuộc sống thì đó là: Cự kiên trì.*

Robert Frost

Trong lúc làm việc ở phòng điều khiển của tàu cứu hộ Seaprobe vào hai giờ sáng năm 1977, Robert Ballard bỗng giật mình thảng thốt khi nghe thấy tiếng va đập âm âm từ một vật gì đó đồ sộ và nặng nề vào boong tàu chỉ cách phía trên đầu ông chừng một mét. Lực của vụ va chạm quá mạnh khiến con tàu chao đảo. Một chiếc ống khoan có gắn thiết bị định vị tàu ngầm và thiết bị quay phim được khởi động và đẩy xuống Đại Tây Dương. Và điều này đã bắt ngờ kết thúc cuộc thử nghiệm của nhà thám hiểm trong việc tìm kiếm con tàu Titanic.

“Tôi đã đánh mất sự tin nhiệm của các nhà tài trợ đã đầu tư số trang thiết bị trị giá 600.000 đô la (cho cuộc thám hiểm vào năm 1977). Và tôi phải mất 8 năm mới lấy lại được lòng tin đã mất đó.” - Ballard kể lại. Và quả thật ông đã vượt qua tất cả, kể cả những hoài nghi của các nhà khoa học, những nỗ lực quên mình mà vẫn thất bại và biết bao khó khăn chông chênh khác.

Sau khi tàu cứu hộ Seaprobe bị giải tán, Ballard nói: “Tôi lại trở về với con số không tròn trĩnh. Tôi cần phải tìm cách khác để tìm kiếm con tàu Titanic”.

Ông trở lại đảm nhận nhiệm vụ là chuyên viên tình báo của quân đội Mỹ. Vào thời gian chiến tranh lạnh chuẩn bị nổ ra, nhà hải dương học này đã đưa ra một thỏa thuận với các nhà chức trách trong quân đội. Ông sẽ giúp đỡ họ bằng tất cả chuyên môn của mình nếu họ đầu tư cho sự phát triển và thử nghiệm của Argo - một con robot gắn thiết bị quay phim dưới nước có vai trò vô cùng quan trọng trong chiến dịch tìm kiếm tàu Titanic - và ông yêu cầu mình phải được sử dụng nó cho mục đích thám hiểm.

Các nhà chức trách này đã đồng ý. Họ bí mật đưa Ballard và Argo tới khảo sát Thresher và Scorpion - hai tàu ngầm hạt nhân đã bị chìm từ những năm

Thật ngạc nhiên, những con tàu này lại nằm trong vùng biển không xa tàu Titanic là mấy. Sau khi tiến hành khảo sát tàu Scorpion vào năm 1985, Ballard bắt đầu tìm kiếm con tàu xa hoa có số phận bi đát Titanic. Và cách mặt biển hai dặm, trong làn nước biển tối thẫm nằm ở vị trí 49 độ 56 phút về phía Tây và 41 độ 43 phút về phía Bắc, ông đã tìm ra con tàu.

Sau này, nhà hải dương học này còn tìm thấy con tàu chiến của Đức Quốc xã có tên Bismarck, tàu Lusitania và các con tàu huyền thoại bị đắm khác. Triết lý của ông rất đơn giản: “Thất bại luôn đồng hành cùng thành công, và vì thế, tôi sẵn sàng chấp nhận thất bại

Hiện nay Ballard đang làm việc tại trường đại học thuộc viện nghiên cứu đại dương học của tiểu bang Rhode Island. Ở đây ông vừa công bố một chương trình khảo cổ mới.

- Janice Leary

# Bài học từ người Eskimo

*Nhiều người không biết thế nào là hạnh phúc, không phải vì họ chưa từng có hạnh phúc mà vì họ chưa bao giờ biết dừng lại để tận hưởng nó.*

William Feather

Ba mươi ngày nay, chúng tôi vẫn không ngừng bám theo dấu vết - tôi và cả gia đình người Eskimo. Thời tiết thật khắc nghiệt, cái lạnh và gió rét như muốn đóng băng chúng tôi, nhiệt độ lúc này đã xuống âm 50 độ, thế nhưng tinh thần của gia đình người Eskimo vẫn thật kiên cường. Có thể nói đây là hành trình khắc nghiệt nhất mà tôi từng trải nghiệm.

Dường như số mệnh đang ra sức gây khó dễ cho Chúng tôi. Ngày thì bão tuyết khiến chúng tôi phải chôn chân trong lều. Ngày thì do linh cảm không hay của người bản địa khiến chúng tôi buộc phải dừng chân để dựng một chiếc lều mới thay vì bước tiếp dù thời tiết không mấy khắc nghiệt.

Không ít lần tôi hỏi người đàn ông Eskimo rằng: “Chúng ta còn phải mất bao nhiêu ngày nữa mới tới được vùng đất của vua William Nhưng chẳng lần nào ông ấy trả lời thẳng thắn cả. Người Eskimo không thích những câu hỏi. Họ cho đó là một sự khiếm nhã. Chỉ người da trắng mới hay đặt ra những câu hỏi. Thêm nữa, người Eskimo không thích đưa ra câu trả lời. Nếu bạn hỏi họ: “Thời tiết ngày mai thế nào?”, họ sẽ chỉ lịch sự trả lời rằng: “Mauna” (Tôi không biết) dù rằng họ thừa khả năng dự đoán, sau đó họ làm như mình đang bận rộn với lũ chó nhằm hàm ý rằng: “Tại sao tôi phải trả lời anh cơ chứ? Nếu tôi nói đúng thì cũng chẳng giải quyết được điều gì, còn nếu tôi trả lời sai thì tự dưng tôi đã biến mình thành một thằng ngốc”.

Cả sáng rồi cả chiều chúng tôi đi trên những đại dương bị đóng băng lạnh buốt và chỉ dừng lại để xem xét dấu vết mà những chú chó mới tìm ra hoặc để thắp đuốc. Chúng tôi quan sát vùng đất. Có lẽ Chúng tôi sẽ tìm ra nơi mình cần tìm. Rồi khi một hy vọng nhỏ nhoi nào đó vừa lóe lên thì gió lại nổi lên, tuyết lại bao phủ dày đặc, xóa đi mọi dấu vết, bỏ chúng tôi thất thểu trong sự tuyệt vọng giữa không gian trắng ngút ngàn.

Chúng tôi dừng lại lần nữa. Chậm chạp, không chút vội vàng theo phong cách bản địa mà người Eskimo vẫn chấp nhận cuộc sống và số phận. Ohudlerk - người đàn ông lớn tuổi nói gì đó với vợ và cô con gái nhỏ. Nếu là ở Pháp, trong cơn bão, người nông dân cũng sẽ dừng lại một cách bình tĩnh

như thế để xem xét tình hình ruộng vườn.

Không thể kìm nén nổi cảm giác bồn chồn khó hiểu, tôi lại hỏi người đàn ông ấy câu hỏi quen thuộc: “Ông nghĩ là bao giờ chúng ta sẽ tới vùng đất của vua William?”. Và tôi cũng không biết việc lặp đi lặp lại những câu hỏi như vậy khiến ông ấy mất bình tĩnh hay đó cũng chính là vấn đề ông đang thực sự quan tâm. Chỉ thấy ông quay lại phía vợ và trong sự im lặng thường thấy, họ như vừa trao đổi những đồng cảm bí mật.

Rồi ông ấy đi tới và nhìn thẳng vào tôi. Ông ấy nói to - giọng nói vừa pha chút e ngại vừa cố giữ sự thận trọng:

- Không phải là lũ chó cũng đi giỏi như cậu muốn đó sao?

Và sau đó lại là sự im lặng. Bầy chó quay đầu lại như thường lệ khi chuẩn bị tiếp tục cuộc hành trình, và chúng đang nhìn tôi. Người phụ nữ và đứa trẻ giả bộ bận rộn nhưng tôi biết họ cũng đang len lén quan sát mình. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, mọi thứ dường như chững lại. Đó là cảm giác mà người Eskimo thường gieo vào lòng bạn khi bỏ mặc bạn trong những khoảng lặng căng thẳng. Họ khiến sự im lặng càng trở nên nặng nề hơn. Và liệu họ có dừng lại như thế không? Không, họ còn để chúng đi xa hơn. Cuối cùng, người đàn ông cũng cất tiếng nói, dường như ông ta không thể kìm nén lòng mình:

Chẳng phải chiếc xe trượt tuyết đó rất tốt sao? Chẳng phải anh đã rất vui khi thấy tuyết bao phủ đại dương trong suốt hành trình của chúng ta hay sao?

Ông nhìn tôi bằng ánh mắt trách móc. Tôi có cảm giác như cả kỷ nguyên của đá với sự giản đơn đầy bí ẩn, phương Đông với sự thông thái sâu xa đang nhìn tôi, cố gắng để thấu hiểu - hoặc có lẽ hơn thế, cố gắng để hiểu chính mình. Rồi bỗng nhiên tôi như đọc được những thông điệp mà đôi mắt già nua đó đang muốn nói.

Chúng nói rằng: “Việc gì phải vội vã ỉ Và tại sao lúc nào cậu cũng muốn đi tiếp thế? Điều gì khiến cậu cứ phải day dứt về tương lai khi hiện tại đang rất tuyệt vời?”.

Ngày hôm đó, người đàn ông Eskimo đã dạy cho tôi một bài học mà tôi không bao giờ quên. Vì mãi miết suy nghĩ trần trở về tương lai, tôi đã quên mất tầm quan trọng của hiện tại. Câu nói của ông ấy khiến tôi chợt nhớ có ai đó từng bảo tôi rằng: “Nghĩ về quá khứ là để hối tiếc, nghĩ về tương lai là để sợ hãi Nhưng còn hiện tại thì sao? Không phải chỉ có hiện tại mới là điều dễ

hiều nhất đó sao?

Thế giới chẳng qua là sự phản ánh hiện thực qua tâm trí của con người. Với tôi, Bắc Cực là niềm cảm hứng, là khao khát muốn khám phá, nhưng với gia đình người Eskimo, nó lại là một vương quốc khổng lồ mà họ chính là người làm chủ. Với tôi, sương tuyết giá lạnh là những gian nan thử thách còn với họ, nó là sự ban ơn, là món quà của đấng tạo hóa. Từ hàng ngàn lăng kính nhìn vào cuộc sống, chúng ta được thoải mái lựa chọn giữa khổ đau và hy vọng.

Chúng ta mãi miết băng qua những xa lộ cuộc đời và thờ ơ với những cảnh quan hai bên. Ai đó đã nói: “Cuộc sống tuyệt vời bao hàm cả những phút giây nhàn rỗi” - những phút giây ngưng nghỉ, và suy ngẫm. Người Eskimo ngừng lại khi họ hài lòng mặc dù ngày mai đang chờ họ. Và với họ, ngày mai có thể là sự rình rập của những thế lực bên ngoài đang mong muốn gieo rắc đói khát và chết chóc. Vì thế khi thần chết chưa tìm đến, họ vui vẻ hưởng thụ, mạnh dạn sống và khám phá cuộc đời tươi đẹp, bỏ lại sau lưng mọi nuôi tiếc.

Khi đọc được những thông điệp mà Ohudlerk trao gửi qua đôi mắt cũng là lúc tôi nhận ra tâm hồn mình nghèo nàn biết bao trước những phút giây ngắn ngủi giữa đại ngàn băng tuyết Bắc Cực. Cũng từ đó, tôi học được bài học quý giá rằng phải biết nâng niu, trân trọng từng ngày, rằng chẳng gì ở tương lai có thể thay đổi thứ ta đang nắm giữ trong hiện tại.

Vancouver, sau khi đã kết thúc chuyến hành trình đầy vất vả, tôi chạy thẳng vào khách sạn cứ như thể không muốn đánh mất thêm một phút giây nào nữa, để rồi bỗng nhiên, tôi dừng lại giữa dòng người qua lại. Tiếng còi hiệu tránh đường vang lên từ mọi hướng nhưng tôi không hề nghe thấy. Tôi cảm giác như Ohudlerk đang đứng trên con đường trước mặt, dõi theo tôi bằng đôi mắt sâu thẳm, đầy sự thông thái lẫn lo lắng và băn khoăn, rồi ông ấy hỏi tôi rằng những con chó đó có phải là những con chó không tốt không và có phải tuyết trắng không thực sự là món quà Thượng Đê ban tặng không.

Tôi chợt bật cười. Chúng ta thật là ngớ ngẩn! Tôi thầm nghĩ. Và bây giờ, tôi vẫn nghĩ như vậy.

- Gontran de Poncins

# Nếu tôi được sống thêm lần nữa

*Cách chúng ta tận hưởng từng ngày chính là cách chúng ta tận hưởng cuộc đời.*

*-Annie Dillard*

Một ngày, khi được hỏi rằng: “Nếu được sống thêm lần nữa, cô có muốn thay đổi điều gì không?”, tôi đã trả lời “Không”. Nhưng sau đó tôi bắt đầu suy nghĩ.

Nếu có thêm một cuộc đời khác, tôi sẽ nói ít hơn và lắng nghe nhiều hơn.

Tôi sẽ mời bạn bè tới dùng bữa tối ngay cả khi tấm thảm bị biến màu và chiếc ghế sofa đã sờn rách.

Tôi sẽ ăn bỏng ngô trong phòng khách sang trọng và đẹp bỏ mối bận tâm về bụi bặm khi mọi người muốn nhóm lửa trong lò sưởi.

Tôi sẽ dành thời gian lắng nghe ông kể về những năm tháng tuổi trẻ.

Tôi sẽ không bao giờ khăng khăng đóng cửa xe hơi vào những ngày hè oi bức chỉ vì tôi đã chỉnh trang đầu tóc và vuốt keo thật kỹ lưỡng.

Tôi sẽ đốt những ngọn nến màu hồng xinh đẹp được tạo hình sinh động như những bông hồng trước khi chúng tan chảy trong kho dự trữ.

Tôi sẽ ngồi trên bãi cỏ cùng con cái dù có dơ một chút cũng chẳng sao.

Tôi sẽ bớt khóc và cười trước màn hình tivi, để rồi khóc và cười nhiều hơn trước hiện thực cuộc sống.

Tôi sẽ san sẻ trách nhiệm nhiều hơn với chồng mình.

Tôi sẽ đi ngủ khi bị ốm thay vì làm như trái đất sẽ quay lệch quỹ đạo khi tôi không ở đó một ngày.

Thay vì chỉ biết chờ đợi trong suốt chín tháng mang thai, tôi sẽ vui mừng trong từng khoảnh khắc đề cảm nhận mầm sống nhỏ bé đang từng ngày lớn lên trong tôi, và rằng đó là một phép lạ tuyệt vời mà Thượng Đế ban tặng.



Khi các con muốn ôm hôn tôi, tôi sẽ không bao giờ nói: “Đề sau đi các con.  
Bây giờ mẹ phải rửa ráy sạch sẽ để còn ăn tối

Tôi sẽ yêu thương nhiều hơn, xin lỗi nhiều hơn. Và nói chung khi được trao  
một cuộc sống mới, tôi sẽ nắm bắt từng khoảnh khắc, trân trọng nó, sống hết  
mình với nó và không bao giờ lãng phí nó.

- Erma Bombeck

# Hành trình trên xe buýt

*“Dậy nào chị, nếu không chúng ta sẽ lỡ chuyến xe buýt đầu tiên mất.” - Beth nói. Lúc đó mới là 6 giờ sáng nhưng em gái tôi đã ăn mặc đâu vào đấy với chiếc áo thun màu tía và chiếc quần soóc màu xanh nhạt. Phải cố gắng lắm tôi mới thức dậy nổi và khoác vội vào mình chiếc áo len dài tay.*

Tôi với Beth, cả hai đều đã gần hết lứa tuổi “băm” và chỉ cách nhau 11 tháng. Nhưng không giống tôi, cô em gái hơi lùn và tròn trịa của tôi sở hữu tủ quần áo với những gam màu sáng và có thể thức dậy bước ra khỏi giường trước lúc bình minh. Bên cạnh đó, Beth còn có rất nhiều điểm khác tôi: Nó là một cô gái hơi chậm phát triển về trí tuệ. Suốt sáu năm liền, Beth cố gắng sống tự lập trong căn hộ được trợ cấp tại một thành phố ở Pennsylvania. Sau khi bị mất việc tại cửa hàng bán đồ ăn nhanh, Beth có khá nhiều thời gian nhàn rỗi. Nhờ khoản tiền trợ cấp của chính phủ nên Beth vẫn có đủ tiền để sinh sống qua ngày.

Dù bị khiếm khuyết nhưng Beth rất khéo léo. Hiện nay con bé đang lái xe buýt, nhưng không phải là lái từ nơi này tới nơi khác mà là “lái theo cách của Beth”. Nó đi dọc thành phố từ lúc bình minh tới khi trời đã nhá nhem tối, thân thiện giúp đỡ các tài xế cũng như hành khách. Beth thuộc lòng ngày sinh của họ, các lễ kỷ niệm, cửa hàng mua sắm và ăn sáng, giúp họ lúc lên xuống xe buýt và mang hộ các túi tạp phẩm. Đáp lại sự nhiệt tình đó, mọi người đều yêu mến Beth.

Em gái tôi đã tự tìm ra cho mình một cộng đồng riêng. Và ngay lúc này, tôi cũng đang chuẩn bị làm theo cách của nó. Theo lời mời của Beth, tôi sẽ cùng du hành một chuyến để tìm hiểu cuộc sống của em. Tôi tự hứa rằng từ năm tới, tôi sẽ ghé thăm Beth đều đặn và đi xe buýt cùng với nó - để cùng nhau chia sẻ những khoảnh khắc ý nghĩa lần đầu tiên sau khi chúng tôi trưởng thành.

Chúng tôi vội vã bước xuống đại lộ và đi vào một tiệm ăn McDonald's. Ở đây Beth đã mua một tách cà phê nhưng không bật nắp. Sau đó, chúng tôi thẳng đường tới nơi đậu xe buýt. Khi chiếc xe buýt dừng lại, Claude - người tài xế mở cửa như thể chào đón chúng tôi vào nhà. Beth bước lên rồi mời cà phê anh ấy. Anh nhận lấy và gõ gõ vào bàn tay Beth.

- Đó là thỏa thuận của chúng tôi. - Anh ấy nói với tôi.

Sau đó, Beth tiến lại ghé ngồi của mình - vị trí đầu tiên ở hàng ghế sát cửa trước, góc đối diện và rất gần với Claude. Tôi ngồi xuống bên cạnh con bé và khi xe buýt chuyển bánh, Beth nói rằng Claude 42 tuổi và đã gần đến ngày sinh nhật của anh ấy. Claude cười khi em tôi đọc vanh vách ngày sinh của anh.

- Cô ấy có thể nhớ mọi thứ. - Claude nói và mỉm cười với em gái tôi.

Cả ngày dài, khi chiếc xe buýt của chúng tôi ngang qua xe buýt của Jacob, Estella và Roiolpho, hết lái xe này đến lái xe khác đều vẫy tay vui vẻ chào Beth. Beth còn nhắc họ về tuyến đi mà họ được nghỉ lại một chút, bảo họ ghi lại những thay đổi theo lịch trình và hướng dẫn họ những bài hát trong tập mười ca khúc hay nhất.

Ngày nhỏ, Beth rất dễ tủi thân và thường nép mình vào một góc mỗi khi người ta nhìn nó bằng ánh mắt miệt thị như họ vẫn làm. Nhưng giờ đây, con bé không còn buồn vì những điều như thế nữa. Dường như nó thích thú với chiếc ghế ngồi của mình. Tôi nghĩ: Đúng là em gái tôi. Nó thật tự tin và cởi mở. Nó không giống tôi - luôn tự vùi mình vào một đồng công việc để rồi tự tước đoạt của mình những phút giây giản dị mà hạnh phúc trong cuộc sống.

Trong khi Beth rong ruổi khắp nơi trên chiếc xe buýt thì tôi tiết kiệm từng chút thời gian một ngồi trên ô tô, tàu hỏa và máy bay. Tôi luôn bận rộn với những chuyến đi. Tôi đang là phóng viên cho tờ báo buổi sáng Philadelphia Inquirer và đã xuất bản một vài cuốn sách. Tôi đang dạy một số lớp viết văn và đứng ra tổ chức một số sự kiện ở cửa hàng sách. Tôi phải làm việc cả 7 ngày một tuần, từ giây phút tôi bước xuống giường vào lúc 7 giờ sáng đến khi tôi mệt mỏi lết tấm thân về nhà và thả phịch xuống đó vào lúc 1 giờ đêm. Tôi đã trở thành một người vô cùng bận rộn, vô cùng giỏi giang và vô cùng nổi tiếng.

Bởi vì công việc đã chiếm gần như toàn bộ thời gian của tôi nên tôi chẳng còn dịp gặp gỡ bạn bè. Nhưng có lẽ sự mệt mỏi lớn lao và đau đớn nhất mà tôi phải đánh đổi cho công việc là tình yêu. Vài năm trước, khi Sam - người bạn trai bao năm tháng chia sẻ cùng tôi - cầu hôn, chỉ vì công việc mà tôi đã khước từ. Vì thế, tình yêu ấy phải miễn cưỡng kết thúc trong đau khổ và nước mắt. Sau sự kiện ấy, tôi tiếp tục lao đầu vào công việc để cố xua đuổi cảm giác cô đơn bủa vây mình.

Kể từ lúc ghé thăm Beth, tôi cảm thấy mình bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới những người xung quanh. Tôi chưa một lần tưởng tượng ra rằng em gái tôi

lại có nhiều bạn bè là tài xế xe buýt, cũng chưa từng nghĩ rằng những con người này lại tốt bụng đến vậy. Tôi càng không khỏi ngỡ ngàng khi biết tin căn bệnh về mắt của Beth cũng như rất nhiều bài học mà một người làm chỉ như tôi lâu nay không nhận thấy.

Một hôm, bác sĩ gọi điện cho tôi để thông báo kết quả bệnh tình của Beth: bệnh nấm kê giác mạc. Các góc nhìn của Beth đều trở nên nhòe nhoẹt và không chính xác. Bác sĩ nói rằng Beth cần phải mổ càng sớm càng tốt. Ông ấy còn căn dặn thêm: “Dĩ nhiên, đó là quyết định của cô ấy. Nhưng tôi hy vọng rằng cô có thể giúp”. Đúng là Beth đã mời tôi tới đây du hí cùng con bé trên những chuyến xe buýt nhưng tôi không biết liệu nó có thực sự chấp nhận tôi bằng cả trái tim không. Nó rất kiêu hãnh. Liệu nó có đề tôi giúp nó không?

Tôi nói chuyện với Beth về căn bệnh và giải thích rằng nếu không mổ thì thị lực của nó sẽ ngày càng sụt giảm. Con bé miễn cưỡng đồng ý. Nhưng nó nói sẽ không ngồi buồn bã ở nhà trong thời gian chờ mũi khâu lành vết. Một khi thuốc gây tê đã hết công dụng, nó muốn trở lại xe buýt.

Chị có một điều ước, - tôi nói. - Chị ước gì mình có được trong tay cuốn sách “Help Anyone Anytime”.

Cuốn sách ấy sẽ cho tôi một lời chỉ dẫn để tôi trở thành một người chị tốt, có thể là niềm an ủi cho Beth. Nó cũng sẽ dạy tôi cách giúp đỡ Beth, xoa dịu niềm kiêu hãnh và bản tính tự lập của nó cũng như cách tìm ra sự khác biệt giữa chăm sóc và kiểm soát. Nhưng lúc ấy, thay vì nói những lời này, tôi lại bảo Beth rằng: “Chị muốn có một cuốn sách giúp chị tìm thấy một đôi mắt mới cho em

- Chị thật tốt! - Em tôi nói. - Chị có thể tìm một đôi mắt màu tía không?

Ngày Beth đi mổ ngoại trú, con bé nói vái tôi rằng: “Em rất sợ”. Tôi thực sự ngạc nhiên và xúc động. Beth đang chia sẻ cảm xúc của bản thân, đây là điều mà trước đây chưa từng xảy ra. Tôi trấn an Beth rằng mọi thứ rồi sẽ ổn. Tôi sẽ ở bên nó mọi lúc. Nhưng cuối cùng người ở bên nó thường xuyên nhất hóa ra lại là Jacob - người bạn tài xế của Beth. Khi anh ấy đến để đưa chúng tôi tới bệnh viện, dường như Beth mới cảm thấy thực sự an tâm. Jacob đã ghi lại bài hát “She Loves You” của ban nhạc thể Beatles trong máy phát nhạc của anh ấy. Từ ghế ngồi phía sau xe, Beth luôn miệng ngân nga theo điệu nhạc ấy.

Trong phòng chờ của bệnh viện, chúng tôi cùng nhau xem lại giấy tờ. Beth thừa nhận rằng nó rất lo lắng.

Chị sẽ ở bên cạnh em. Cứ yên tâm nhé. - Tôi dịu dàng.

Vậy là em sắp sửa nhìn thấy rõ hết mọi thứ xung quanh. - Jacob cũng vui vẻ đệm thêm.

Beth có vẻ thoải mái hẳn. Con bé bảo tôi cùng vào phòng nghe nó trả lời các câu hỏi kiểm tra, lấy kết quả xét nghiệm máu và lấy áo bệnh nhân. Nó hỏi tôi có ở bên cạnh khi nó thay đồ không. Thế là tôi giúp Beth thay quần áo bệnh viện và mang vào chân đôi dép lê. Rồi chúng tôi tới phòng mổ, nơi Jacob đang đợi bên cạnh chiếc xe đẩy bệnh nhân. “Bộ quần áo này trông buồn cười không. Em thấy không quen với đôi dép này lắm. Beth nói.

Cuối cùng, đã đến lúc Beth phải nằm lên xe đẩy.

Em phải nằm xuống để còn vào phòng mổ chứ. - Tôi nhẹ nhàng bảo.

Em sẽ nằm! - Beth nói, nhưng vẫn không nhúc nhích.

Em nằm xuống luôn đi.

Em sẽ nằm mà.

Tôi trèo lên chiếc xe bên cạnh Beth rồi nằm xuống, bảo em:

- Hãy làm giống chị đi.

Khi nghe cả Jacob và tôi nhắc nhở, cuối cùng Beth cũng chịu nằm lên chiếc xe.

Ngay sau đó, một y tá đến để tiêm thuốc gây mê. Tôi nói:

Beth, bây giờ em lật người sang một bên đi nào.

Nhưng em không muốn.

Jacob và tôi chột lóc lên một sáng kiến và nhanh chóng hiểu ý nhau mà không cần nói lời nào. Chúng tôi cùng lật người Beth qua một bên. Nó cười giòn tan, dường như rất thích thú trước sự quan tâm của chúng tôi.

Sau khi cô y tá tiêm xong mũi thuốc, chúng tôi xoay người Beth trở lại. Nỗi sợ hãi của Beth đã nhanh chóng kết thúc. Nó cũng kết thúc khi các y tá đẩy chiếc xe vào phòng mổ, khi tôi ngồi lên chiếc ghế đầu bên cạnh Beth trong phòng chờ thuốc mê phát huy tác dụng, khi tôi vuốt ve cánh tay của em gái mình lúc chúng tôi ngồi đợi.

Tôi nhìn vào đôi mắt Beth - đôi mắt đang ánh lên sự ngang bướng và lém lỉnh thường thấy. Tôi còn nhận ra một thứ khác nữa. Em gái tôi đang nhìn tôi với sự tin tưởng tuyệt đối mà trước nay tôi chưa từng nhận thấy.

Đêm hôm ấy, Jacob ở lại với chúng tôi. Ngày hôm sau, lái xe Roiolpo ghé thăm. Sau đó là Rick với một cốc sữa sô-cô-la đã khuấy, rồi Betty thay mặt các lái xe khác mang hoa đến cho Beth. Trong hai ngày, Beth hoàn toàn tuân theo những lời căn dặn của bác sĩ: Nằm yên dưới túi chườm ướp đá và dùng thuốc mỡ tra mắt.

Rồi thật bất ngờ, Jacob đã mời Beth tới nhà anh ấy. Vì tôi phải về nhà một thời gian nên Jacob và vợ anh ấy là Carol đã đề nghị tiếp tục chăm sóc Beth cho đến khi mắt con bé hồi phục hoàn toàn. Tôi thầm nghĩ: Cuộc sống của em gái mình thật tuyệt.

Một ngày, tôi trầm ngâm hỏi Beth:

Những lái xe đó, dường như họ quá tốt, như nhân vật trong những câu chuyện cổ tích chứ không phải người thực trong xã hội. Làm sao em có thể tìm thấy nhiều người tốt bụng đến thế?

Chỉ tình cờ thôi chị à. Em đi xe và em nghĩ rằng họ vẫn luôn ở đó. - Beth trả lời.

Tôi nhìn Beth rồi trăn trở về cuộc sống. Và tôi nhận ra rằng không có gì là “tình cờ” cả. Beth đã tìm thấy những người bạn ở nơi mà người khác không đoái hoài tới. Nó đã tìm ra những người lái xe tốt bụng và nhã nhặn từ vô số người thờ ơ lãnh đạm hoặc tỏ thái độ khó chịu thù địch. Tôi cũng nhận ra rằng Beth mời tôi tham gia chuyến xe buýt cùng nó cũng không phải là một sự tình cờ. Beth muốn tôi gặp những người tài xế vì tôi cần điều đó.

Gần cuối chặng hành trình với Beth, trong tôi chợt dấy lên niềm mong mỏi một cuộc sống khác cho chính mình, tôi muốn thay đổi cuộc sống hiện tại. Một vài tháng sau, tôi gọi điện cho Sam. Chúng tôi đã nói chuyện rất lâu, và nỗi sợ hãi trong tôi giờ không còn nữa. Kể từ hôm đó, chúng tôi bắt đầu những tháng ngày tìm hiểu đầy bất ngờ và thú vị để rồi chính thức thuộc về



nhau sau lễ cưới vào tháng 5 năm 2001. Khi tôi thông báo cho Beth là tôi sắp cưới, nó đã gửi cho tôi một tấm thiệp rực rỡ, tràn ngập các vì sao và dấu chấm than:

*Rachel thân yêu.*

*Em rất mừng cho chị.*

*Ký tên: Beth yêu.*

Tấm thiệp viết bằng mực màu đỏ tía, trên đó cũng có rất nhiều chữ ký của những người khác là các lái xe bạn của Beth: Len, Jack, Melanie, Henry, Lisa, Jerry và người cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, Jacob. Anh ấy đã giúp tôi chăm sóc em gái mình. Trong tấm thiệp, anh ấy viết rằng: “Chúc cô có nhiều hạnh phúc và một hành trình đầy thú vị. Thân mến. Jacob”.

- Rachel Simon

# Lời khuyên quý giá nhất

*Món quà giá trị nhất mà chúng ta có thể cho người khác là sự lạc quan.*

Stephen Covey

Chưa bao giờ tôi thực sự hiểu cha mình cho tới khi ông 80 tuổi. Tôi yêu mến và kính trọng ông nhưng luôn cảm thấy ông là một người quá khuôn mẫu. Cha tôi, Meyer Kubelsky, là chủ một cửa hàng nhỏ bán đồ lót nam ở Waukegan, Illinois. Cuộc đời ông dường như chỉ bó hẹp trong cửa tiệm nhỏ bé, căn hộ bên cửa hàng bán thịt và một lối đi nhỏ ở giữa.

Năm tôi 6 tuổi, vào ngày sinh nhật, một sự việc xảy đến khiến tôi nhận thấy còn nhiều điều ẩn chứa ở cha mình. Buổi tối hôm đó, ông đưa cho tôi một hộp quà lớn. Tôi háo hức mở ra xem. Đó là một cây đàn violin. Ông bảo tôi:

Benny, con nên trở thành một nghệ sĩ violin. Cha sẽ mời một giáo viên tốt nhất và có thể, một ngày không xa con sẽ trở thành một nhạc sĩ vĩ đại.

Dạ, con cảm ơn cha nhiều lắm! - Tôi nói và thực sự cảm động trước món quà của cha, dù rằng một chiếc xe đạp hay một đôi găng tay đánh bóng chày lúc này vẫn hấp dẫn tôi hơn. Lúc đó, tôi chưa hiểu được nhạc cụ ấy có ý nghĩa thế nào đối với ông.

Tôi bắt đầu học nhạc và sớm phát hiện ra rằng những ngón tay của tôi rất mạnh mẽ và linh hoạt, và rằng tôi rất nhạy bén trước những giai điệu và cường độ. Tuy nhiên, một nhược điểm lớn ở tôi là tôi quá lười.

Mỗi tối, khi vừa về đến nhà, cha lại hỏi tôi rằng:

Hôm nay Benny Kubelsky - nghệ sĩ violin tập luyện thế nào?

Tốt cha ạ. - Tôi trả lời.

Con có luyện tập chăm chỉ không đấy?

Có thưa cha.

Con ngoan lắm.

Nhưng rồi, một tối kia, câu trả lời trơn tuột của tôi không qua mắt cha được

nữa. Hôm đó, cũng như thường lệ, ông hỏi:

Con có tập luyện không?

Chắc chắn là có rồi, thưa cha. - Tôi đáp.

Nhưng thay vì khen tôi ngoan như mọi khi, ông bảo:

Con chơi cho cha nghe đi.

Tôi chỉ vào một bản nhạc:

Bài này cha nhé!

Ông nhìn chăm chú vào bản nhạc rồi cười:

Bài này dễ quá con ạ. Con đã học bài đó cách đây một tháng rồi. Tôi cãi bướng:

Con có tập mà.

Cha thở dài rồi ngồi xuống ghế:

Cha đã nói chuyện với thầy giáo của con, Benny ạ. Thầy giáo nói rằng con có năng khiếu nhưng con luôn gian lận khi học. Lúc nào con cũng chỉ chơi những bài dễ thôi. Con có khả năng trở thành một nhạc sĩ lớn, nhưng con cần tập luyện những bài khó nữa. - Im lặng một lúc, ông nói tiếp. - Không chỉ trong âm nhạc mà trong bất cứ việc gì, luôn có những cái dễ và khó. Để thành công, con cần luyện tập những cái khó. Con phải nhớ lấy điều ấy.

Tôi lí nhí trong miệng: “Vâng thưa cha”.

Năm 16 tuổi, tôi được nhận vào chơi trong dàn nhạc nhỏ để đệm cho những vở hài kịch tại rạp Barrison ở Waukegan. Sau buổi biểu diễn đầu tiên, cha đến sau cánh gà, gương mặt ông lộ rõ vẻ thất vọng:

Tất cả chỉ có thế thôi sao? Chỉ là thứ âm nhạc giật cục tầm thường để mua vui trên sân khấu thôi sao?

Vâng ạ. Đó là tất cả.

Ông lác đầu:

Cha đã hy vọng ít nhất là được nghe con chơi nhạc của Schumann (15).

Con xin lỗi thưa cha, nhưng dù thế nào thì đó cũng chỉ là một dàn nhạc nhỏ và con cũng đã tập luyện chăm chỉ mà.

*Robert Schumann (1810 -1856): Nhà soạn nhạc và phê bình âm nhạc nổi tiếng của Đức. Ông là một trong những nhà soạn nhạc lãng mạn lừng danh nhất thế kỷ 19.*

Gương mặt cha bớt căng thẳng hơn một chút. Ông thừa nhận:

- Đúng. Con vẫn tập luyện. Hãy tập luyện những đoạn nhạc khó nữa nhé.

Sau thời gian chơi cho dàn nhạc này, tôi chuyển sang lập dàn nhạc riêng cho mình. Tôi bắt đầu bằng việc lập bộ đôi với Cora Salisbury - một nữ nghệ sĩ piano, sau đó, tôi lấy nghệ danh là Jack Benny Woori. Một ngày kia, trong một phút bốc đồng, tôi đã nhấc cây violin dưới cảm mình ra và kể một câu chuyện hài. Khán giả đã cười rất vui vẻ. Tiếng cười đó khiến tôi say sưa hạnh phúc, và chính nó đã đặt dấu chấm hết cho chuỗi ngày đeo đuổi con đường âm nhạc của tôi, từ đó tôi không bao giờ còn đặt cây violin vào chỗ của nó như trước, trừ khi tôi dùng nó để khôi hài trên sân khấu.

Đối với tôi, âm nhạc luôn là một lĩnh vực đầy khó khăn thử thách, ngay cả khi tôi không thực sự áp dụng lời khuyên của cha. Lúc ấy, tôi đã biện hộ rằng nếu chỉ bước ra sân khấu và kể một vài câu chuyện cười mà tôi có thể giúp mọi người thư giãn thoải mái thì tôi cũng đủ thấy hạnh phúc rồi. Thế là tôi quyết định trở thành một nghệ sĩ hài.

Nhưng ngay sau đó, tôi nhận ra rằng kể chuyện hài không phải đơn giản. Đôi khi bạn cần bỏ đi điểm thắt nút của câu chuyện nhưng có lúc, bạn cần phải tập trung vào nó. Một khoảng dừng trong lúc kể chuyện có thể tạo nên sự hài hước nhưng cũng có thể bóp chết câu chuyện của bạn. Yếu tố cốt lõi là bạn phải chọn đúng thời điểm. Tóm lại, hài kịch cũng có những kỹ năng cần phải nắm vững như trong âm nhạc. Và nó cũng có nhiều phần khó đòi hỏi sự tập luyện không ngừng. Điểm khác biệt nằm ở chỗ tôi đã tìm ra cho mình một lĩnh vực mà tôi thực sự muốn chuyên sâu.

Một vài năm sau, tôi thường xuyên viết thư về nhà nhưng chưa bao giờ tôi có đủ dũng khí để thừa nhận với cha mẹ rằng tôi không còn chơi nhạc của Schumann trong các nhà hát nữa. Sau đó, có một dịp tôi buộc phải trở lại Waukegan. Tôi đã tới cửa hàng của cha và đưa cho ông hai tấm vé.

Đây là hai tấm vé mời cha và mẹ tới buổi biểu diễn của con.

Không nhìn vào tôi, cha chỉ lăm bắm trong miệng:

Ôi trời... buổi biểu diễn. Em họ Cliff của con đã đi xem buổi biểu diễn ở Chicago vào tuần trước. Nó nói là con cầm cây đàn violin lên sân khấu nhưng con không chơi.

À. Bố biết đấy, công việc của con đã thay đổi. Bây giờ, con là nghệ sĩ hài rồi.

Ông suy nghĩ một lúc rồi nói:

Vậy sao con còn cầm cây đàn violin.

Đó là một công cụ. Nó giúp con khơi dậy tiếng cười.

Cây đàn violin... buồn cười lắm sao? - Ông nhìn tôi ngờ vực, rồi cười buồn. Cha xin lỗi, Benny, nhưng cha không thể cười nổi.

Những năm sau đó, tôi bắt đầu giành được nhiều thành công trong làng giải trí. Tuy vậy, ký ức về sự thất vọng của cha vẫn luôn đè nặng trong tôi. Bên tai tôi lúc nào cũng văng vẳng câu nói của ông: “Cha không thể cười nổi”. Vì thế, tôi ép bản thân phải cố gắng hơn nữa, phải quyết tâm trở thành một ngôi sao. Với mỗi chương trình, tôi đều tập luyện kỹ lưỡng, chỉnh sửa rồi viết đi viết lại nhiều lần đến nỗi các đạo diễn và diễn viên cũng phải khó chịu và gọi tôi là người cầu toàn. Tôi chăm chút từ lối vào, lối ra, thiết kế âm thanh, thậm chí cả các dòng quảng cáo.

Ngay trước Thế chiến thứ hai, tôi hợp tác cùng Dorothy Lamour cho ra đời một bộ phim có nhan đề Man About Town, và tôi đã yêu cầu hãng phim tổ chức công diễn ở Waukegan. Cha từ chối lời mời tới rạp hát nhưng ông không thể tảng lờ cuộc diễu hành lớn trong đó tôi mời ông ngồi giữa nữ diễn viên nổi tiếng Dorothy Lamour và tôi trên chiếc xe tiên phong.

Lúc ấy cha tôi đã 80 tuổi còn mẹ tôi đã mất. Thân hình ông gầy guộc, nhưng mái tóc của ông thì chỉ điểm bạc và đôi mắt thì rất tinh tường. Ông nhanh chóng ngồi xuống ghế rồi chúng tôi khởi hành chạy dọc các con phố giữa tiếng huyên náo chào mừng cổ vũ của mọi người. Tiếp đến chúng tôi tham gia một buổi giao lưu gặp gỡ với người dân rồi cùng nhau dùng bữa tối. Trong bữa ăn, mọi người đều nói tốt về tôi. Cuối cùng, cũng đến lúc để tôi nói một điều gì đó. Tôi đã phải tập luyện rất chăm chỉ cho những giờ phút

“tung hứng” trên sân khấu và rất thành công khi đem lại nụ cười vui vẻ cho mọi người. Chốc chốc, tôi lại lén nhìn cha nhưng đôi mắt ông không bao giờ hướng vào tôi. Ông đang nhìn các vị khách một cách chăm chú.

Khi tôi đưa ông về nhà, ông vẫn không đưa ra một lời nhận xét nào cả. Tôi chúc ông ngủ ngon rồi toan đi về thì ông nắm lấy cánh tay tôi.

Chiến tranh sắp sửa nổ ra rồi. - Giọng ông thều thào.

Vâng ạ. - Tôi đáp.

Mỹ sẽ hất cẳng Hitler.

Rồi cha tôi lại im lặng. Bàn tay ông nắm chặt cánh tay tôi khiến tôi cảm thấy thật gằn gữ. Ông tiếp tục nói, đôi mắt nhìn xa xăm như đang suy tư về quá khứ.

Châu Âu luôn chứa đựng nhiều vấn đề bất ổn. Đó là lý do tại sao ta lại cùng mẹ con chuyển tái Mỹ. Chúng ta muốn con cái mình không bao giờ phải trải qua những ngày tháng khó khăn loạn lạc. Dường như ta nợ nước Mỹ một món nợ ân tình và ta luôn đau đầu muốn đáp đền đất nước này. Nhưng, ta chỉ là chủ một cửa tiệm nhỏ, ta chẳng là gì cả. Khi ta trao cho con trai ta cây đàn violin, ta đã nghĩ nếu nó có thể trở thành một nhạc sĩ vĩ đại, nó sẽ sáng tạo ra những nốt nhạc tuyệt vời.

Ông thở dài rồi khẽ nhún đôi vai già yếu xương xẩu.

Đó là lý do tại sao ta lại buồn đến thế khi con ngừng chơi đàn, Benny ạ. Nhưng bây giờ ta đã hiểu. Con đã tìm ra khả năng của mình trong việc mang tiếng cười đến cho người khác, và sẽ rất tốt nếu người ta có thể cười thật nhiều vào những lúc như thế này.

Cha thực sự nghĩ như vậy sao? - Tôi hân hoan hỏi cha.

Ông gật đầu:

Ở quê xưa, chúng ta không bao giờ cười trong những giờ phút khó khăn, và cả trong những thời khắc đất nước thái bình, chúng ta cũng không cười nhiều hơn thế, vì chúng ta vẫn bị ám ảnh bởi quầng đời đau khổ trước đó. Nụ cười luôn là món quà kỳ diệu và ta rất vui vì con, Benny Kubelsky, khi con có thể giúp đất nước này cất tiếng cười vang.



Rồi ông dừng lại, mỉm cười:

Và ta biết rằng con đã tập luyện rất chăm chỉ những phần khó. Đúng không Benny?

Vâng thưa cha.

Tốt lắm, con ngoan!

Jack Benny

# Đánh đổi

*Cảm giác không bị thúc ép về mặt thời gian về bản chất đã là một hình thức của sự giàu có.*

Bonnie Friedman

Lần đầu tiên tôi có cảm giác muốn rút bỏ cuộc sống hiện tại là khi ngồi trên đỉnh núi cùng các con. Đó là một ngày nắng nhưng đầy gió và lạnh lẽo. Maggie lúc đó 9 tuổi còn Evan 8 tuổi đang chơi đuổi bắt ở quanh đó, chúng tinh nghịch leo trèo khắp các mỏm đá rồi hồn nhiên cuộn mình lăn dài trên thảm cỏ.

Việc không phải bận tâm đến những bức thư điện tử và các cuộc điện thoại đem lại cho tôi một cảm giác thật yên bình mà nhiều năm rồi tôi không có được. Đã lâu lắm tôi mới có dịp gần gũi bọn trẻ đến thế, cảm giác mới thư thái làm sao. Thức ăn cho những ngày đi chơi này đã được tôi chuẩn bị sẵn từ trước.

Bỗng dưng trong đầu tôi thoáng qua giọng nói: “Sarah, mày vẫn muốn đeo đẳng cuộc sống như hiện tại sao? Khi mà mày chỉ có thể tận hưởng những khoảnh khắc hạnh phúc bên bọn trẻ như thế này một lần duy nhất trong năm’?”.

Tôi biết đó là suy nghĩ của chính tôi trong phút giây chán chường. Tôi bắt đầu cảm thấy ngán ngẩm khi phải đối diện với công việc, với một chiếc máy tính xách tay, một chiếc PDA, một chiếc điện thoại di động, hai chiếc điện thoại ở nhà và hai chiếc ở văn phòng, một chiếc xe nhỏ, kế hoạch tiết kiệm cho thời gian nghỉ hưu, kế hoạch tiết kiệm cho thời gian học đại học của bọn trẻ, rồi mỗi ngày mất một giờ đồng hồ để đi tới công sở.

Tôi nhanh chóng trấn tĩnh bản thân. Rồi bỏ công việc biên tập cho một tờ tạp chí lớn là một việc làm không thể tưởng tượng nổi. Công việc của tôi đang tiến triển rất tốt, mỗi tháng tôi lại cho ra đời một ấn phẩm - viết tiêu đề và lời tóm tắt, xem xét các bản thảo, cố gắng biến những thông tin cũ kỹ trở nên hấp dẫn và thu hút.

Đó là một công việc tuyệt vời, vì thế rời bỏ nó chẳng khác nào tự sát. Cái tôi thực tế lên tiếng can ngăn tôi: “Mày sẽ chẳng bao giờ kiếm được một công việc thứ hai như thế - không bao giờ”. Vì vậy, tôi lại tự nhủ: “Thôi đi, người

như mình sao có thể bỏ việc chứ!”. Sau đó tôi dẫn bọn trẻ xuống núi, về nhà.

Một mùa xuân tươi đẹp qua đi, nhường chỗ cho mùa hè năng động với những cuộc dạo chơi bên bờ biển, những buổi liên hoan cắm trại tung bùng cho bọn trẻ. Đó là một mùa hè thật dễ thương và khoảng thời gian tuyệt vời đó còn kéo dài sang tận tháng 9. Khi đó, những người New York hay than phiền nhất cũng phải cất tiếng reo mừng chào đón những ngày đẹp trời. Đầu tháng 9, nắng vàng rực rỡ, tưởng như ngày hôm nay bao giờ cũng đẹp hơn ngày hôm qua.

Sáng ngày 11 tháng 9, khi tan lớp học karate, tôi ngoắc cho mình một chiếc taxi. Tôi vẫn còn nhớ, đó là ngày đẹp trời, khí trời mát mẻ, bầu trời trong xanh, những cơn gió nhẹ mát lạnh khiến không gian càng thêm khoáng đạt, giống như ngày tôi và bọn trẻ ngồi cùng nhau trên đỉnh núi. Tôi nhắm mắt và nhớ lại tiếng gọi thích thú “Mẹ ơi!” của Evan khi thằng bé nhìn thấy những con dê núi lang thang gần đó.

“Một vụ nổ lớn vừa xảy ra tại trung tâm thương mại thế giới.” - Người lái xe nói với tôi khi bật máy phát thanh. Chúng tôi cùng lắng nghe, sửng sờ, rồi thảng thốt.

Sáng hôm sau, Evan ngồi chơi trên giường, nó ném từng con rô bốt chồng lên nhau thành một đống lớn. “Con đang làm gì thế?” - Tôi hỏi mà mi mắt như sụp xuống. Đêm qua là một đêm khó khăn với tôi. Tôi đã thức rất muộn để theo dõi kênh truyền hình CNN. Hình ảnh về những tòa nhà bốc cháy ngùn ngụt ám ảnh tâm trí tôi.

“Con đang chơi trò nghĩa địa.” - Thằng bé trả lời. Tôi hôn lên trán nó và bỗng dưng bật khóc. Một trong những người bạn học cùng lớp karate với tôi Patrick Brown nằm trong Đội chữa cháy 3 đã có mặt tại tòa tháp lúc xảy ra vụ nổ.

Tôi và bọn trẻ cùng nhau cầu nguyện mặc dù chúng tôi không thường xuyên làm thế. Trong mấy tuần liền, chúng tôi đã thắp nến trước bậc thềm nhà cả đêm. Chúng tôi cùng nói về hòa bình và chiến tranh, báo thù và tha thứ, đau buồn và sợ hãi.

Thời gian trôi qua, hy vọng về những người sống sót trong vụ khủng bố cứ tắt dần. Pat cùng một nửa thành viên trong Đội chữa cháy và vô số người khác đã thiệt mạng.

Rồi cuộc sống cũng dần trở lại bình thường sau thảm kịch ngày 11 tháng 9.

Nhưng chính thảm họa này đã tạo nên một bước ngoặt lớn trong suy nghĩ của tôi. Thay vì do dự như hôm trên đỉnh núi, tôi trở nên mạnh mẽ và quyết đoán hơn.

Một ngày nọ, trong cuộc họp ở tòa soạn báo, trong tôi lại vang lên lời trách móc: “Mày đang làm cái quái gì ở đây vậy?”.

Mỗi khi ngồi trên xe buýt tới công sở hay khi cố gắng võ về giấc ngủ trong những đêm dài thao thức, trong tôi lại diễn ra cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt. Một mặt, tôi muốn “vứt bỏ tất cả”, mặt khác lại tự phản đối: “không thể được. Bỏ việc, mày sẽ sống thế nào đây? Mày sẽ đào đâu ra tiền để trang trải các khoản chi phí như lương cho người trông trẻ, tiền nhà, tiền xăng xe và tiền ăn uống nữa?”.

Giọng nói khuyên can lại lên tiếng phản biện một cách ôn tồn: “Không phải mày là một nhà văn đó sao? Trước đây mày đã từng viết

văn và mày yêu thích công việc ấy. Hơn thế nữa, khi ngồi viết văn ở nhà, mày cũng sẽ không cần một người trông trẻ nữa”.

“Đây không phải là thời điểm thích hợp. Cho tới khi nghỉ hưu thì người ta vẫn cần làm việc mà. ”

“Dĩ nhiên đây mới là thời điểm thích hợp!”- Giọng nói khuyên can cất lên. “Mày đang lãng phí thời gian đấy, con cái mày sẽ nhanh chóng trưởng thành và chúng sẽ quan tâm tới những việc khác hơn là quan tâm tới mày. Bây giờ mà còn chần chừ thì đến bao giờ mới là thời điểm thích hợp?”

“Nhưng New York rất đắt đỏ. ”

“Vậy hãy bỏ nơi này đi. Hãy chuyển tới Maine. ”

“Vậy còn mẹ, còn căn bệnh Alzheimer ngày càng trầm trọng của mẹ thì sao  
Làm sao mày có thể bỏ bà ấy lại đây một mình?”. (Lúc này mẹ tôi đang ở trung tâm chăm sóc sức khỏe New York).

Giọng khuyên can đáp lại buồn bã: “Mẹ rồi sẽ rời bỏ mày, với lại ở Maine cũng có nhiều trung tâm chăm sóc sức khỏe mà!”.

Một ngày vào đầu tháng 12 - ngay trước sinh nhật thứ 41 của tôi - tôi đã thông báo cho bọn trẻ biết về quyết định chuyển đến nơi khác của mình. Tôi gửi đơn xin thôi việc cho sếp rồi gọi điện tới trung tâm môi giới bất động

sản.

Giờ đây, tôi dành toàn bộ thời gian để viết văn. Chúng tôi sống yên ả trong ngôi nhà ở một thị trấn nhỏ ngoại thành, không quá xa Portland, Maine. Trên đường gần nhà tôi có một công viên rất đẹp, những ngọn núi nhỏ bao phủ toàn cỏ xanh, những con gà tây, hươu nai hoang dã, thỉnh thoảng lại xuất hiện thêm những chú nai sừng tấm Bắc Mỹ... Tất cả đều rất tuyệt.

Và bất cứ khi nào muốn - tôi, bọn trẻ và chú cún cưng lại có thể cùng nhau leo lên những ngọn núi đó, ngồi trên những mỏm đá tròn nhìn ra thế giới xinh đẹp và cảm tạ Chúa vì đã hiểu thấu lời cầu nguyện của tôi.

- Sarah MaHoney

# Câu chuyện giáng sinh

*Mỗi lần suy nghĩ là mỗi lần chiến thắng.*

Ralph Waldo Emerson

Tháng 10 năm 1843, một buổi chạng vạng tối, Charles Dickens lặng lẽ bước ra khỏi mái cổng bằng gạch đá của ngôi nhà gần công viên Regent ở Luân Đôn để bắt đầu cuộc đi dạo trên những con đường thành phố. Không khí lạnh lạnh của cảnh trời nhá nhem khiến ông cảm thấy dễ chịu phân nào so với tiết trời ẩm thấp bất thường đeo bám cả ngày hôm nay.

Dickens là một người đầy cuốn hút với mái tóc nâu bông bênh và đôi mắt sáng long lanh. Lúc này đây, ông đang gặp rắc rối thực sự. Người cha của bốn đứa con này từng nghĩ mình đang ở đỉnh cao của danh vọng. Những cuốn tiểu thuyết như

The Pickwick Papers, Oliver Twist và Nickolas Nickleby được công chúng đón nhận nồng nhiệt; còn cuốn Martin Chuzzlewit mà ông xem là đứa con tinh thần hoàn hảo nhất đang được xuất bản hàng tháng. Nhưng nhà văn được mọi người ca tụng này lại đang phải đối mặt với những khoản nợ nần chồng chất.

Một vài tháng trước, nhà xuất bản đã cho biết số lượng sách của ông bán ra không cao như mong đợi và có lẽ, họ phải cắt giảm số lượng sách xuất bản hàng tháng của ông trong những đợt bán sách sắp tới.

Thông tin đó khiến ông vô cùng kinh ngạc. Với ông, điều này chẳng khác nào tài năng của ông đang bị người ta đặt dấu hỏi. Ký ức về tuổi thơ nghèo khó bỗng chốc ùa về trong tâm trí ông. Dickens đang phải gồng gánh một gia đình lớn, đa thế hệ. Những khoản chi tiêu trong gia đình luôn vượt quá số tiền ông kiếm được. Cha và các anh em của ông đang nợ nần chồng chất. Vợ ông, Kate, đang chuẩn bị chào đón sự ra đời của đứa con thứ năm.

Cả mùa hè, Dickens không thôi lo lắng về tập hóa đơn ngày càng dày, đặc biệt là khoản thế chấp lớn mà ông dùng chính ngôi nhà đang ở làm vật thế nợ. Ông dành thời gian đi đến khu nghỉ mát dọc bờ biển nhưng không thể tìm cho mình một giấc ngủ sâu, vì thế ông thường đi bộ dọc các vách đá hàng giờ liền. Ông hiểu rằng mình cần một ý tưởng giúp kiếm được một khoản tiền lớn và ông muốn ý tưởng đó đến với ông thật nhanh. Nhưng với



tâm trạng chán chường như hiện tại, viết một đoạn văn ra hồn cũng là một việc khó khăn với Dickens. Sau khi tới Luân Đôn, ông hy vọng rằng những phút giây đi dạo khi đêm về sẽ gợi mở trí tưởng tượng cho ông.

Ánh đèn đường nhạt nhòa dẫn lối Dickens bước vào những vùng lân cận Luân Đôn. Khi ông tái gần sông Thames, ánh sáng duy nhất lúc này là ánh đèn từ ô cửa sổ của khu dân cư xập xệ soi xuống con đường ngập ngụa rác thải và những đoạn cống mới thông vẫn chưa kịp đóng nắp. Không còn bóng dáng của các quý bà duyên dáng và các quý ông sang trọng, ở đây chỉ toàn nhan nhản những cô gái bán hoa tục tĩu, những tay móc túi chuyên nghiệp, trộm cướp và ăn xin la liệt trên đường.

Khung cảnh Âm đạm ấy khiến ông nhớ đến con ác mộng thường xuyên quấy nhiễu giấc ngủ của mình: Một đứa trẻ 12 tuổi ngồi bên bàn làm việc chất đầy những hộp xi đánh giày màu đen. 12 giờ một ngày, 6 ngày một tuần, nó ngồi dán nhãn lên đóng hộp chồng chất chỉ để kiếm 6 si-linh duy trì sự sống.

Nhìn xuống dưới sàn nhà kho mục nát, thằng bé phát hiện ra một hầm rượu - vương quốc lý tưởng cho bọn chuột. Ngược mắt lên, nó chỉ thấy một khung cửa sô đầy bụi và ẩm hơi sương giả mùa đông. Ánh sáng mờ ảo hết như hy vọng về cuộc đời của nó. Cha nó đang ngồi tù vì thiếu nợ, và nó chỉ được một giờ tới trường trong thời gian nghỉ giải lao mỗi bữa tối ở nhà kho đó. Nó cảm thấy vô vọng, thế giới như đang khép chặt trước mặt nó. Có lẽ sẽ chẳng bao giờ còn có những buổi lễ, niềm vui hay hy vọng nào nữa...

Đó cũng chính là những năm tháng tuổi thơ khốn khổ của Dickens. May mắn thay, cha của Dickens được thừa kế một số tiền đủ để ông trả hết nợ nần, thoát cảnh tù tội, cậu con trai nhỏ cũng nhờ thế mà thoát khỏi số phận thê lương.

Lúc này đây, nỗi sợ không trả nổi nợ nần lại đeo bám giày vò Dickens. Một mỏi và buồn chán, ông rẽ về nhà sau một chuyến đi dài. So với lúc bước chân ra đi, trong đầu ông vẫn chưa tìm ra được ý tưởng nào cho câu chuyện “vui vẻ và sinh động” mà ông đang từng giờ mong ngóng.

Tuy nhiên, khi gần về tới nhà, trong đầu Dickens bỗng lóe lên một ý tưởng bất ngờ. Một câu chuyện về ngày lễ Giáng sinh thì sao nhỉ? Ông sẽ viết một câu chuyện về cuộc sống của những người mà ông vừa đi ngang qua họ trên con đường tối om ở thành phố Luân Đôn. Những con người đó cũng giống như ông, đang sống và chiến đấu từng ngày với cùng một nỗi sợ hãi và khát khao mà ông rất hiểu. Những con người đói khát niềm vui và hy vọng!

Nhưng còn chưa đầy 3 tháng nữa thôi là Giáng sinh rồi. Làm thế nào ông có thể hoàn thành một cuốn tiểu thuyết tuyệt vời trong khoảng thời gian ngắn ngủi như thế? Cuốn sách cần phải ngắn, thậm chí không thể là một cuốn tiểu thuyết hoàn chỉnh. Nó cần phải được hoàn thành vào cuối tháng 11 để có thể in và xuất bản đúng dịp Giáng sinh. Để rút ngắn thời gian, ông nảy ra ý tưởng là lấy câu chuyện hồn ma trong mùa Giáng sinh từ một chương trong cuốn thể Pickwick Papers.

Ông sẽ thêm vào câu chuyện những hình ảnh và nhân vật mà độc giả của ông yêu thích. Đó sẽ là một đứa trẻ nhỏ bé và yếu ớt, một người cha lương thiện nhưng bất lực và trung tâm của câu chuyện là một nhân vật phản diện sống ích kỷ, một ông già mũ to với gò má nhẵn nhéo.

Khi những ngày tháng 10 ấm áp qua đi nhường chỗ cho cái lạnh se sắt của mùa đông, bản thảo của Dickens ngày một dày lên, ông đang tiến gần đến việc hoàn thành tác phẩm của mình. Với cuốn sách này, trẻ nhỏ cũng có thể đọc và hiểu bởi cốt truyện rất đơn giản, bên cạnh đó nó vẫn đủ sức khơi dậy dòng ký ức và cảm xúc ấm áp nơi trái tim những người trưởng thành.

Sau khi trở về căn hộ lạnh lẽo và thiếu sinh khí trong đêm Giáng sinh, Ebenezer Scrooge - một thương nhân hà tiện ở Luân Đôn - đã có buổi gặp gỡ với linh hồn của một người bạn đã khuất, Jacob Marley. Chính sự tham lam và vô cảm với đồng loại khi còn sống đã khiến linh hồn của Marley không thể siêu thoát mà phải lang bạt khắp nơi với hàng mớ dây xích chằng chịt quanh người. Ông ta khuyên Scrooge nên thay đổi, nếu không sẽ phải chịu một số phận nghiệt ngã tương tự. Những linh hồn từ Giáng sinh đã qua, Giáng sinh hiện tại và cả những mùa Giáng sinh sắp tới lần lượt hiện về và tái hiện trước mắt Scrooge cuộc sống ích kỷ, thiếu tình thương yêu của họ, đồng thời nhắc nhở một tương lai khôn khổ đang chờ đón nếu Scrooge không thay đổi cách sống. An nhàn và hối hận, Scrooge đã từ bỏ lối sống ích kỷ, quyết tâm trở thành người tốt bụng, rộng lượng và giàu tình yêu thương. Đây chính là những bài học, những giá trị thấm thía mà ông học được từ lễ Giáng sinh.

Dần dần, trong quá trình viết văn, một điều gì đó bất ngờ đã xảy đến với Dickens. Không biết tự lúc nào, kế hoạch liêu lĩnh có chủ ý nhằm mục đích giải cứu ông khỏi cảnh nợ nần - mà theo cách ông nói chỉ là “một kế hoạch nho nhỏ” - đã sớm tạo ra sự thay đổi trong con người ông. Khi ngòi bút dần vẽ ra mùa Giáng sinh mà ông ấp ủ - bữa tiệc gia đình ấm áp, những nhánh tầm gửi treo trên trần nhà, bài hát vui vẻ mừng Giáng sinh, những trò chơi, điệu nhảy và những món quà bất ngờ; những bữa tiệc thịnh soạn có ngỗng

quay, bánh put- đinh, bánh mì nóng hôi, và tất cả mọi người cùng cất cao tiếng cười trước cây Noel rực rỡ đèn hoa - chính niềm vui từ mùa Giáng sinh an lành đã làm dịu vơi bao lo toan đang đè nặng trong lòng Dickens.

A Christmas Carol (Khúc hát mừng Giáng sinh) đã chiếm trọn trái tim và tâm hồn ông. Tác phẩm đã trở thành đứa con tinh thần xuất phát từ niềm đam mê đích thực. Mỗi khi ông chấm bút xuống lọ mực, nhân vật của ông lại dần bước ra cuộc sống: Tiny Tim nhỏ bé với cái nạng bên mình, Scrooge chìm đắm trong nỗi sợ hãi trước những bóng ma, Bob Cratchit tận hưởng cốc bia Giáng sinh trong sự nghèo đói.

Mỗi buổi sáng, Dickens cảm thấy vò cùng phấn khích và không thể ngăn mình bắt tay ngay vào công việc. "Cuốn sách nhỏ bé đó đã thực sự rung động trái tim tôi, khiến tôi khó có thể rời nó dù chỉ một lúc", ông đã trả lời như thế với một nhà báo. Một người bạn, đồng thời cũng là người viết tiểu sử về Dickens sau này, John Forster, từng viết về "sự chi phối lớn lao" của cuốn sách đối với nhà văn. Khi trò chuyện với một giáo sư ở Mỹ về sự ra đời của tác phẩm, Dickens kể lại rằng ông từng khóc rồi lại cười trong lúc sáng tác. Thậm chí, đích thân Dickens đã đứng ra đảm nhận việc thiết kế cho cuốn sách. Ông quyết định bìa sách phải dán tem vàng, trang bìa giả sẽ có màu truyền thống đặc trưng cho mùa Giáng sinh còn bìa lót phải có màu sắc sặc sỡ, ngoài ra còn phải có bốn bản khác axit phun màu thủ công và bốn bản khắc gỗ được chạm trổ. Đề cuốn sách có thể đến tay của đồng đảo độc giả, ông đã đưa ra mức giá chỉ có năm si-ling mỗi cuốn.

Cuối cùng, vào ngày 2 tháng 12, đứa con tinh thần của ông cũng chào đời. Bản thảo ngay lập tức được gửi đi in. Vào ngày 17 tháng 12, sách được phát hành và cái tên Dickens lại được mọi người yêu mến đón đợi. Mặc dù đoán biết rằng cuốn sách sẽ được độc giả đón nhận nồng nhiệt, nhưng cả ông và nhà xuất bản đều không ngờ họ lại nhận được sự phản hồi lớn lao và mạnh mẽ từ phía độc giả đến thế.

Ấn bản đầu tiên gồm 6.000 quyển đã bán hết ngay trong dịp Giáng sinh, và khi thông điệp ám áp của cuốn sách nhỏ lan rộng, sau này Dickens nhớ lại rằng ông đã nhận được "vô số bức thư qua đường bưu điện". Tất cả đều đến từ những độc giả của ông. Họ đã viết về gia đình và tổ ấm của họ, rằng họ đã đọc to cuốn sách thế nào và cuốn sách được họ giữ gìn cẩn thận trên giá sách ra sao. Nhà văn William Makepeace Thackeray đã tán dương cuốn A Christmas Carol rằng: "Dường như cuốn sách đã trở thành tài sản quốc gia

không chỉ với cá nhân tôi mà còn với tất cả những người đàn ông và phụ nữ

đã tìm thấy ở đó một tấm lòng nhân ái”.

Tuy dư luận đánh giá rất cao về cuốn sách, nhưng về mặt tài chính, nó không đem lại thành công lớn như Dickens mong đợi. Lý do là vì ông yêu cầu chất lượng cuốn sách quá cao trong khi giá bán để nghị lại khá thấp. Nhưng dù sao, cuốn sách cũng mang về cho ông một khoản tiền đủ để ông vượt qua thời gian khó khăn. Thêm vào đó, cuốn sách được yêu mến cũng khuyến khích độc giả mua thêm những cuốn truyện khác đồng thời mở ra một hướng đi mới cho cuộc đời và sự nghiệp của Dickens.

Mặc dù nghiệp văn của Dickens được đánh dấu bằng sự thành công của không ít cuốn sách vừa chất lượng, vừa đem lại một khoản lợi nhuận to lớn như David Copperfield, A Tale of Two Cities và Great Expectations, nhưng không gì có thể sánh với niềm vui và sự mãn nguyện mà ông có được từ cuốn sách nhỏ này. Và khi ông qua đời vào năm 1870, người ta nghe thấy một đứa trẻ nghèo ở Luân Đôn cất tiếng hỏi: “Ông Dicken mất rồi ư? Vậy Cha Giáng sinh cũng mất luôn ư?”.

Trên thực tế, rất nhiều tập tục trong đêm Giáng sinh đã được phổ biến rộng rãi nhờ cuốn sách của Dickens như những cuộc hội họp gia đình, đồ ăn thức uống cùng với tục lệ tặng quà. Thậm chí, cuốn sách này còn làm giàu thêm cho ngôn ngữ tiếng Anh bằng cụm từ “Scrooge” hay qua cách nói “Hừ! Trò bịp bợm!” (Bah! Humbug!) khi ai đó cảm thấy bực tức hoặc hoài nghi. Và cụm từ “Chúc mừng Giáng sinh” (Merry Christmas) cũng trở thành cách nói phổ biến sau khi câu chuyện này ra đời.

Quả thực, cuộc sống luôn chứa đựng nhiều điều bất ngờ. Vào những lúc rối bời, thiếu niềm tin và mất phương hướng, đôi khi con người lại khám phá ra những thành tựu vĩ đại nhất. Giữa bão bùng khốn khó đốn đau, con người lại được khích lệ bằng một món quà vô giá. Với Charles Dickens, cuốn tiểu thuyết nhỏ về ngày Giáng sinh không chỉ đem lại niềm tin vào chính bản thân mà còn đem lại sự tin tưởng vào niềm vui dâng tràn của một mùa an lành ấm áp.

- Thomas J. Burns

# Nghệ thuật quản lý khách sạn

*Trí tưởng tượng còn quan trọng hơn cả kiến thức.*

Albert Einstein

Trong tiếng Anh, từ “ritz” hay “ritzzy” được dùng để chỉ sự sang trọng, lịch lãm. Đây cũng là tên gọi của một người đàn ông Thụy Sĩ - César Ritz - người mà trình độ học vấn chỉ dừng lại ở những phép toán đơn giản, nhưng ông lại là một trong những người đặt nền móng cho việc đưa quản trị khách sạn trở thành một nghệ thuật. Ngày nay, bạn có thể thấy dấu ấn của ông trên rất nhiều phương diện, ở bất cứ khách sạn nào lấy tiện nghi và thẩm mỹ làm điểm nhấn.

Ritz sống vào thời kỳ chuyển giao giữa hai thế kỷ, khi người phụ nữ bắt đầu lên tiếng đòi quyền bình đẳng, ông đã khuyến khích, giúp họ thoát khỏi những luật lệ tù hãm dưới thời nữ hoàng Victoria. Vào cuối thế kỷ 19, khi ông đặt chân tới Luân Đôn, không người phụ nữ xuất thân từ gia đình gia giáo nào dám để người khác nhìn thấy mình dùng bữa tối nơi công cộng. Khi đó, Ritz đã thuyết phục một số quý bà có địa vị cao như phu nhân Công tước Devonshire hay quý bà Dudley tới dùng bữa tối tại khách sạn của ông. Những người khác lần lượt học theo và chỉ một thời gian ngắn sau đó, ăn tối tại Savoy Carlton đã trở thành một nghi thức xã giao bắt buộc.

Ritz là người tiên phong trong việc đưa vào sử dụng những chiếc đèn mờ để khơi dậy tối đa vẻ đẹp làn da và nhấn mạnh nét duyên dáng từ những nếp áo của người phụ nữ. Ông sắp xếp phòng ăn trong khách sạn của mình sao cho phụ nữ có thể vào ngay sau khi bước lên những bậc thang ngắn. Rồi ông cùng người bếp trưởng nổi tiếng, Auguste Escoffier, chế biến rất nhiều món ăn dường như chỉ dành riêng cho phụ nữ. Thêm nữa, ông còn đưa âm nhạc vào phục vụ bữa tối - đây là điều lần đầu tiên xuất hiện ở Luân Đôn. Không những thế, Ritz luôn là một người cầu toàn, ông thường chọn dàn hợp xướng của Johann Strauss để đem lại cho các vị khách của mình những giai điệu mượt mà du dương nhất.

César Ritz sinh ra tại một vùng núi thuộc Niederwald, Thụy Sĩ. Ông đi làm từ năm 16 tuổi tại phòng ăn của khách sạn trong một thành phố gần đó. Mấy tháng sau, ông bị đuổi việc. “Kinh doanh khách sạn đòi hỏi nhân viên phải có năng khiếu - đó chính là khả năng quan sát tinh nhạy, trong khi đó cậu lại không có một chút năng khiếu nào.” - Quản lý đã nhận xét về ông như vậy.



Sau đó, Ritz kiếm được một công việc thứ hai là bồi bàn, và thêm một lần nữa ông lại bị sa thải. Ông tái Paris, ở đây ông kiếm được hai công việc mới và rồi lại mất việc như những lần trước. Sự nghiệp của ông chỉ thực sự bắt đầu với công việc thứ năm, trong một nhà hàng nhỏ lịch lãm gần Madeleine.

đây, ông đã leo lên từng bậc, từ vị trí hầu bàn phụ tới bồi bàn và cuối cùng là quản lý. Khi ông chủ mời ông hợp tác làm ăn, ông mới 19 tuổi. Vái bất cứ một thanh niên trẻ tuổi nào, đây chính là một cơ hội tuyệt vời. Nhưng lúc đó Ritz hiểu rằng mong muốn thực sự của mình là thế giới của những người vĩ đại và những món ăn tuyệt vời.

Vì thế, cởi bỏ chiếc tạp dề, ông bước xuống con đường dẫn tới nhà hàng hàng đầu thời bấy giờ là Voisin's rồi xin vào làm phụ hầu bàn - một vị trí gần như thấp kém nhất. Ông quan sát và học hỏi. Ông học cách làm món vịt quay và thịt nướng, cách rót rượu vang đỏ; cách chuẩn bị đồ ăn vừa đẹp mắt vừa ngon miệng.

Vào năm 1871, Ritz rời Paris. Trong ba năm sau đó, ông kiên trì làm việc và rèn giũa kỹ năng ở những khách sạn thời thượng tại Đức và Thụy Sĩ. Sau thời gian này, ông trở thành quản lý của Rigi-Kulm - một khách sạn nổi tiếng vì quang cảnh đẹp và đồ ăn tuyệt hảo gần dãy Alpine. Một ngày, hệ thống sưởi của khách sạn bị chập nổ. Ngay lúc đó, ban quản lý khách sạn nhận được tin 40 vị khách người Mỹ giàu có đang trên đường tới dùng bữa trưa.

Nhiệt độ trong phòng ăn giảm xuống một cách rõ rệt. Ngoài trời đang rất lạnh. Khoác lên mình chiếc áo choàng, rất nhanh, Ritz yêu cầu chuyển các bàn ăn trưa sang phòng vẽ - phòng này có rèm cửa màu đỏ, trông ấm áp hơn. Trong bốn chiếc thùng lớn bằng đồng mới được mua để trồng cọ, Ritz tưới rượu vào và châm lửa. Gạch nhanh chóng được bỏ vào lò.

Khi đoàn khách tới, căn phòng đã ấm lên đáng kể, và dưới chân mỗi vị khách đều đặt một hòn gạch nóng có vải ilanen bọc ngoài. Bữa ăn là kiệt tác trong tiết trời giá lạnh, mở đầu bằng nước dùng nóng có vị cay và kết thúc bằng bánh Suzette của Pháp mới ra lò.

Khả năng phản ứng nhanh nhạy của Ritz được những người có mặt tại khách sạn hôm ấy không ngừng truyền tai nhau và nhanh chóng lan rộng khắp nơi. Cuối cùng, tin đồn tới tai chủ của một khách sạn lớn ở Lucerne đúng vào thời gian khách sạn này đang trên đà thua lỗ. Ngay sau đó, Ritz được mời trở thành quản lý trưởng của khách sạn. Trong hai năm, chàng thanh niên 27 tuổi này đã khiến khách sạn làm ăn ngày càng phát đạt.

Ritz từng nói: “Con người luôn muốn được phục vụ nhưng họ muốn được phục vụ một cách thầm lặng”. Ông đưa ra bốn quy tắc nổi tiếng đối với một người quản lý khách sạn hiện đại: Phải quan sát tất cả dù không cần nhìn, phải biết tất cả dù không cần nghe, phải chu đáo mà không gây phiền toái và phải tích cực mà không vượt quá quyền hạn của mình.

Nếu một vị khách than phiền về khoản tiền trong hóa đơn quá cao, ông sẽ mỉm cười thân ái, đem tờ hóa đơn đi và quên không đem nó trở lại. Nếu khách dùng bữa không hài lòng với món thịt hay rượu thì chúng sẽ được dọn khỏi bàn ăn. Ritz có một trí nhớ rất tuyệt vời. Ông nhớ chính xác vị khách nào thích nhân hiệu xì gà của Thổ Nhĩ Kỳ và vị khách nào thích vị cay tương ớt, và khi những vị khách này tới thì các món trên đã chuẩn bị sẵn sàng chờ họ.

Ông cũng dành nhiều ưu đãi cho những khách hàng thân thiết. Vị khách cao lớn sẽ được trang bị trong phòng một chiếc giường dài hai mét rưỡi để họ có thể nghỉ ngơi một cách thoải mái. Bà Smith không thể chịu nổi hoa sẽ không bao giờ bị chúng làm phiền; còn bà Jones thích vườn tược lại luôn tìm thấy một bó hoa trên khay đồ ăn sáng.

Vào năm 1892, Ritz tới Luân Đôn để tiếp quản khách sạn Savoy đang gặp khó khăn về mặt tài chính. Sự hài lòng của khách hàng đã khiến khách sạn thoát khỏi tình trạng nợ nần trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên sau đó, khó khăn lại trở lại. Ritz đã cẩn thận đi kiểm tra từng phòng và làm lại những chiếc giường để đảm bảo rằng chúng hoàn hảo. Một lần, khi kiểm tra phòng ăn, ông ngửi thấy mùi xà phòng trong một chiếc ly và ông đã nghiêm khắc yêu cầu nhân viên rửa lại hàng trăm chiếc.

Một lần khác, trong khi đang thiết kế lại cách bài trí của dãy phòng cưới, ông bỗng thấy một chiếc đèn chùm bằng đồng thò ra từ trần nhà và cảm thấy vô cùng khó chịu. Thế là ông loay hoay tìm cách khác để thắp sáng căn phòng một cách thẩm mỹ hơn. Đúng lúc đó, một ý tưởng nảy sinh khi ông nhìn thấy một gờ trần lồi ra. Ông đặt chiếc đèn vào sau những chiếc gờ, và cũng từ đây ánh sáng gián tiếp mới được biết đến.

Trong khi thu xếp một bữa tiệc cho Alfred Beit - vị vua giàu có của xứ Nam Mỹ, Ritz đã cho trang hoàng lại phòng khiêu vũ của khách sạn Savoy, biến nó thành một Venice thu nhỏ. Các vị khách được phục vụ chẳng khác nào đang được nằm tận hưởng trên những con thuyền đáy bằng lò lững trôi trên sông đào giữa thành phố Venice.



Thời vàng son của Ritz tại khách sạn Savoy kết thúc sau một cuộc cãi vã giữa ông và các giám đốc. Ông trở lại Paris thân thương và nhận ra giấc mơ mình từng ấp ủ bao năm qua. Ông quyết định mở một khách sạn tuyệt vời nhất ngay tại quảng trường Place Vendôme. Để rũ rề những kẻ lười biếng chịu nhấc chân dạo bước, ông đã thiết kế một hành lang nhỏ. Để khuyến khích những cuộc chuyện trò nhâm nhi bên tách trà và cà phê, ông đã thiết kế một khu vườn. Mong muốn sự sạch sẽ, ông sơn tường thay vì dán giấy bởi sơn có thể dễ dàng lau rửa. Để có được những thiết kế vừa ý và sang trọng nhất, ông đã tới cung điện Versailles và Fontainebleau. Còn cách phối màu là do ông học hỏi từ một bức vẽ của họa sĩ Van Dyck.

Sự sáng tạo của ông còn thể hiện ở số phòng được trang bị phòng tắm riêng. Trong ngày khai trương, khách hàng xếp hàng dọc các hành lang như du khách chờ vào viện bảo tàng, vì ai cũng muốn nhìn ngắm những phòng tắm riêng tư đó.

Thành công của Ritz ở Paris không còn gì để bàn cãi. Trong một thực đơn cho bữa tối do nhân viên của Ritz còn lưu giữ có bút tích của bốn vị vua, bảy hoàng tử và vô số quý tộc. Ritz luôn cẩn trọng để ý đến tình hình và giá cả.

đây, Ritz chính là người khởi xướng trang phục truyền thống cho ngành kinh doanh khách sạn: nơ trắng cho bồi bàn, nơ đen cho ông chủ khách sạn. Ông cũng đưa cho nhân viên trực tầng những chiếc cúc đồng.

Những năm đầu thế kỷ 20, Ritz đã xây dựng và khai trương khách sạn Carlton ở Luân Đôn. Một vài năm sau đó, ông mở thêm khách sạn ở Piccadilly, lấy tên mình đặt cho khách sạn. Đây là khách sạn đầu tiên ở Anh sử dụng vật liệu khung thép và được Ritz lấy cảm hứng từ kết cấu của tháp Eiffel. Một nhóm các chuyên gia tài chính đã cùng Ritz tham gia thành lập Ritz

Hotel Development Corporation. Công ty này đã xây dựng phần lớn các khách sạn của Ritz ở khắp nơi trên thế giới.

Vào tháng 10 năm 1918, trước phút lâm chung, Ritz đã thì thầm với vợ ông rằng: “Hãy chăm sóc cho con gái chúng ta”. Họ có hai con trai nhưng không có con gái. “Con gái ” mà ông ám chỉ ở đây chính là Khách sạn Ritz tại Paris.

- George Kent



# Người lính không quen

*Tôi mong muốn sống một cuộc đời thật ý nghĩa. Vì thế, nếu tôi có thể làm điều gì để giúp đỡ mọi người, hãy để tôi làm điều đó ngay từ bây giờ.*

William Penn

Một hôm, khi đang quá cảnh chuyến bay ở Chicago, tôi gọi điện thoại cho vợ báo là mình sắp về đến nhà.

Trong lúc đang nói chuyện với vợ thì tôi nghe thấy ở buồng điện thoại bên cạnh, một người lính trẻ cũng đang gọi điện thoại cho mẹ:

Mẹ ơi, con không biết phải làm sao nữa. Họ vừa cho con biết họ sẽ không đổi vé máy bay nếu con không bù thêm tiền, mà hiện giờ trong túi con không còn đồng nào cả.

Sau một lúc im lặng, anh nói tiếp:

Mẹ gọi lại cho con sớm nhé. Con đang đứng ở trạm điện thoại công cộng. Số điện thoại ở đây là....

Người lính trẻ gác máy, trên gương mặt anh lộ rõ nét lo lắng. Anh đứng bên cạnh trạm điện thoại, sốt ruột chờ mẹ gọi lại.

Tôi nói tạm biệt với vợ rồi quay sang chàng trai trẻ đang đứng bên cạnh, hỏi:

Xin lỗi! Anh có thể cho tôi hỏi, anh đang cần bao nhiêu tiền vậy, anh lính?

Thưa ông, tôi chỉ còn thiếu hai mươi đô-la để về đến nhà. - Anh đáp.

Tôi lấy ví trong túi của mình ra và nói:

- Nhân danh đất nước chúng ta, tôi rất hân hạnh được tặng anh hai mươi đô-la này.

Người lính nhìn tôi rồi mỉm cười. Anh nhận lấy tiền và nói:

- Cảm ơn ông!

Tôi cũng mỉm cười đáp lại anh:

Giờ thì chúng ta về nhà thôi!

*Terry Paulson*

HẾT